

nguyễn ngọc tư

hành
lý
hư
vô

tấn vân



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HÀNH LÝ HƯ VÔ

Tác giả: **Nguyễn Ngọc Tư**

Tản văn

Nhà xuất bản: **Trẻ**

Tạo Ebook: **Silence00**

Trăm Năm Thấp Lửa Bên Lề

Ngay từ đầu tiệm đã không có bảng hiệu gì, sáu mươi bốn năm sau cũng không một chữ, nhưng người ta vẫn tìm được bánh mì cô Vẹn ở góc ngã ba Cây Bàng, vì khách xúm đông. Lại có một cách định vị khác, “thấy tiệm nào có bà già tóc trắng như đội bông bắc cái ghế ng ồi đằng trước, cứ ghé là ngay chóc”. Nghe có vẻ đó là một tượng đá dính cứng vào vỉa hè.

Nhưng bà già đầu ng ồi nín thinh như đá. Tay lúc nào cũng nhúc nhắc cây quạt, ở cái tuổi tám mươi ba, ánh mắt vẫn nhảy múa khi cười. Lá bàng chưa rơi tới đất bà đã chực sẵn để lượm r ồi, khách vừa trò tới, bà kêu luôn, “hai ố xiu mai không bì nhi ều ớt”, r ồi day qua hỏi anh chàng vừa tắt máy xe, “má bây còn đắp thuốc đầu gối không?”. Hai bên cũng không phải họ hàng gì, chỉ là mua bánh mì tiệm bà miết r ồi quen, thuộc cả nết ăn, gia cảnh.

Những người đứng coi tiệm thay cho bà già cảm thấy việc giao lưu với thực khách mới khó, nhất là khi làm không kịp thở, hơi đâu mà đưa chuyện. Những thứ thuộc về “kỹ thuật” như ướp tỏi qua đêm cho thịt ngon, khìa nước dừa cứng cạy cho màu đẹp, nướng bánh mì sao cho đừng quá lửa, làm dưa chua giòn mà không cay phụ gia độc hại cũng đâu phức tạp mấy. Nhưng bà già bảo, coi khách như người nhà cũng là một thứ hương vị đặc biệt mà không phải tiệm bánh mì nào cũng có. Nói vậy thì nghe vậy, ai dám cãi với người g ần sáu mươi năm bán bánh mì kẹp thịt, tiếng ngon đồn xa đến tận quận Mười Ba.

Mà mấy chữ “coi khách như người nhà”, bao g ồm cả việc làm sao cho món ăn sạch sẽ, bổ khỏe, thơm ngon. “Đâu phải họ ít ti ền thì phải ăn những thứ mạt hạng”, bà già thường nói (và làm) vậy. Giữ tiệm mấy chục năm không đi đâu tiếng, thực khách phần đông là học trò, dân lao động, buôn gánh bán bưng. Họ là người dưng, vẫn được trao cho ổ bánh thơm hết như

ổ dành cho con cháu trong nhà.

Vách nhà vẫn còn treo hình cô Vện hồi năm hai mươi sáu tuổi, tay nách một đứa con, một đứa khác đứng bên chân, tay núm ống quần mẹ. Ba má con mặt hơi căng thẳng, chụp cho có để gửi vô khám cho anh chổng lông bông coi. Nhập băng rải truyền đơn, chơi gạch quân cảnh cho vui, chổng xô khám nửa năm, nhìn hình vợ con có chút bỡ ngỡ. Ngoài ổ bánh mì gói kèm theo tấm hình, còn có lá thư, vợ biên rằng, “Tôi mở tiệm bánh mì được chừng chục bữa nay. Bán đồ ăn được cái là lỡ ế thì nhai trừ cơm, không sợ đói. Mình ở trong đó khỏi lo”. Thật ra, anh chổng cũng đâu có lo, bởi anh ham chơi ít để ý chuyện trong nhà. Ngồi tù chỉ nghĩ coi làm gì cho vui, khi hết hạn. Anh càng yên chí hơn khi ngốn hết ổ bánh mì kẹp thịt vợ gói vô, lạnh nguội rồi mà vẫn ngon lành, lúc còn nóng chắc hợp hần người ta phải biết.

Lúc chổng được thả, đến ông xe kéo chở anh về cũng biết tiệm cô Vện, dứt khoát không lấy tiền bởi “bà nhà anh đã từng cho tôi ăn thiếu hai cái bánh mì, giờ coi như huỷ”. Anh chổng về hỏi vợ, cô Vện hơi lơ mơ chẳng nhớ, chừng như từng cho nợ rất nhiều người, họ trả cũng được, không thì chẳng sao.

Không biết có phải vì bà chủ rộng lòng, mà tiệm bánh mì cô Vện đứng vững bao nhiêu mùa bằng thay lá, bao biến cố ngoài đời lẫn trong nhà, con trai đi du học mọc rễ bên Tây, con gái thất tình tự tử may sao không chết, cả khi ông chổng lén vét tiền vàng đi vượt biên cùng nhân tình, biệt tích. Tiệm bánh đi qua bao chính biến, chứng kiến cuộc đời cò tồn xương máu. Chính thể thay đổi không làm bánh mì cô Vện mất ngon.

Tháng Hai năm rồi, có ông già đeo túi bao tử xệ hông tìm tới tiệm bánh mì, hỏi cô Vện còn nhớ đây không, hồi bảy năm đây từ Phước Long chạy về cõng đồ lính mà không có gì thay, đó ngoắc vô cho đây bộ đồ Tây, còn dúm thêm ổ bánh mì qua cơn đói”. Cô Vện tám mươi ba vén tóc vành tai nói, “Ờ, tình cảnh tới nông nổi vậy mà còn khen tui đẹp, chổng không thương uổng quá”. Ông già cười rung hàng răng giả, thấy cuộc đời không

đến nỗi tệ với mình. Vượt biển tha hương mấy chục năm, về như kẻ lạ, chỉ có bà chủ tiệm bánh mì vẫn quen thuộc như thường, như mới hôm qua, vẫn lấy tiền ở bánh kẹp thịt đúng giá, tuyệt không nhận thêm đồng nào, dù năn nỉ mấy, “coi như trả tiền bộ đồ hồi ấy”.

Ông chủ tiệm sách cũ kể bên thấy vậy, nói với qua, “Thôi nài ép chi, cô Vẹn chảnh nào giờ”. Sẵn vui miệng kể luôn, dặn bảy lần ông đội tai bèo về tiếp quản Sài Gòn, ghé qua lộn hết mấy túi vét tiền kêu dờn nửa ký thịt khìa vô ở bánh mì, ăn cho đã cơn thèm. Cười ngất, cô Vẹn chiêu ý anh lính vàng da vì sốt rét, trao cái bánh mì đầy vun nhưng chỉ lấy đúng hai xu, như ở thường năm bảy lát thịt. Hỏi cô chủ buổi loạn lạc vậy không sợ cướp bóc sao mà buôn bán tỉnh táo, cô cười, “bánh mì mà bị cướp cũng là để no bụng người ta, chớ mất đi đâu”.

Nhiều người vẫn nhớ tuổi ăn tuổi lớn của mình trùng với thời kỳ đất nước khó khăn. Sáng lót lòng không khoai luộc ở nhà thì chỉ có chút tiền còm mua ổ bánh mì chan nước sốt, xị thêm ít xì dầu. Món ăn đơn giản, nhưng bánh ở tiệm cô Vẹn vẫn ngon hơn chỗ khác. Sau này mới biết cô cho vào nước sốt ít thịt băm nhỏ, nghĩa là thêm chút dinh dưỡng cho lũ học trò nghèo.

Nhưng chưa bao giờ cô Vẹn nói mình làm phước cho ai, con cháu cũng được dặn hoài, “tiệm mình sống được là nhờ ơn khách”. Nên nước sốt cà phải làm từ cà chua, chứ không phải pha bột với phẩm màu. Bì tự làm ở nhà, không phải lấy bì chợ không nguồn gốc. Anh cháu ngoại cô Vẹn, có lần mua thịt chợ chiêu cho rẻ, bị rầy nhức xương.

Anh chàng từng làm công chức ngành văn hóa bốn năm rưỡi, một bữa kêu nghỉ, về quản lý tiệm bánh mì. Hỏi lý do thì chỉ cười, “về nói tiếng mình”. Đi làm nhà nước thì phải nói tiếng chim chắt, người nhà thắc mắc. Chỉ bà ngoại anh, tức cô Vẹn lấy lừng, nói gọn mỗi câu “mai thức sớm coi ngoại nấu xú mại”.

Tiệm cô Vẹn truyền cho đời thứ ba. Anh chàng bỏ đời công chức chưa lâu, còn hăng, hay sôi nước miếng bàn chuyện chính sự với cánh xe ôm

chờ khách quanh đó, nào là nước mình sắp vỡ nợ đến nơi rồi, tới đây ông nào lên, ông nào xuống. Bà già ngừng quạt hỏi “nhà còn gạo không?”, rồi không chắc thằng cháu nhận ra mình cà khịa, bà già nói thêm, “chuyện xuống lên của mấy ông có làm hương vị bánh mì nhà mình ngon hơn?”.

Với bà già, hay thím bán hủ tiếu gõ bên kia đường, con nhỏ bán nước mía, mấy ông xe ôm, những người luôn bị (hay được) gọi là dân đen, chuyện cờ hoa vô cùng xa lạ, chẳng ăn nhập gì với đời mình. Vị trí bên lề, chưa chắc là do bị gạt ra, mà biết đâu do chính người ta lựa chọn. Một thế đứng bình thản, không ngả theo gió nào, không bị rủ rê lôi kéo. Kiếm tiền bằng công việc lương thiện, chỉ cần vậy thôi, là đủ. Như cô Vẹn từng nói khi con trai muốn đón bà qua Tây ở cùng với nó, “Ở đây còn nhiều người ưng bánh mì má làm, má ở lại”.

Neo Lại Bóng Mình

Cuối năm tặng sách cho bạn, hơi hợt nói một câu, “vậy là năm nay không tới nổi vô tâm tích”. Chỉ mấy từ, mà phôi hết ngày thơ.

In một hay vài cuốn sách dày, bìa cứng bảnh bao, gửi vào thư viện hay một bảo tàng văn chương nào đó là đã đánh dấu vào thời gian, không bị vùi lấp mất sao? Chữ sống sót không phải bằng cách đó. Bản nhạc, bức tranh, và những tác phẩm nghệ thuật khác, cũng vậy.

Nghĩ mình chắc bị ám ảnh hư vô, sợ bị người đời quên mất. Bạn thì không, ít nhất cũng chẳng ra vẻ có. Hễ bạn chọn nghề cô dạy trẻ, mọi người cần quyết liệt, nói biết bao nhiêu chuyện sung sướng không làm, chọn chỉ công việc cực thân tủi lòng, bao lớp học trò một khi lớn lên không còn nhớ. Lúc đó bạn cười hỏi ngược, nhẹ không, “ủa, phải nhớ mới được sao?”. Ai nhớ được tên chị nữ hộ sinh đã cắt dây rốn cho mình?

Lần nhóm thiện nguyện vác tiền tới quê mình xây mấy cây cầu qua sông, anh đại diện một hai bảo đừng gắn biển tên chi hết, “tụi tui làm chuyện này đâu phải để được nhắc nhớ”. Làm việc thiện đã tốt, nhưng làm xong quên luôn còn tốt hơn, thầy anh dạy vậy.

“Cho đi và mất trí nhớ, chỉ nhiều đó mà anh phải học mấy năm mới thuộc”, anh kể.

Những cây cầu xây từ lòng hảo tâm, rốt cuộc cũng xong. Chúng chỉ là cầu qua sông, không mang tên ai, không là biểu tượng lòng tốt của ai. Ít lâu sau, cầu có tên, là tên quán nước, hoặc chủ đất, tên một cái cây lớn đứng ngay bên đầu cầu. Người quê có cách định vị của họ. Nên có những cây cầu được xây tặng khác, được khắc danh tính người tài trợ rành rành trên đá hoa cương, rốt cuộc được dân địa phương gọi bằng cái tên trót quớt, cầu Cây Quao, Hàng Gòn, Gò Mả, Năm Quấn. Người đàn ông tên Năm Quấn nọ chẳng góp gì cho cây cầu, nhưng lúc cầu mới xây xong ông thường lên đó giăng võng nằm chơi.

Nghĩ, ông Nguyễn Công Trứ không bày đầu cái vụ “phải có danh gì với núi sông”, ông chỉ nói trắng ra cái ham muốn trong lòng thiên hạ. Thật vô lý quá khi nghĩ mình sống đằng đằng gần một trăm năm trời, lúc chết là chìm mất tăm hơi. Chẳng thể sống hai lần, người ta tìm cách khắc khảm mình vào cuộc đời, hòng có thể ở lại được chút nào hay chút ấy, sau khi da thịt ra tro bụi. Cái chết, nói cho cùng thật khó chấp nhận. Họ soạn nhạc, vẽ tranh, làm thơ, hay chọn cách giản dị hơn, xây một cây cầu, trồng một vài cái cây ăn trái trong vườn, để sau này con cháu nhớ tới lúc nhìn vào.

Hồi ngoại trồng mấy cây xoài cát bên hè, không biết có ý đó, hay đơn giản chỉ là thấy đất trống thì trồng, lấy trái ăn. Nhưng ngoại khuất mặt rồi, cậu Năm giữ cây không cho đốn, dù chúng già cỗi lâu nay chẳng hoa lợi gì. Hôm rồi cây bị sâu đục thân chết đứng, cậu ngó bó xác khô giữa trời, ngậm ngùi như tiền ngoại đi lần nữa. Ít ra là cuộc ra đi khỏi vùng tưởng nhớ của cháu con, cậu nghĩ vậy. Một người đàn bà cả đời ẩn hiện trong bếp, ngoài vườn và trên mảnh ruộng của mình, lúc về đất không để lại gì ngoài tấm ảnh thờ và mấy cây ăn trái trong vườn. Mớ kỷ vật ít ỏi ấy, giờ cũng mất.

Nhưng mỗi lần nhìn thấy mấy góc nhà giắt đầy mớ túi nylon mục rã, suốt từ hàng ba tới bếp là những thứ đồ dùng nứt sọ, tui nhỏ đều phải buột miệng “cậu Năm y chang ngoại, thứ gì cũng để dành”. Cậu không nhận ra chính mình mới là một bản sao hoàn hảo, khiến ngoại chưa bao giờ bị quên lãng trong hồi ức của người ở lại. Không cần bận tâm hư vô, bà ngoại vẫn ở lại trong dáng đi của đứa cháu, trong tính khí của thằng con, trong cái hương vị món bánh tằm bì mà bà truyền dạy.

Có những người cả đời tìm cách đông cứng bóng mình không cho tan theo thân xác, nhưng cuộc chống chọi với sự vô tình của thời gian nhiều khi không cần nỗ lực gì. Harald Jäger, viên trung tá xuất thân từ một gia đình làm nghề xây lò sưởi, chắc không biết tên tuổi mình sẽ đi vào sử sách thế giới với tư cách người mở bức tường Berlin khi đưa tay nâng thanh chắn. Cả khi không để lại chút tuổi tên gì, như những người xây Vạn lý

Trường thành, thì họ cũng làm nên dấu vết của mình trong gạch đá.

Mình từng có lần gọi cái đời sống tẻ nhạt, không biến cố, lờ mờ trôi theo thời gian là “không dấu vết”. Hôm đó bạn nghe được, nói làm gì có người nào sống mà không để dấu. Ngay cả một người vô dụng nhất, chẳng ra tích sự gì, lúc qua đời cũng tốt đất xanh cây.

Không phải ai cũng có thể viết sách, vẽ tranh với cái ảo tưởng rằng chỉ cần vậy thì tên tuổi vẫn còn lang thang hoài trên mặt đất. Nhưng những con người bình thường cũng ở lại rất lâu. Họ chỉ sống, vậy thôi. Như bạn mình, chẵn một đám trẻ nít chèm nhẹp mũi xanh năm này qua năm khác, cho tới cuối đời chưa lần nào học trò cũ tới thăm.

Bạn không lấy đó làm buồn. Thậm chí còn không thêm nghĩ bạn ở lại đâu đó trong cách tụi nhỏ cần đưa, ngẩng thẳng lưng, rửa tay trước khi ăn, những thứ cơ bản hình thành thói quen của một con người, đi theo chúng cho tới cuối đời. Khi ấy, bạn đã thẳng thắn một mình qua trời khác.

Mưa Mai Là Mưa Khác

Mưa đã ngày thứ sáu. Nước tiếp nước đổ xuống đảo.

Lì lợm, dằng dai. Vài khoảnh khắc nắng lên như cười cợt vào đám người ngây thơ nghĩ hôm nay sẽ có tàu rời bến, rồi hy vọng yếu ớt ấy tắt phụt đi theo màu trời tối sầm. Thêm cơn áp thấp nữa theo đuổi cơn bão cấp bảy vừa tan.

Nhìn ra bến tàu nước giăng mờ mịt. Bao nhiêu tàu bỏ đi núp bão, để lại cái bến trống không. Trong mấy nhà nghỉ nuôi chứa đám khách bị mắc kẹt, hơi nước nặng làm oằn thêm những thở dài. Ai cũng biết còn lâu mới có thể thoát khỏi đảo. Phía đất liền là nhà

cửa, công việc, tiệc tùng. Ở đây chỉ có mưa, gió dựng sóng, tiêng cạn dần và những bữa cơm bắt đầu vắng bóng rau xanh.

“Sống xứ này tàu không ra là chịu chết”, ông chủ nhà trọ nói, trong lúc lấy giẻ lau thấm nước mưa tràn qua cửa.

Bạn nhớ lần kẹt bên Phú Quốc, cũng bão nổi bão như vậy, nhưng ở đó có sân bay. Người khá giả tìm được đường tháo chạy. Bên đó chỉ người nghèo bị bỏ rơi. Nhưng ở đảo này, hết thấy chuyện đi ở đâu dựa dẫm vào mấy chiếc tàu khách. Và tàu khách thì phụ thuộc vào ông trời. Ông ấm ương rồi thì tiêng nhiều hay ít đều chịu trận.

Chuyến đi bất đắc dĩ bị kéo dài, mỗi người một kiểu phản ứng. Người ra mặt thù nghịch ông trời, người bất lực phân bua với bạn hàng qua cái điện thoại nóng ran, người tuyệt vọng ứ hự ngó những núi mây mong nước, “không biết chừng nào tụi này mới chịu tan”. Bạn nằm ườn trong phòng, không làm gì. Thật sự không làm gì, đến nghĩ cũng lơ mơ không đâu vô đâu. Những lần trốn nhà đi bụi, dù là rong chơi nhưng vẫn bận lợi suốt nọ núi kia, có in dấu chân cùng khắp cái nơi chốn xa lạ đó, nghĩ rằng biết đâu đời này không còn lần quay lại. Nhưng giờ giông mưa vây trùng điệp bên ngoài nhà trọ, sách mang theo đã đọc hết, hết biết làm chi. Nói cho cùng,

đây là một kiểu sự cố dọc đường mà dân ưa dịch chuyển không còn lạ. So với chuyện va vật ở phi trường chờ tắt nước đường bằng đờn hăng bay tìm phi công, thì lỗi trì hoãn do thiên nhiên dễ chịu hơn nhiều. Nên bạn không đứng chỗ cửa sổ ngó mưa trên biển thì ngó nhìn kiến đi dưới chân tường, bao giờ đói lại xuống tầng kiếm đồ ăn bỏ bụng.

Tầng trệt nhà trọ là quán cơm. Ngày ba bữa, đám người mắc kẹt có dịp gặp nhau, chào nhau bằng mỗi câu “không biết chừng nào mua mới ngót”. Cơm chan với sốt ruột, nhai không thấy ngon. Mưa bão đẩy người ta vào cái hoàn cảnh bất tiện hết sức nói. Một anh ra dáng doanh nhân xoe một nắm thẻ ngân hàng ra, than đây thứ này vô dụng, mà tiền mặt anh mang theo sắp hết rồi. Nhóm quý bà ở tầng hai khổ sở vì phải diện quần áo nhăn nhoe mà chủ trọ vừa lấy ra khỏi máy giặt. Một con nhỏ mập ú hành ba má nó tội bởi vì muốn ăn thịt bò, nhưng trên mâm chỉ toàn cá muối.

Nhìn quanh chỉ có một gia đình bốn người chấy nằng là tỉnh khô, chừng như vô nhiệm với lo âu. Chị vợ kể trong lúc kêu lô tô, nhà chị ở miệt Thứ, hai vợ chồng đầu làm thợ hồ, một bữa nhỏ con nói nó coi truyền hình cũng thấy biển hoài, trong bài học cũng nhiều biển, nhưng chưa lần nào được tắm biển thiệt. Vợ chồng anh gom góp tiền chờ hai đứa nhỏ ra biển chơi.

“Ai dè chuyện này đi lâu quá mạng”, anh chồng cười phụ họa, khoe hàng răng khuyết hết mấy cái.

Không kể thì cũng đoán được anh chị dân lao động nghèo, qua cách ăn mặc, và bữa ăn thường xuyên cơm trắng trứng chiên, xít chút xì dầu. Đứa con gái nhỏ rõ ràng là mặc quần áo của thằng anh nó để lại. Nhưng trên mặt cả bốn người chẳng có nét nào lấm lũi. Suốt những ngày bị mắc kẹt, họ không chơi lô tô thì cũng ra bên tắm mưa, tối lại hát nhạc vàng bằng cái mic karaoke hàng Tàu. Như thế những tin báo bão phát suốt trên truyền hình chẳng liên quan tới họ.

Nhưng người nghèo, ở chỗ nào, hoàn cảnh nào cũng dễ tổn thương.

Buổi cơm trưa nghe tiếng được tiếng mất, anh chồng nói mai còn mưa thì đi kiếm chuyện gì đó làm, “họ bị tốc nóc nhà cũng bộn, chắc cần thợ

sửa, lo gì”. Chừng như họ sắp cháy túi, dù đã tận tiện hết cỡ. “Mời con đi câu, thể nào nhỏ Út Lì cũng có cá ăn”, thằng Con trai bỏ lời chắc nỏi. Bạn ng ỡ kế bên bàn ăn của họ, ngó hoài thằng nhỏ với hai cái răng cửa bự chẳng,

mi mắt rộp hết mắt trâu, lúc nào cũng như đang cười. Hiểu chuyện như ông cụ non, thằng nhỏ hay đánh lạc hướng em nó mỗi khi nhỏ kia thèm muốn nhìn mớ đồ chơi sắc sỡ của bạn, “Cưng, chút tắm mưa”.

“Ừ, tắm chớ, chơi được cứ chơi, mai tính tiếp”, ba má nó hứng khởi đầu đùa với nhau.

Và chẳng giông bão nào ngăn cản được cả nhà họ ra ngoài bến chơi giống với những con sóng cao ngang đầu người, quất cái ngọn ng ầu bọt vào thềm đá. Cú ra đòn đầy sức mạnh nhưng lại dễ đoán của sóng không làm gì được những con người chừng như chẳng thể nào quật ngã. Hoặc họ chạy khỏi hoặc sóng không với tới. Hai đứa nhỏ còn day lại cười toe khiêu khích, “Ê sóng, có ngon thì vô đây”.

Những người ở trong quán trọ nghe tiếng cười đùa vang động ngoài kia, tự hỏi, mình vẫn ng ỡ bó gối thở dài hay cứ buông hết những mối lo cháy ruột đi mà hít thở mùi mưa. Ngày mai có thể trời chưa tạnh, nhưng ấy là mưa khác r ỡ.

Gió Qua Cõi Tạm

Mình đi mười bảy hải lý chỉ để ngắm cảnh này, bạn nghĩ vậy, khi đứng ngay gành Chướng, trước những ngôi nhà trống. Cửa khép như chơi, bạn có thể bước vào bất cứ căn nhà nào mà không bị mấy con chó lùm nguýt.

Cảm giác như hơi ấm người chưa bị gió biển thổi tan, bởi mấy sợi tóc vướng vào ống cuốn, mấy sợi mì tôm rớt mặt bếp chưa lên meo, và mùi cơm khét ám trên vách. Chừng như bữa cơm cuối gấp gáp, vì ai cũng có nhiều chuyện phải làm cho cuộc chạy gió cuối năm. Không tiếng trẻ cười, tiếng cạo cơm cháy, chỉ nghe gió quạt vào những tấm bạt cũ nát trên mái nhà, ngọn sóng văng mình vào đá.

May quá có hai bé gái tuôn dốc về xóm cũ. Nói muốn thăm cây mít tròng hốc đất sau nhà, không biết nắng mấy rày có héo chưa. Sẵn lấy cái kiếng soi bữa trước còn quên lại, “đem về cho má chải đầu”. Lúc tụi nhỏ sập cửa rồi đi, bạn để ý chẳng thấy chúng ngoái lại lần nào. Nhìn trẻ con bạn liên tưởng tới người già, chắc họ sang trời cũng nhẹ như không. Đâu như vua tiếc cung điện, tướng tiếc thành khó trút tàn hơi, dân xứ hòn nói đi là đi cái rột, như mỗi năm hai bận bỏ nhà lại mà đi. Như ngài bỏ kén, chim bỏ tổ theo bầy trú đông.

Bốn ngày sau khi gia đình cuối cùng trong xóm chuyển sang gành Nam sống, ngó cái xóm bỏ không, thấy câu “đời là cõi tạm” áp vào đây vừa khít. Có khi còn tạm hơn cả tạm.

Nửa năm nhón chân gành nọ, nửa năm xóm chuyển qua gành kia, cái gọi là nhà bám trên vách đá, cột đỡ sàn gầy tong teo. Nóc và vách phủ bạt cao su, rách tã chỉ sau một mùa gió, trơ ra mấy cọng cây ven vách. Gỗ tạp ghép sàn, mảnh nào đẹp cạy đem theo, mớ bỏ lại sau một mùa không bị bọn mỗi một mở tiệc thì sóng cũng dỡ đi. Cả xóm rặt một kiểu nhà, không có biệt thự để ai đó thấy mình nhỏ bé, không có nhà lầu lấp bóng nhà tranh.

Tiền kiếm được, ngoài áo cơm dân xứ hòn còn dành một khoản làm

nhà hai lượt mỗi năm. Hỏi sao ở đất liền cho sướng, một chị cười, “trong đó đói quá mới chạy ra đây, chớ ai muốn sống ngay đầu sóng ngọn gió như vậy”. Cả xóm không mở tiệm tạp hóa thì là tiệm nước. Căn nào cũng ngó ra biển, cửa mở như con mắt theo những người đàn ông đang nuôi cá trên bè, đang ngoài khơi làm bạn ghe, hay đã bị đất liền nuốt mất. Nhưng lý do cả xóm nhón chân mé biển chẳng lãng mạn tí nào, “tụi này kiếm đồng ra đồng vô nhờ mua bán cho tàu cá, cỡ nào cũng phải bám gành”.

Những gành trên hòn được gọi tên theo gió. Tự hỏi để mài mòn một khoảng đủ cho dân trôi nổi cất vài chục căn nhà sàn, gió phải thổi tạt vách núi mấy ngàn năm? Con nít đất liền, nghe gió chướng thổi tan ẩm mốc nghĩ ngay tới Tết, tới mảnh sân bắt đầu ráo bùn sinh và khi gió nam mang hơi nước về lại lục địa vừa trải qua cơn hạn, đám trẻ biết mưa đầu mùa sẽ ào tới nay mai. Riêng tụi nhỏ xứ hòn, mỗi khi gió đổi ngọn nghĩ ngay tới chuyện chuyển nhà, việc chúng trải qua ít nhất một lần lúc trong bụng mẹ. Không chờ sai biểu, tụi nhỏ tự động thu gom đồ đạc, trong lúc người lớn qua gành bên kia sửa sang (nếu sóng gió vẫn chưa san bằng nó), hoặc cất lại nhà mới, bắt đầu cho cuộc dịch chuyển đã thành thông lệ, thói quen.

Dân xóm gành sắm gì phải tính chuyện nặng nhẹ, mua cái tủ áo cũng đắn đo, tính coi kích cỡ nào thì bữa chạy gió khiêng theo đỡ mệt. Gỗ tốt, chạm trổ công phu không cần thiết, như họ chưa bao giờ nghĩ tới diềm mái, cổng rào. Thứ quan trọng nhất nhà là bàn thờ ông bà, đôi chỗ cũng chỉ một cái bàn nhỏ đặt lư hương, treo thêm một cái tranh kiếng mẽ góc trong những lần dờn tổ.

Ở nơi ngoài biển chỉ thấy trời, duy nhất nổi cô đơn là vịnh cửa, còn lại ngó đâu cũng thấy tạm bợ. Nước ngọt nhận được từ những cơn mưa, cũng mỏng dần khi nắng dày lên. Tháng ba, mỗi gàu nước xối lên người mang theo một cơn phập phồng, khi hồ chứa đã sắp cạn, mà mây vẫn xấp nhẹ trên đầu. Giếng Tiên hết phép khô queo, tụi nhỏ nói tới tiên còn khát le lưỡi.

Nhưng không phải vì vậy mà người ta sống ngập ngừng. Quá rành đất

hòn chẳng giữ được những người đàn ông vì hoàn cảnh nào đó buộc ghé qua đây, nhưng gái xóm gành vẫn yêu như trời bảo. Hạnh phúc tính từng mùa, cũng như ngôi nhà tồn tại theo mùa, có sao đâu. Cô gái lúc chiều vác ba lô giúp bạn qua vách đá, nghe đầu sinh con chưa đầy năm thì chồng bỏ vô bờ theo mối khác. Ngồi uống chưa cạn ly nước, kịp nghe thêm mấy cuộc cãi làng. Nhiều cặp có cưới hỏi đằng hoàng, cũng tan nhanh như giỡn.

Để gặp mấy đứa trẻ lớn lên bên hông bà ngoại, vì mẹ cũng rời hòn lần theo dấu muối rắc sau đuôi tàu cha đi. Trên những nổi trôi, tụi nhỏ tìm được một chỗ vịn: trường học. Một căn phòng một ông thầy - lính, hai mươi hai học trò ngồi chung, theo năm lớp khác nhau. Thầy (tự nhận là tay ngang), nhưng khả năng phân thân đáng kinh ngạc. Chẻ mình cho năm lớp học trong một phòng, riêng với em lớp bảy, thầy tự chẻ nhỏ hơn khi dạy cho nó tất cả bộ môn. Đồng phục, cũng mỗi em một phách. “Xin mỗi chỗ vài bộ, nên đâu thể giống hết nhau”, thầy cười.

Tan học, theo chân đám nhỏ xuống mấy trăm bậc thang về nhà, dọc đường nghe toàn những câu chuyện liên quan tới chữ. Nào là thuộc hết cửu chương thầy mới cho lên lớp, nào năm sau bà nội tao đón vô bờ “học tới chừng mút đọt thì thôi”, tao sau này làm cô giáo cho mày coi. Chắc nui, như chưa từng biết bấp bênh. Cuối dốc, gặp đúng mấy đứa học trò mới vừa đồng phục ngồi trên lớp, giờ áo rách khuôn vác hàng từ gành lên đỉnh hòn. Đứa nhỏ người nhất, đứng chỉ cao gấp rưỡi bậc thang, nửa tiếng trước khẳng khái nói với bạn, mơ một con muốn làm bác sĩ. Ướt ước mơ trong mồ hôi và gió muối, khi mỗi ngày thằng nhỏ công hàng trèo trên ba trăm bậc thang cộng thêm một con dốc dài, kiếm chút tiền.

Không sao, Steve Jobs, Michael Faraday cũng từng nghèo đói. Không sao, Marshall nói cây sồi trở nên mạnh mẽ trong gió ngược và kim cương hình thành dưới áp lực.

Không phải vì tạm bợ mà người ta không khát vọng chạm tay vào vĩnh cửu. Cả khi không thể gặp, cũng có phần thưởng dành cho kẻ đi tìm.

Bây Huê Về Trời

Người già xóm Gò nói đám huê đã đứng trước đình từ trước khi họ sinh ra. Tụi nó bao nhiêu tuổi hả, ai mà dám chắc, nhưng một khi cây chết rồi, nhìn lõi gỗ may ra sẽ biết. Khách lạ, hay dân đất này ly xứ, muốn tìm xóm Gò thì nhắm hướng đình Gò mà tới. Nhìn thấy đình tức là đã ở giữa xóm, nghĩa là đang đứng trước ngã ba sông Dăng.

- Vậy mà họ muốn đồn trại, chịu nổi không? Bà già nói.

Khách ấn tượng dáng điệu bà già có hàng răng trật vuột ấy, vẻ quyết liệt, tay khuỳnh khuỳnh như thể mấy cây huê cổ thụ đang núp sau lưng mình, nhờ che chở. Cái tên Ba trong giấy khai sanh, hay Ba Thủ Đình, bởi từ nhỏ đã lo nhang khói cho ông thành hoàng, nhưng từ mùa mưa năm trước cả xóm đồng tình đổi thành Ba Trợn. Tức là đang nằm sát bên ranh giới khùng. Người khôn chẳng ai bỏ chần chiếu ấm trong nhà để ra ngoài trời ngủ giữ cây, thân làm thuê làm mướn giỏi lắm là đủ mua gạo, mà cũng đành dụi ti đèn điện chong đèn sân đình sáng rực đêm đêm.

- Cho trộm đạo nó dè. Vậy mà có bữa ngủ quên, sáng ra thấy cây huê nhỏ nhất bầy bị cưa gần ba lóng tay. Đứt ruột!

Ờ, đứt ruột, khách gật đầu. Một phần vì khách đang ngủ ngay dưới đám cây cổ thụ, một thứ bóng mát cực đắt giá giữa mùa hè miền Giữa nóng đến tiếng chim còn cong. Nhưng khách đứt ruột còn vì chữ “bầy” vừa ân cần tuôn qua miệng bà Ba, cảm giác ấy là những sinh vật chần thả hơi thở phập phồng, mang bộ lông óng mượt, như cừu hay gà.

Nhưng bà già đang nói về mấy cây huê, đình dằng che mát cả khoảng sân. Chúng ở đó như thể chẳng vì lý do gì, đã được trồng thì xanh, làm cây thì thẳng tưng lên trời, vậy thôi. Hoa và gỗ thơm dịu dặt, nhưng trái hôi xị, còn lá khô đem đốt lên một nửa xóm Gò nhăn mặt kêu thối. Bù lại, con nít ở nửa xóm đó không bao giờ bị muỗi cắn, ít đau vặt. Sẽ không kiếm ra con ruồi, gián nào ở những cái nhà gần đình, trong phạm vi hương huê huyền

hoặc khí trời những đêm tháng Hai, trước khi cây ra lá mới.

Chỉ khi cây huê đầu tiên bị mang đi trong một đêm, dân xóm Gò mới biết có gỗ quý bạc tỉ trong sân đình. Nghe nói người ta đem huê đóng ghế vua ng ồi giường vua ngủ, đến khi băng, vua cũng nằm trong quan tài làm bằng gỗ huê. Ôm đông ti ền cao như núi, mà trong nhà không có bộ bàn trà gỗ huê, thì chẳng dám xưng người sang. Vùi huê vào bùn trăm năm, gỗ vẫn thơm ngời, không tì vết. Nghe nói huê trừ tà, xua ma.

Riêng vụ trừ tà tâm thì bà già tin, người xóm Gò nào giờ thuận hảo, chẳng cãi cộ so đo, sẽ từng mớ cá lá rau. Nhưng giờ họ bắt đầu dòm dèm, suốt ngày ng ồi tính bốn cây huê còn lại đó chừng bao ngàn tỉ, bán ra chia theo hộ hay chia trên đầu người cho công bằng, vì có nhà đông con lắm. Họ xúc động, không phải vì hương hoa huê những đêm tháng Hai, mà mùi ti ền cứ c òn cao lên trong thân gỗ.

Bà già nói mới mất một cây mà cả xóm như ma nhập, nếu đồn trụi r ồi không biết còn láo nháo tới đâu. Nên bà lặn lội lên tỉnh làm hồ sơ bảo vệ b ầy huê quý có tên trong sách đỏ. Bà hắt nước vô mấy thương gia người Tàu hay vo ve quanh đó, nghĩa là từ bỏ luôn khoản ti ền chia chác mà người ít học như bà, không biết viết mấy số 0 đằng sau thì đủ.

Và bà già trụ trơ giữa xóm, giữa bà con mình, vì bảo vệ mớ cây thân dài tán rộng mà yếu đuối, vô phương chạy trốn trước sự săn đuổi. Sau mỗi cơn mất là một mũi tên nhọn hoắt, vài suy diễn ác, vài mưu mô. Có bữa vừa té đi một quãng, sức nhớ quên tắt lửa nên quay lại, vô tình nghe thằng Tân gọi điện cho ai đó, “mụ khùng đi chợ r ồi, nhanh mang چرا máy lại”. Có lần ăn tô cháo gà bên xóm bùng cho, bà già quần bụng hết mấy bữa, sau này mới biết con Chín nghe lời ch ồng trộn thuốc xổ vô, hy vọng bà thôi ngó chừng đám cây, đi viện nằm ít bữa.

Lời tự thú đến bà vào ngày hoa huê nở sáng, khi bà trải tấm nhựa ra đất hứng hoa rụng đem cho con Chín gội đầu, nó sượng sùng nói con không xứng đâu.

B ầy huê trừ tà thật đó, không phải giỡn, bà Ba Thủ Đình nói. R ồi sẽ đến

ngày người ta sẽ nhìn cây huê chỉ nghĩ tới màu lá, mùi thơm của hoa, những vết nứt dọc trên thân, mùi gỗ phảng phất khiến bọn chuột bỏ thất kinh. Tổ chim rách sau bão. Con diều vướng trên cành. Nhìn cây nghĩ đủ thứ, trừ tiều.

Buổi mở mắt ra gặp toàn những tin tức không vui, kết vậy là được rồi. Dặn bụng đừng nghĩ tới chuyện sớm muộn gì một bà già chui vào đất nghỉ ngơi, bày sưa cỗ thụ vờ trời bởi những lười cura bén ngót, mang theo hờn vía lành hiền của xóm Gò mà khách từng ghé chơi trong một mùa hè nắng quéo.

Đá Trổ Bông

Khờ, thằng nhỏ gánh nước đi đằng trước tôi, đang bốc khói. Bằng mắt thường cũng thấy một làn hơi mỏng bả lả gợn quanh nó, nhất là từ đôi ống quần ướt mềm. Nước trong thùng ở hai đầu quang gánh dù không sánh ra chút nào, nhưng cứ nghĩ lên đến đỉnh núi chắc chỉ còn lưng lửng, vì nước bốc hơi. Mình thì có hơn gì, tôi nghĩ, cũng sắp bốc cháy tới nơi rồi.

Nắng hết một chảo mật nấu sôi, và những con người bé nhỏ ngụp lặn trong ấy chín như, mặt mày đỏ lựng.

Thỉnh thoảng Khờ dừng lại để chờ tôi lúc này hòng học thở, bước từng bậc đá bằng đôi chân không biết của ai. Dù nó đã lên xuống núi mười bảy lần trong ngày, gánh nước uống cho chục ngoài hộ dân sống trên ấy. Hỏi Khờ sắp tới nơi chưa, nó kêu xúu nữa. Chữ “xúu” không làm tôi mừng, vì biết mình còn trèo nhiều dốc đá mới chạm chân đỉnh núi trọc bon không cây cối.

“Đám đá này mới một trổ bông”, Khờ nói.

Năm Khờ chín tuổi, mẹ dắt nó lên ngọn núi Trời này, bảo nó đi đó đợi đá trổ bông mẹ lên đón. Rồi bà mẹ trẻ xuống núi, biệt dạng. Chị chủ quán nước ngay bên sườn núi vẫn còn nhớ gương mặt cô gái đó, “trẻ măng, đem con đi bỏ mà mặt tỉnh bơ, trắng giỡn với mấy thằng kiếm củi”. Chắc là sớm làm mẹ đơn thân, không mang vác nổi thằng nhỏ khờ cắm đặt đâu nó đi đó. Chắc là ngủ quên trên cỏ rồi để Khờ, như những bà mẹ Việt cổ xưa vẫn cần bầu nhờ uống nước trong gáo dừa, ướm chân vào dấu chân lạ.

Thằng nhỏ từng có cái tên tử tế, nhưng người xóm núi quên mất rồi. Nói cho cùng, làm gì có tên nào hợp với nó, bằng tên Khờ. Trong thân xác thằng con trai sắp ba mươi, là một trí khôn của trẻ con năm bảy tuổi. Thời gian không làm mai một cái niềm tin rồi đá trổ bông, mẹ đón về.

Sống nhờ chén cơm của cư dân trên núi, nhưng Khờ chưa bao giờ làm họ tiếc vì đã nuôi dưỡng mình. Nhờ chi thằng nhỏ cũng làm, và nặng nhọc

cỡ nào cũng không than vãn. Mưa nó đi cọ rửa những bậc đá đóng rêu, che giúp mái nhà ai đó, công bà Chín Sầu Đâu đi hốt thuốc Nam chữa đau khớp, đón thằng Đen Kẹt ở trường trong đông gió. Hạn qua nó kiểm củi phơi khô chất đầy miếu hoang, cả xóm xài hết mùa không hết. Mùa khô nào họ cũng uống nước mưa một tay Khờ gánh, từ ngôi chùa gần chân núi Xanh.

Suốt ba chục năm, duy nhất một lần Khờ rời núi chừng tuần lễ. Nó bị sét đánh. Cái đầu trọc của núi mà nó đang chặn giữ, không hiểu sao hay bị sét xuống thăm, đến cây cối không mọc nổi. Bữa đó đông khô, Khờ lom khom gom mớ thuốc Nam chùa gửi phơi, thì bị sét quật lăn ra, tóc cháy xém. Câu đầu tiên nó nói khi tỉnh dậy, “đá trở bông chưa?”.

Tới ông trời còn không búng thằng Khờ ra khỏi mớ đá đó, người núi Xanh nói. Đúng lúc Khờ lại thêm một lượt gánh nữa ngang qua chỗ quán nước tôi ngồi cùng mấy bà trong xóm, nghe răng cười. Ở Khờ không có vẻ gì bơ vơ, dù đang một mình bơi giữa đá và nắng. Ngay khi nó bị che khuất bởi một cua gắt trên đường mòn, cũng để lại cảm giác ấm áp, chắc nịch. Khó giải thích, nhất là nhân vật ấy mang trong mình một câu chuyện mùi lòng.

Hỏi mẹ Khờ có từng quay lại không, người núi Xanh nói biết đâu, giờ nhiều du khách lên đây, mặt mũi ai cũng dáo dác như ai, nhớ sao nổi người phụ nữ mấy chục năm về trước. Thằng nhỏ hay bị du khách ghẹo, họ xưng mẹ nè con, mau về với mẹ. “Mẹ tui nói chừng đá trở bông mới lên đón, giờ có trở xú nào đâu”, Khờ nói. Chỉ một lời dối ầu ơ, nhưng với bộ não ngờ nghệch của Khờ, đã thành một thứ dây trói bền dai, buộc nó mãi trên đỉnh núi.

Mẹ Khờ có ở đây, chắc gì lay chuyển được nó, đá chưa nở bông nào.

Dân núi Xanh có lần hối tiếc, khi xúm nhau thuyết phục Khờ, rằng đám đá đó đâu thể trở bông được, sét đánh quá chừng mà, nhìn thì biết, tới cỡ còn không mọc nổi. Khờ nói luôn, vậy mấy cục đá hong bị trời đánh thế nào cũng có bông. Từ bữa đó nó leo trèo khắp núi. Lo bông đá đang trở ở

hang hốc nào đó, nơi nó chưa mò tới.

Còn cả xóm thì phấp phỏng sợ nó trượt chân.

Mình mà nói núi này đá đực khó ra bông, Khờ sẽ hỏi, vậy núi nào mới có? Tôi hình dung vậy, khi ngó thẳng nhỏ vừa gánh xong đôi nước cuối cùng trong ngày, đổ vào cái khạp da bò đặt ngay đỉnh trọc. Nước ấy dành cho du khách uống đỡ khát. Dù họ chỉ dùng rửa mặt, rửa chân, hắt vào người nhau cho vui.

Nắng vẫn xéo xắt, chưa chịu nguội. Tôi quay lại đứng cái chân núi mà vài tiếng đồng hồ trước mình đứng ngán ngẫm vì nắng và hồ Xanh cạn đáy. Nghĩ chắc cũng không cần trèo lên chi, quá biết trên đó có những thứ gì, lại miếu cậu miếu cô, lại những quán xá đu theo vách đá, lại bày bán mấy thứ thần dược từ cỏ cây meo mốc chớ đâu.

Nhưng Khờ xuất hiện, với đôi thùng nước treo đầu gánh, rủ khơi khơi, lên núi chơi, bông đá nay mai sẽ trở.

Bên Cuộc Nổi Trôi

Nằm ngay góc đường, địa thế hai mặt tiền mà người ta hay miêu tả đầy thềm muốn nhưng bao năm rồi nhà vẫn vách xây gạch trần gác gỗ.

Chừng như còn cảm thấy chưa được khiêm nhường lắm, bởi chẳng có độ lùi nào để làm sân, chủ nhà tròng bụi bông giấy cho leo lên mái che cửa sổ, giấu bớt nửa vách trước. Nửa còn lại là cái kệ bày ngoài chục cây cân đủ loại, ngăn trên cùng đặt cái bảng gỗ kẻ bằng nước sơn đỏ, chân phương mấy chữ "có nhận sửa cân".

"Mấy chục năm vẫn một kiểu ăn ở này, hay thiệt!" - bạn nói, lần tôi chở qua ngã ba kiểm quán ăn trưa. Thứ rõ ràng nhất mang dấu vết thời gian là ông chủ tiệm hay cời trần ngỗ ghế mây trước nhà, sau nhiều năm tóc đã trắng phau, mấy bó cơ chảy sệ. Cô con gái hồi nào hay ra nhổ tóc bạc cho ông giờ cũng thành một bà già.

Người nhà đó nhìn bên ngoài giàu nghèo khó đoán nhưng về mặt nguyện thì ra mặt, nhất là ông già, khi cát-sét trong nhà vang ra tiếng hát đường phèn của Hà Thanh. Hình dung những ông quan ngỗ trong biệt phủ xa hoa của họ cũng không thỏa mãn bằng.

Bọn tôi lần nào ngang qua nhà ông già cũng ngó vô, không trần trồ thì rà xe chậm lại - cũng là cách tỏ bày sự ngưỡng mộ. Dù bọn tôi biết thiệt huồn hết sức khi ngưỡng mộ một ngôi nhà cũ nhưng cái cách nó thản nhiên cũ giữa khu phố sáng choang những cửa hàng thời trang, mỹ viện, khách sạn thì thật lạ lùng. Cũ, như một thái độ, như cố cưỡng một cơn lốc. Đòi thì ráo riết mà ông già và căn nhà kia chỉ tỉnh queo ngỗ ngó. Bán đi sẽ được bạc tỉ, còn không thì cho thuê rồi cả nhà sẽ dời tới một chỗ rộng rãi và tiện nghi hơn mà tiền vẫn rủng rinh. Búng tay một cái, đổi đời. Lơ tơ mơ cũng nghĩ được cách làm giàu đơn giản nọ, cả nhà ông già không lý nào không biết. Nhưng ông cùng con cháu mình, bằng cách nào đó và lý do nào đó, đã kháng cự những gọi mời. "Ở thời buổi thần Phật còn bị đẩy ra

sau thần Tiền, người đứng dưng với sự nhiều tiền chắc phải can đảm lắm" - bạn nói.

Tự lý tưởng hóa cái sự cũ này, bạn đoán ông già chắc không nỡ phá bỏ cái không gian từng dính chặt bóng bà vợ quá cố. Hay ông sớm biết đủ, nhìn thấu hư vô. Hoặc cái nhà đó vẫn tường rêu gỗ bạc, như một cách đánh dấu để đợi ai đó tìm về. Thấy mấy lý do đó đã đủ đẹp rồi, bọn tôi cố dẹp một khả năng ảm đạm lúc xuất hiện trong đầu, rằng căn nhà không thay đổi bởi người ta đang giằng co tranh chấp.

Lúc đó, hai thằng hay để ý mấy cái nhà cũ ềo kiêu vậy. Cũ một mình, giữa một con đường hào nhoáng, không phải cũ trong hẻm hay cũ ngoại ô. Đặc biệt là ở khu phố Tây, vốn đổi thay chóng mặt. Ở đó vẫn còn vài căn nhà sót lại, cũ và dưng dưng khiến chúng như riêng ra một thế giới xa vời. Tường lở vách bạc màu, cửa lúc mở lúc khép hờ, chừng như vô nhiệm với mùi đô-la của du khách.

Ở chỗ chỉ vài mét vuông vỉa hè cũng đủ cho cuộc kiếm tiền, người ở sâu trong hẻm còn mang vác ghế bàn ra làm ăn nhưng kẻ sẵn nhà ngay mặt đường lại chẳng chịu mở quán gì, một nơi chốn lưu trú cho du khách cũng không. Chỗ cửa sổ lâu lâu có em bé đứng thổi bong bóng xà bông hay người đàn bà ngẩng cắt móng tay, ngoài thềm cái quạt máy cánh tự quay theo gió.

Ngang quán chỗ hai thằng thường ngẩng buổi trưa, có ngôi nhà tường quét vôi vàng đậm, trên mái buông xuống mớ dây tơ hồng cũng vàng óng. Cửa chớp trên gác lúc nào cũng mở, phơi mấy cái khăn mặt xanh lơ. Bạn quen vợ chồng chủ nhà, cả hai dạy học, có đứa con gái duy nhất đã lấy chồng. Nghe có vẻ không phải đại gia, sao ngẩng trên một gia tài đất đỏ mà ra vẻ như không, mặc cho thiên hạ hoặc tiếc rẻ (chậc, phải vô tay mình là sinh lợi biết bao nhiêu) hoặc cảm thấy được vỗ về, "ngó họ sống tỉnh trăn vậy, thấy mình đâu cần sắp ngửa kiếm tiền" như bạn từng nói.

Hồi ấy bạn dạy tiểu học, môn tiếng Anh. Tôi thì đàn ghita cho một tiệm trà nhỏ. Giờ mỗi lần đi qua đó, tôi sực nhớ bạn. Lâu rồi không ngẩng với

nhau, nếu có cũng chớp nhoáng. Bạn làm thông dịch cho vài công ty du lịch, buổi tối thêm hai ca dạy sinh ngữ. Nợ ngân hàng nửa chiếc xe hơi, vợ bạn lại hối mua một căn chung cư hạng nhất tằm nhìn ra sông cho tụi nhỏ hít thở không khí trong lành.

Vài ngôi nhà cũ giữa trung tâm thành phố rồi cuộc chỉ làm bạn trăn trờ lúc đó thôi. Đến hồi mưu sinh rồi. Bạn lại phải đi về giữa bạt ngàn xa hoa, những thứ khiến người ta thấy mình rung động, thấy những dục vọng ngút lửa trong lòng. "Ông già sửa cân ung dung vậy là vì ông biết cái nhà mình đáng giá vài chục tỉ, biết đâu chừng" - bạn kết luận, bữa gặp gần đây. Khoảng sương mù mà hồi nào cả hai thằng tôi đã giăng lên ngôi nhà giấu nửa mặt sau giàn bông giấy đỏ, cơ bản bạn đã dọn dẹp xong.

Đến Hôi Tan Vỡ

“S au này giỡ má khỏi nấu chi phức tạp, chỉ cần nướng con cá lóc nuôi là đủ rồi”, Năm nói, trong lúc thổi lửa, “nhớ chấm kèm muối ớt ngen”. Câu này Năm dặn hoài, tội nhỏ thuộc lòng ngữ điệu, nhưng so với năm trước, có chi tiết đã khác đi. Cá nuôi đã thay cho cá lóc đồng. Tội nhỏ cười, “nghe đỡ căng thẳng hơn hồi đòi cúng cá đĩa, tới đó biết kiếm đâu ra thứ đó”.

Người ta bắt đầu dần quen với một thiên nhiên gầy mòn, cạn kiệt. Hồi trước, với dân chợ Cuối mà nói, cá nuôi là thứ gì đó xa lạ, nghĩ tới thôi đã thấy bót sang rồi. Địa thế vừa rừng vừa biển, lúc nào thiên nhiên cũng sẵn cá tôm đái người, sao phải ăn tội nuôi nhốt chật chội, lớn bằng thức ăn nhân tạo. “Thịt lạt nhách, bỏ rẹt”, Năm trề môi. Tội nhỏ nỡ cái nguyệt dài theo luôn, “đã vậy mà còn tanh chịu không nổi”.

Chuyện đó chỉ năm bảy năm trước, lúc những con cá nuôi mập ú, đờ đẫn mới được thương lái chở xuống chợ Cuối chào hàng. Giờ thì gầy như không còn chọn lựa. Giờ nhắm mắt cũng nhìn thấy rõ sản vật tự nhiên của rừng ruộng sắp cạn kiệt, gầy còm. Lỡ thềm cái hương vị tôm cá hoang dã, thì chờ quãng từ đầu Chạp tới cuối tháng Ba, và chúng ngày càng đắt đỏ. Cái gì hiếm thì đắt, quy luật xưa nay.

Năm nhớ má hồi còn sống, cả một mùa đĩa không hoang phí con cá nhỏ nào, “tội nó bỏ mạng nuôi mình mà, sao để chúng chết oan”. Cá sặc hay cá lòng tong, luôn yếu đuối hơn đám võ biền còn lại, sốc nước một chút là ngửa bụng. Má đem làm mắm, hoặc gói lại bỏ ngăn đá để dành. Mớ cá non còn mạnh giỏi má đem thả lại cho mùa sau. “Dành cho đám con tội bây”, má nói. Lúc đó Năm còn chưa lấy chồng.

Nhưng chỉ mình má, hay những ai tánh dành dùm lo xa như má, cũng không ăn thua. Người ta vẫn bán những con cá còm nhom ôm bụng trứng vào buổi sa mưa, và cá con thì đầy chợ. Má hay ước có được nhiều tiền

vào quăng đó. Để thấy ai bùng lòng rỗng ngang qua nhà má sẽ ngoắc vô mua, rồi đem thả. Nhưng má làm sao mua xuể đám cá sơ sinh mà những người đàn bà ướn ngoi đem bán. Họ vừa kéo lưới dưới ao lên là lội bộ ra vừa đổi gạo luôn. “Phải giàu người ta đâu làm vậy”, má nói, như một cách thừa nhận mình bất lực. Má chỉ là một bà già quê, thấy xóm giềng nghèo khó hơn thì ngoắc lại cho nắm rau, trái bí, đâu phép màu gì giúp họ khỏi chạy gạo từng bữa. Những người có quyền năng thì bận lo bảo vệ ghế, đến đâu loại còn bỏ mặc, rảnh đâu lo cho bọn khác loài.

Những mùa địa ngày càng thừa cá tôm trong lưới, người thì đông lên chóng mặt. Đàn bà chợ Cuối chia sẻ nhau vài thủ thuật để thịt cá công nghiệp dai và bớt tanh, “Ngâm với tí muối, nặn thêm miếng chanh, ăn ngon gần bằng cá đòng”. Ngon gần bằng, thậm chí không thua đi nữa, nhưng vẫn không phải những con cá lang thang qua những ao địa rừng ruộng, sống bằng tép rong, rế bèo tấm, bông trầm rụng, trái mắm trôi.

“Không biết má đang than thở cho mấy con cá, hay cho cái tánh sành ăn, gì cũng phải cho đúng điệu?”, tụi nhỏ hay cà rỡn vậy, mỗi khi Năm nhắc những loài cá quá vắng, mà lâu rồi không gặp lại. Năm cũng nửa chơi nửa thiệt, nói không, má đang than khóc cho con người. Nghe thì cao siêu, nhưng cách con người đánh mất nhiều thứ nhỏ nhỏ, tưởng không đáng kể, một ngày nào đó bỗng trở thành những khoảng trống. Như con cá trên, Năm có thể tả một cách chi tiết hình dáng của nó, cách nấu nĩa canh măng thiệt ngon, nhưng sao tụi nhỏ có thể cảm nhận được cái hương vị của giẻ thịt mát mền của thứ cá đó tan trong đầu lưới.

Người ta trù tính xong rồi, một tương lai tới thức ăn nhân tạo, thực phẩm biến đổi gen. Một tương lai trôi nổi trên đại dương bằng thuyền, sau khi các lục địa chìm trong nước biển. Chẳng gì là không thể, trái bắp có vị cá rô đòng, cá có sớ thịt mịn màng như cua, và cua thì mùi phô mai. Lễ đơn giản, đám nhỏ sau này đâu có biết cá rô đòng ăn ra làm sao, tép đất ngọt kiểu nào. Và chúng chế tạo thức ăn bằng hình dung của riêng mình, mà không phải từ ký ức, vốn đã trống trơn từ độ con người tận diệt tất cả

giống loài.

Thật may cho những ai không ký ức, họ không phải tiếc nuối cái thời mà con người sống hài hòa với thiên nhiên, với những sinh vật hoang dã, tận hưởng thơm thảo của đất trời.

Thừa Ra Con Người

Bạn than gần tuần nay cả nhà phải đi ăn quán. Lý do giống y như những đợt ăn quán dài ngày khác: chị giúp việc thất tình. Mỗi lần chị thất tình thì chị sẽ nấu những món “không dành cho người”, như miêu tả của con gái bạn.

Thịt vịt lỏm chớm lông con, ba rọi kho không bỏ nước màu dừa, cá chỉ chiên một mặt. Canh mận không nói gì, cả cơm cũng mận, như chị đã chan nước mắt vô trong đó. Bốn năm chị phụ việc nhà bạn, hết ba lượt chị xiêu lạc vì tình. Thằng đàn ông nọ đâu biết, sau cú mất hút của chính mình, đã làm điều đứng một đám người không liên quan.

“Phải có loại rô bốt nào biết nấu nướng, lau dọn nhà cửa, giá nửa tỉ tui cũng mua”, bạn nói.

Bạn quá nản chuyện Tết nào cũng phỉnh nịnh chị giúp việc để chị quay lại khi hết kỳ nghỉ. Mấy đứa nhỏ cũng ngập ngừng không biết nên yêu thương người ngày nào cũng chải tóc thắt bím cho chúng, hay đừng. Bởi chị có thể bỏ đi bất cứ lúc nào, như những người từng bỏ đi trước đó. Cứ Tết xong, là không thấy người quay lại. Tụi nhỏ khóc đứng thương ng ẩ, khi người mà chúng lờ mẩn tay mẩn chân r ẩ, bỗng dưng biến mất. Có thì không ai giống ai. Về thấy con Phèn nó không nhận ra tui, làm tui hết ham gì. Tía chế nói ở nhà không ai xoa bóp chân cho ổng, nghe đứt ruột, không nở đi. Đâu phải thím không biết cô chú với mấy đứa nhỏ tử tế, nhưng đi mới nửa năm mà bìm bìm đã leo mái nhà, cỏ mọc bít bùng m ồ mả, không đành.

Những lý do rất người, nên bạn chẳng cách gì níu kéo. Chỉ một chị còn trụ được lâu, vì nhà ngay trong hẻm phía sau, không phải nhớ đom đóm chòm quao, nhưng mỗi tội yêu dữ quá. Tình cảm, một trong vài ba thứ quan trọng khiến con người tự xếp mình vào hàng động vật cấp cao, có lúc thành ra cản ngại. Bên nhà ch ồng bạn có xưởng làm bánh pía, nhiều công

nhân người Khmer, mà họ một năm thì ăn mấy cái Tết dài, lò nướng cứ nguội lạnh nằm không. Hôm r ấ nghe nói có công nghệ làm bánh bán tự động, ba ch ồng đi dò hỏi, nói “cho bớt đau tim theo mùa”.

Bạn nhớ h ấ còn nhỏ, ở quê, mùa gặt nào cũng có thợ gặt xuôi ghe từ miệt trên xuống. Con nít cũng theo ba má đi lang thang. Thằng Đen, sún răng, sinh đóng thành vảy trên da, nói sau này tao không cần học nhiều chi cho nhứt đầu, làm thợ gặt như má tao biết chữ sơ sơ là được.

Hai đứa hay ng ấ bờ vườn nhìn ra ruộng, chỗ má nó với mấy thím kia phơi lưng dưới nắng trời. Tía nó thì xỉn từ sáng sớm r ấ, dù người ta kêu công gặt cũng nhiều, nhưng ông chép miệng “lỡ hứng uổng nửa chai”. Tội mấy chủ đất, lúa chín gục đầu r ấ mà thợ gặt cứ tỉnh bơ ng ấ đưa cay. Nên khi cái máy gặt đập liên hợp đầu tiên về đ ồng Phú Thạnh, người ta hớn hở vỗ tay, không quá ngậm ngùi thương mấy anh thợ gặt xỉn say năm ngoái. Chỉ con nít ng ấ buồn, đám bạn quây hết cỡ chẳng theo người lớn xuôi ghe xuống, mất vui. Sau này mỗi lần nhớ chuyện xưa, bạn tự hỏi, thằng Đen khét nắng h ấ đó, giờ không biết làm gì r ấ, khi mà lúa về sân không tốn chút mồ hôi thợ gặt.

Nhưng cái anh ng ấ máy gặt đập liên hợp, anh cũng ung dung ở Phú Thạnh được mấy năm đầu, lúc bạn học nửa cấp hai là cả xứ rủ nhau dẫn mận nuôi tôm. Cũng làm nông đó, nhưng không tốn công tốn sức. Người cứ dài lưng ra, đi đâu ng ấ đâu cũng thấy dư thừa. Đám thanh niên, nhiều đứa là cháu bạn, bỏ quê tới những khu công nghiệp, thanh xuân bạc rạc trong ca ngày ca tối. “Nhưng sớm muộn gì, tụi cháu cũng bị thay bằng máy móc tự động thôi”, vừa r ấ một đứa ng ấ than. Máy móc thì không sợ mũi dàu dàu, không ở cũ một quãng sau sinh nở, không tủi thân chảy nước mắt khi bị quản lý r ầy bởi mấy đường may cong. Máy cũng chẳng uể oải khi trời nóng nực, chẳng lo quỳnh lên khi nghe tin bão ở quê nhà, không buồn rười khi nghe con chó Phèn dưới quê đổ bệnh.

“Và không thất tình nữa”, bạn thở dài. Không phải vì ăn cơm quán mấy ngày, mà bạn quyết định đứng về phía rô bốt. Chỉ là mọi thứ đang diễn ra

tự nhiên như người thì đi tới. Bạn có cái máy giặt hư, muốn sửa thì phải hỏi tìm anh thợ, hoặc thuê xe chở tới tiệm, nghĩ thôi đã ngại, mua luôn cái mới cho rảnh. Và anh thợ sửa máy bị bạn bỏ rơi. Cũng vậy, mấy anh thợ chụp ảnh dạo mất tích từ điện thoại thông minh lên ngôi. Lựa chọn của mình ảnh hưởng tới nể cơm của ai đó, bạn biết sao không, nhưng rảnh cũng chọn lấy thứ tiện nghi. Chẳng ai đi giặt lùi.

Bạn chỉ không chắc, lúc nhà mình sắm được con rô bốt thông minh rảnh, nhìn vẻ ngoài không khác chi con người, cũng mang tên Sáu và biết nói cười, có cái miệng rộng và nhiều nốt tàn nhang trên mặt, nó cũng biết làm món kho quẹt cực ngon để ăn kèm cơm cháy, nhưng khi ấy biết đâu bạn lại thấy nhớ cái chị lỗ thời thất tình chuyên nghiệp, vừa mới cứng miệng nói hên là chia tay thằng cha đó sớm, không thì khổ cả đời, thì nửa tiếng sau đã giành cái giỏ đi chợ, để ngang qua cái quán có thằng bồ cũ rảnh. Mặt vác hắt lên trời, giả như không quen biết nhưng về nhà nằm dài ra khóc, nói sao nó xa mình mà mặt tỉnh trần không mất ký lô nào.

Đợi Xa Xôi

Lạ nhất là bạn thấy bức bối, hôm trở lại chợ Cù. Chừng như chẳng có gì thay đổi. Quen thuộc không chịu nổi. Vẫn mấy ngã đường ướt ngoi bởi con nước cuối năm. Cuộc tắm gội không có vẻ gì sáng khoái, mà tái nhợt như thiếu chút nữa chết đuối. May mà triều xuống kịp, may mà nắng lên. Nước rút đi, rác ở lại, những túi ni lông chai nhựa, vài con ba khía gãy càng, trên đường nằm phơi nhiều trái mắm trái dứa còn tươi.

Nắng lên vẫn không làm dậy nhà lồng chợ bớt tối chút nào. Nó vẫn lụp xụp như hồi nào giờ vậy. Nằm bám theo mấy con đường nhỏ chạy dọc mé sông vẫn những ngôi nhà sàn ghép tạm bợ, rùng mình dưới bước chân người. Mấy chị đàn bà bụng to cơm nguội ăn trên võng treo trước hàng ba. Vài anh say nằm ngủ bải hoải trên đồng lưới đang vá dở. Ai đó xỏ cá khoai vào dây phơi. Mấy đứa con nít đánh bài ăn quỳ cái rền trời đất.

Có thể nhiều nhà lâu hơn. Có thể con đường kia được mở rộng ra. Nhưng cái không khí nơi này chừng như vậy, không khí của một nơi chốn bên lề. Buổi sáng này không khác chi buổi sáng mười lăm năm trước, bạn đi loanh quanh đợi tàu đò, thứ duy nhất đưa bạn thoát ra khỏi cái chợ cuối trời.

Bị mắc kẹt. Đó chính xác là cảm giác của bạn, mỗi lần đưa khách của cơ quan đi tới chấm đất cuối cùng. Chuyến tàu dài bảy giờ đồng hồ từ thị xã tới đây, thì chuyến tàu cuối chạy chiều ngược lại đã rời bến. Ở cái nơi chốn mà sông nước cắt mỗi xóm làng thành ốc đảo, không có tàu chỉ còn cách ngửa ngáp bên sông. Bọn bạn buộc phải qua đêm ở chợ Cù. Không có nhà trọ, nhưng dễ tìm một chỗ ngủ ở nhà dân, còn cầu kỳ hơn thì ghé ủy ban xã mượn cái mùng lên hội trường giảng đỡ.

Đêm lên ngay khi mặt trời chưa lặn, đêm rất dài. Không có chỗ nào để đi, qua khỏi bến tàu là tường thành bóng tối dựng ngược. Trên bến vài ba cái quán chong đèn. Một chị lão thì bắc cái ghế ngửa đằng trước ngó ra

sông, cái nhìn khó tả. Rõ ràng là chẳng phải trông khách, bởi khách đã vào rồi chị vẫn cố nán nhìn thêm chút nữa, trước khi bước qua quây nước. Cái bót nâu tối thẫm nửa trái gương mặt. Bên sông treo vài ngọn đèn dây tóc đỏ nhợt sau lớp lưới phơi giàn. Vài chiếc ghe biển trở về lừ lừ dọc theo con rạch.

Bạn vừa qua hai mươi tuổi, mỗi năm có chục ngoài lần qua đêm ở cái nơi chốn hiu quạnh này, cảm thấy mắc kẹt bởi tối đêm, dây tóc bóng đèn lúc rạng lúc lịm đi bởi ngu ồn điện phập phù, người phụ nữ mang bót nâu trên mặt nhìn ngó mông lung, bến tàu vắng ngắt. Và thứ tình cảm gần như ủy mị của những người khách đi hàng ngàn cây số tới đây, chỉ để chạm vào cột mốc số 0, cũng khiến bạn khó bẽ vùng vẫy.

“Ôi trời, nửa thế kỷ, tốn biết bao nhiêu xương máu mới tới được chỗ này”, họ kêu lên bằng cái giọng miên ngoài mà bạn vẫn chưa quen tai, mân mê mãi cái trụ bê tông tróc lở. Chừng như chỉ chạm tay vào đó, chụp cái ảnh làm chứng, móc cục sinh hít hà, họ mới tin đây không phải giấc mơ. Bạn thì dòm chừng anh chạy đồ máy, lỡ ảnh đói bụng bỏ về thì không biết làm sao quay lại chợ.

Mười bốn năm sau, những con đường những cây cầu đưa bạn trở lại chợ Cùg, vẫn cảm giác bị mắc kẹt. Lần này là trong một nếp gấp thời gian, rõ ràng là lâu vậy rồi, nơi này lại không thay đổi mấy. Như thể bị bỏ rơi.

Con đường ngàn tỉ không chạy qua chợ Cùg, nó xuyên rừng đi thẳng tới cột mốc số 0. Ở đó những Công trình đất tiền khác đang và sắp được xây mới, được trang hoàng đẹp đẽ, nhằm vừa lòng du khách ngày mỗi đông lên. Họ ngửi xe hơi tới, kịp ăn trưa với hải sản tươi rói, kịp đăng ảnh thông báo với thế giới mình đang chinh phục mảnh đất cuối trời, rồi ngủ một giấc sâu trên mấy cái võng treo trong quán, vẫn kịp đi một trăm cây số quay lại thành phố lúc lên đèn.

Không có bao nhiêu người ghé thăm cái chợ khuất sau mấy vạt rừng, cách khu du lịch một vài cây số. Nó như cái chái sau, chẳng ai dọn dẹp vì

khách đâu ngó tới. Bạn cũng không, nghĩ mình có lý do. Những kỷ niệm bạn có với cái chợ nhỏ này là những đêm buồn tẻ, mà tiếng gà đập cánh, giọng cười của đứa trẻ cũng bị sông nước làm cho bớt giòn. Là cảm giác thất vọng khi mặt trời lên mà dưới bến không có chiếc tàu đò nào đậu cho khách. Ông chủ tàu bỏ bến, vì nghe đâu tối qua nhậu say. Chị chủ quán nước có cái bớt son an ủi khách, nói vẫn còn một chuyến tàu trưa. Nhưng nghe giọng thì chính chị cũng không chắc chiếc tàu đó có y hệt và nó có chở hết cả đồng khách ng ỡ chờ.

Người phụ nữ đó, chừng như vẫn sống một mình trong cái quán nhỏ trên cái bến tàu bỏ không. Gia cảnh đơn chiếc có thể nhìn thấy qua mớ đồ treo trong tủ áo sau qu ầy nước. Cái bớt son choán chặt gương mặt nh ều nếp nhăn. Hỏi chị có nhận ra em không, chị cười, mắt nhìn ra sông, vẫn cái nhìn không rõ nghĩa.

“Cái anh tóc quăn đi với cưng h ồi xưa, khỏe chứ?”.

Bạn không biết chị hỏi anh nào. Có quá nh ều người được bạn đưa đi.

“Ảnh chụp hình mấy ông bà già trong xóm, hứa là về rửa hình gửi xuống tặng để họ làm ảnh thờ”, chị nhắc thêm. Bạn chịu thua, khách của cơ quan khi đó, không dân chụp ảnh cũng người làm thơ. Nghe nói chị cũng làm mẫu cho anh nọ chụp cả tối. Bạn hơi lạ, bởi trong trí nhớ, h ồi đó ai hỏi chụp hình, chị cũng xua tay nói “tui xấu lắm, đừng!”.

Nhưng chị đã bị thuyết phục, và cho tới giờ vẫn chưa được nhìn thấy chân dung chính mình. Người đàn ông ấy đã nói gì, rằng cái bớt chàm kia không che được vẻ đẹp của chị, rằng vẻ đẹp tâm hồn quan trọng hơn nh ều, rằng anh muốn giữ gương mặt chị bên mình, cho dù trí nhớ có bị mai một? Chị không kể. Như mười mấy năm trước, chị không phải kiêu người xởi lởi như đa số dân trôi giạt xứ này.

Không biết người đàn ông đó có lần nào quay lại chót đất không, như bạn tới lui khu du lịch suốt. Chỉ là không ghé qua một nơi chốn bên lề Nói cho cùng, h ồi đó cái chợ là nơi bắt đ ắc dĩ mới dừng chân. Khách tới vì cột mốc chứ không phải vì nó. Và người đàn bà kia nữa, khách đọc thơ tặng

chị bởi không quán nào thức khuya hơn. Nhưng cuộc gặp lại của chục ngoài năm sau khiến trong bạn nảy ra một ý nghĩ đáng sợ, rằng chợ Cùg vẫn giữ nguyên cảnh cũ, để cho những hứa hẹn xưa.

Biết Sống

Chi kể h ồi ở Sài Gòn hay tới một quán cháo vịt ngon muốn xỉu, nhưng tới hơi trễ chút là phải chịu bụng đói ra về. Bởi quán chỉ bán đúng sáu con vịt, không thêm không bớt. Khách có kỳ kèo hay đòi nằm vạ cũng chỉ nhận được nụ cười, “chịu khó mai quay lại”. Hỏi khách quá chừng đông sao không bán thêm, chủ quán cười, nhiều đây là đủ. Nhưng đủ cho cái gì, chủ không nói thêm.

Ng ồi quán đó, chị nhớ quán bán bánh canh cua của má nổi tiếng xóm hẻm h ồi xưa. Mỗi ngày nấu đúng bảy mươi hai tô, hỏi mua tô thứ bảy mươi ba về làm thuốc cũng không có đâu. Sáng dọn chưa ấm chỗ, vèo cái hết n ồi bánh, bà dành cả thời gian còn lại của ngày để nằm vờng nghe Thái Thanh, hoặc dẫn con Chó đi chơi dài xóm. Chó, là tên của con vịt xiêm c ồ.

“Sống như má mình không phí cuộc đời. Đâu phải giàu mới vui”, nhắc tới đó chị cười. Người ra thiên cổ lâu r ồi, nhưng kỷ ức đọng đây như người vẫn đi lại quanh đây.

Chị nói người sống ung dung kiểu vậy giờ ngày mỗi hiếm, nhưng không phải không có. Họ đang ở đâu đó, chừng như vô nhiễm với cơn khát tiền. Ở Hội An chị biết một quán nước nhỏ nằm dưới giàn cát đằng, cà phê ngon, trà gừng hết sẩy mà y bong mười một giờ là đóng cửa. Sau bữa trưa, anh chị chủ dành thời gian đọc sách, nghe nhạc, chơi với mấy đứa cháu nhỏ. Nhi ều sáng khách đông, hết chỗ ng ồi, nhưng sân vẫn để trống không chẳng kê thêm bàn. Sân là khoảng thở của ngôi nhà, không phải chỗ để chen chúc bán mua lấy được.

Nhắc mấy chuyện đó, không phải nói khơi khơi, mà chị đang nhẩn thảnh em thời cào hốt này vẫn còn những người “biết sống”. Vì tu ần sau là giếng má. Vì thảnh em vừa chặt cây khế, coi thêm một t ầng l ầu, ch ồm lan can ra che g ần hết lộ hẻm. Nó nói không lấn được phần đất, thì lấn trời. Ti ền xây nhà nó kiếm được từ quán bánh canh má để lại, mở bán từ sáng sớm tới khuya. Nó thuộc kiểu được mười ba đ ồng, thì phải kiếm thêm bảy

đồng cho chẵn hai chục. Giàu cái đã, chuyện khác tính sau.

Cũng là con má nhưng tánh thẳng em ngược một trời một vực. Tại sao bà chỉ bán bảy mươi hai tô bánh canh, bà giải thích r ồi, nhiều đó đã đủ lời để xoay xở trong nhà, lại còn dư chút đỉnh để dành khi bất trắc. Mấy chục năm, bà hài lòng với việc giữ gia cảnh mình gói gọn trong hai chữ “đủ ăn”.

“Nhưng làm nhà giàu sướng hơn chứ, má?”

“Giàu nghèo gì phải vui mới được”.

Chữ vui đó cũng minh mông, với mỗi người nó có nghĩa khác nhau. Với bà chủ tiệm tạp hóa Thông Linh là buôn bán luôn tay, mặc đĩa cơm tấm khô queo và ly cà phê đá tan trắng nhọt tự h ồi nào. Vui của ông chủ chuỗi cửa hàng điện máy là mở thêm vài chi nhánh mới. Cửa quán nhậu Tăng Ba là khách nào ra khỏi đó cũng xùng xính say. Hay với vợ chồng thẳng em, không vui nào bằng nghe tiếng những tờ giấy bạc sột soạt lúc nửa đêm. Nhưng có những người như má, vui bởi được nằm thong thả nghe Thái Thanh hát “bể s ầu không nhiều nhưng cũng đủ yêu”, vì nhà có cây khế chua quanh năm ra trái. Chua tới con nít bụi đời không thèm hái. Nhưng khế chua được cái trái lớn, mọng nước, dài cánh khía sâu. Má hái mớ trái chín vàng chắt lên cái rổ tre cạ lòng, là đẹp bùng lên bàn ăn trong bếp.

Đó là ngôi nhà rất đẹp, trong ký ức con cháu. Không có hoa tươi (như bà nói hoa chỉ đẹp khi còn nguyên cành nguyên gốc), nhưng nhà vẫn được chưng diện bằng những thứ ít ai ngờ. Cái rổ tre lúc nào cũng đựng gì đó, khi thì những trái mu ồng khô, lúc khác, trái bàng. Không phải loại trái cây ăn được, chúng rụng đầy công viên, chỉ cần cúi lượm một chút là đầy rổ. Nhìn thấy cái đẹp trong thứ tưởng chừng vô dụng, trăm phần trăm chẳng phải người sống gấp sống nhanh.

Mấy thứ trái tức cười trong rổ tre của má, cũng là thứ mà chị nhớ, vào buổi chiều nào đó ghé thăm ngôi nhà xiêu xiêu gần cửa Gió. Xóm chài, buổi trưa vắng người. Trên bộ vạc sau nhà có một nắm trái so đũa nằm trên cái mo cau. Hỏi thứ này ăn được sao, một thằng nhỏ cười, hông đâu cô, con để vậy cho đẹp. Trưng ở sau nhà, nên chắc chắn không vì khách, đẹp này

cho mình.

Mớ trái gà chẻ dê nguýt nọ không phải được mang về bởi một phụ nữ nào, mà từ thằng nhỏ chấy nắng đen thui. Nghe thằng nhỏ nói, chị đoán sau này nó sẽ vác cây đòn đi ca tài tử, sau một ngày đánh bắt mệt lả. Nửa đêm về nó đứng ngoài hè một lúc lâu, vợ hỏi sao không vô, nó nói trời nhiều sao quá, nhìn thêm chút nữa. Thằng nhỏ cũng có thể trở thành một anh giám đốc thiết ngầu, nhưng mỗi cuối tuần anh tắt điện thoại, chở con ra đòng thả diều, ngắm bèo trôi sông.

Đó là một người sẽ tận hưởng được nhiều vẻ đẹp trên đời, bất kể giàu nghèo. Như má. Một người đàn bà mà khi nhắc tên ai cũng buột miệng kèm theo mấy chữ, “sao mà biết sống quá xá”. Cái khái niệm biết sống này cũng vô chừng, mỗi người mỗi kiểu, nhưng nhìn một lượt, chừng như người biết sống là biết đủ. Khi đó tham vọng thôi sôi rạo, họ trọn lòng lắng nghe những tiếng thì thầm ở quanh mình.

Nhưng đó không phải là kiểu sống mà vợ chồng thằng em chọn. Nó nói ai cũng tà tà vậy thì sao nước mạnh được. Mạnh, là phải có tiền, nhiều tiền, rất nhiều tiền. Có tiền mua gì cũng được. Mua vũ khí. Mua bằng hữu. Không thiếu nợ, và khỏi phải lấy đất đai ra trừ căn nợ. Chị hiểu nó muốn ám chỉ chính sự gì đây, cười, “nói thì hay, bữa rỗi có vài trăm ngàn tiền thuế mà kỳ kèo trả giá”. Người giàu nhiều, mà đất nước vẫn nghèo, là vậy. Tới cái nắp cống ngoài đường cũng bị lấy cắp. Ai cũng vơ vét cho mình, sẵn sàng ôm tiền bỏ chạy.

Hồi buổi chụp giựt bắt đầu, ngó tiền lẻ nhét đầy tượng Phật, chị không nghĩ thời thế kéo dài như vậy. Lâu đến mức không tin là mình chờ được ngày kết thúc. Sóng trước sóng sau cứ hớt hải. Nhỏ cháu chị mua sách dạy làm giàu về gối đầu giường, dù ba nó nói cần gì đọc, chỉ cần chui vào cơ quan nhà nước, lên cao, thì đường nào cũng giàu. Ngó mớ tựa rất kêu kiểu như “làm giàu không khó”, “Hai mươi bảy cách trở thành tỉ phú”, chị biết trong đó không có câu nào khuyên người ta biết thả lỏng tấm mình trong mùi hoa ban đỏ trong đêm. Mùi hoa nhẹ lắm, hít thở nhanh không cảm

nhận được. Chị nhắc con nhỏ cũng có những cuốn sách chỉ cách người ta sống chậm, cách kháng cự lại lòng tham lúc nào cũng đói khát của chính mình. Ở hai bên con đường một chi ô đi tới mi ền khuất mặt, nhiều thứ đẹp lắm, chạy nhanh thở gấp thì không thấy được đâu.

Đám Cưới Rừng

Địa chỉ in trên thiệp cưới có vẻ hấp hút, kinh ông này ấp bà kia, nhưng hóa ra rất dễ tìm. Suốt con kinh xẻ dọc vạt rừng, chỉ mỗi đám cưới thằng Mọt. Ngay từ đầu kinh đã nghe tiếng nhạc sàn mở hết cỡ, cứ vịn theo đó mà đi.

Không thể nhận ra thằng Mọt suốt ngày lặn ngụp nhổ bông súng bán đang đóng bộ âu phục, dúm mũi vào gò má cô dâu cũng tây vô cùng trong tấm hình chình ình cửa rạp. Mặt hai đứa được chỉnh sửa lảng o hệt đào kép trên lịch những năm 90. Má Mọt khoe chụp bộ ảnh này gần chục triệu, có quay phim nữa, chùng làm lễ sẽ mở cho bà con coi. Chị mặc áo đầm vàng, mang dép Lào, chắc vô thức xỏ nhầm.

Khách không nhận được trầu tr ô, ở rừng mà đám cưới y chang ngoài chợ, có khi còn trội hơn ở khoản khoa trương, ồn ào. Sà vô mâm tiệc toàn họ hàng, hỏi bà dì Bảy khỏe không, bà trả lời, ờ món này cay thiệt, nghe mùi muốn chảy nước mắt r ồi. Thấy không cạnh tranh nổi âm thanh của dàn nhạc mượn từ ngoài huyện, khách đổi qua cách giao tiếp quen thuộc của những tiệc cưới thời nay : ra dấu.

Hỏi thăm mới biết không phải tự dưng mà người nhà thằng Mọt nảy ra ý tưởng làm đám cưới sang. Từ năm ngoái cưới kiều chợ đã phả hơi thở thơm phức nước hoa của nó vào rừng, xuyên qua những vạt trà, lan rộng khắp như gió chướng. Tiếc là không thể rước dâu bằng xe mui tr ần, vì xứ rừng không có đường bộ. Vào cái ngày được coi là trọng đại của đời người, vợ ch ồng thằng Mọt cũng được tắm mình trong những thứ sặc sỡ nhất, gần như không có khoảng cách giữa chợ và quê, giàu với nghèo.

Nhưng cái nghèo chỉ l ộ lộ khi khách ra khỏi rạp cưới vòng ra sau nhà. Gian bếp sắp đồ, lưng dựa hẳn vô hai cây trà chỏi đỡ. Một bên vách rách, thấy bịt lại bằng mấy cái bao bố tời. Nhạc vỗ mạnh, cái nhà muốn rung lắc theo. Ba thằng Mọt nói cũng tính sửa nhà đón mùa mưa sắp tới, nhưng ti ền

đã d ãn vô đám cưới thằng con. Chẳng đủ đâu là đâu, phải vay thêm một mớ. Hai chục năm nay thằng Mọt lặn ngụp sinh bần, mấy khi được hôn h ớ rõ ràng như v ãy để sau này kể lại cho con cháu.

“Nhưng cô đừng có lo, đám cưới xong tụi nó dắt nhau đi Bình Dương làm trả nợ, mấy h ời”, chắc thấy mặt khách hơi lo, ba thằng Mọt đổ dành. Ngày này tháng sau, ở cái thành phố công nghiệp xa xôi cách quê nhà năm trăm cây số, đôi vợ chồng trẻ này nằm trong gian trọ hẹp như lỗ mũi, nhắc hoài nhớ không anh bữa đám cưới mình mấy thằng bên sông nhậu xỉn quá, mưa tại chỗ, nhớ không em lúc bong bóng nổ tung cơn mưa giã y màu xuống đầu tụi mình, con nít cả xóm vỗ tay quá chùng. Ký ức đó có làm hai đứa quên cặp giò sung phù vì tăng ca, và những đầu ngón tay rướm máu, quên nước mưa tràn vào nhà trọ và cơm cháy thì khô nuốt con g ỗ họng ?

Thực lòng, với tư cách cô họ thằng Mọt, cảnh nó mặc com lê xanh đ ợt chuối, c ãn ly bia vàng tằm tằm bọt, nhìn bảnh hơn nhi ều so với thằng Mọt môi m ỏ tím ngắt mà khách từng gặp d ãm mưa ng ời ngoài chợ, bán mớ nhái c ồm nhom. Biết đâu những gam màu u ám bôi vào cả đời thằng nhỏ, trong ký ức chỉ mỗi ngày cưới là rực rỡ, duy nhất chói lên mỗi khi ng ớ lại.

Nhưng ông nội thằng Mọt không chịu nổi cái lý đó, giận lấy bỏ ra ng ời ngoài hậu vườn từ sáng sớm. Liếp chuối cách rừng chỉ một con mương khô đáy, muốn đốt thuốc hút cho đỡ bu ãn, nhưng sợ tàn lửa gây cháy rừng, nên thôi. Thấy khách ra thăm ông già nói xóc óc, sao không ở trông nghe nhạc cho sướng mà ra đây chi, mượn dàn nhạc bọn bạc, không nghe uổng ti ền.

Nói vậy thôi, ra tận bìa rừng nhạc vẫn bám gót d ội theo. Ông già nói tụi chim nghe còn sợ hết h ần. Đầu mùa mưa có b ãy cò v ề làm tổ, ông mừng hết nước. Chim cò chịu tới ở, thành sân chim, ông già sẽ xui ba má thằng Mọt cất quán nước bán cóc ken cho khách du lịch, đỡ nghèo. Nhưng nhạc nện suốt ba ngày đám cưới, tối qua chim v ề thừa l ắm.

“Không biết tụi nó có quay lại không ?”, ông nội thằng Mọt nói. Khách tự hỏi không biết ông già đang nói tới b ãy chim hay những đứa cháu ông,

nay mai đây sẽ bỏ rùng ra chợ, cày cục trả nợ cho cái đám cưới thiệt sang.

Đảo Mùa Đông

Biển dài cho khách lông ngông món vắng. Đến ngộp thở trong vắng. Ngó đâu cũng vắng tràn, bãi biển, bến tàu và những con đường thun thút giữa vách núi cao. Băng qua xóm, chó gà chắc ngại rét chẳng thấy bên đường lai vắng.

Xe máy, xe đạp nằm ngoài vỉa hè cả đêm, không khoá. Quán xá mở cửa nhưng chẳng có vẻ đang đợi khách, mở chỉ để mở, vậy thôi. Hoàn toàn không thấy chị gái tóc vàng, anh trai xăm trổ nào sấn ra đường níu kéo. Những con sóng áp vào dạt nước lên cát, trắng một lớp mỏng tang, rồi bỏ đi, cả sóng và cát đều lạnh lặn.

Chỗ du lịch mà yên tĩnh đến khó tin, nhất là trên đất nước buổi chập chội này, hể chỗ nào hơi đẹp là đám đông xúm vào nhón nhác. Tự dưng nhớ những ngôi nhà đất Mũi từng thả phè cửa, xóm Chệt của ngoại bạn họ buộc xuống dưới bến qua đêm, nhớ làng mạc chừng chục năm trước chẳng cần rào dậu. Nước mình còn một chỗ chẳng cần dè chừng nhau, lẽ nào không một chút ngạc nhiên.

- Có lấy trộm thì biết mang đi đâu. Muốn thoát khỏi đảo cũng phải qua bến tàu.

Cô bé chủ quán nước cười. Nhìn bạn với ánh mắt tội không tội chưa, khi thấy đi chơi đảo nhằm quãng vắng, “phải chị tới khoảng cuối tháng này, có hội, người chen chân không lọt, vui lắm”. Quán chỉ vài cái ghế nhựa bạc màu, vài chai nước ngọt cũng cũ sờn không rõ hạn dùng, hỏi một hộp sữa tươi cô bé chạy te qua bên đường mua lại. Dọn hàng ra bến tàu ngẩng co ro chơi vậy, chẳng mong buôn bán gì, không chỉ vì đảo mùa đông vắng khách, mà “bố chồng đang say, sợ lắm”.

Suýt nữa là bạn đã hỏi cô bé học lớp mấy trường nào, đã sắp thi cuối kỳ chưa. Nhưng cô đã làm mẹ một bé trai hai một tháng tuổi. “Chồng em nghịch lắm, xăm trổ khắp người”, cô khoe. Kể rằng hai đứa mê nhau hồi

gần cuối cấp hai, đến mười bảy tuổi cô đã về nhà chồng sống, dĩ nhiên thủ tục kết hôn vốn chẳng nghĩa lý gì cặp đôi trẻ nít. Sinh con xong, vợ lại ra bến tàu của đảo mở một hàng nước, như đã từng ở đó mưu sinh từ hồi bảy tuổi. Hỏi chồng đâu, cô trả lời rất nhanh, những từ ríu vào nhau, “đi biển. Chồng em theo ghe câu mực ngoài kia”. Tay cô vẽ một cái vòng phía những chòm sao nhấp nháy.

Như một hòng cái mới vừa được chia tách, hơi yếu ớt nhưng vẫn là một gia đình, chắc không sao. Bạn nghĩ vậy, khi ngó cô bé chạy qua bên kia đường mua thuốc lá cho một anh chủ du thuyền vừa ghé bến. Cách chạy của đứa bé con, không sai đâu được. Một bà già ngang qua nghiêng ngó, hỏi con bé Na đâu bảo nó về mau, thằng bé con sốt cao, chắc đi trại thăm bố nó về, bị nhiễm lạnh rồi.

Không mất nhiều thời gian để hiểu ra trại chẳng phải là tên một xoáy nước một vùng sóng nào quanh đảo, ấy là trại giam. Một án liên quan tới tàng trữ buôn bán chất gây nghiện. Phải bốn năm rưỡi nữa người cha “nghịch lăm” ấy mới được tự do công con đi ra bến thuyền coi mòng biển liệng buổi sớm mai.

Hèn gì ông chủ khách sạn bạn ở, kêu mất thời gian vì đưa con tới trường luôn nán lại nửa tiếng, và sớm hơn nửa tiếng trước khi tụi nhỏ tan. Ông than đạo này trường ấy có nhiều đứa nghiện, lo lắm. Hèn chi lúc thuê phòng bạn hỏi đùa khách sạn có ma không, ông xua tay ôi trời còn nhiều thứ đáng sợ hơn ma nhiều.

Vẻ bình yên trên mặt không có nghĩa là không có sóng ngầm. Dường như đảo chỉ co mình, chờ qua cơn rét mướt.

Buổi chiều vào rừng quốc gia, tò mò theo dấu tiếng chim kỳ dị, bất ngờ lạc vào một đường mòn gặp nhóm người kiếm củi. Sau cái nhìn dè chừng, biết kẻ bắt gặp cảnh cửa cảnh dứt gốc của họ chỉ là du khách, một ông già bảo, giọng khó phân biệt được là trăn tình hay bất chấp, bọn này chỉ chặt mấy cây con con về nấu nướng, họ thì mang đi cả những gốc cổ thụ chục người ôm, có sao đâu. Rừng chỉ còn cây ở quanh những đường chính lên

núi, mấy ông lớn đi kiểm tra đâu có xoắn quăn lợi xa hơn.

Tụi trộm vặt chỉ có mỗi con đường ra khỏi đảo, nhưng trộm có hệ thống thiếu chi mang khu rừng trăm năm tuổi qua biển. Bọn nhĩ vậy khi cùng chiếc tàu khách rời đi. Những cây gạo hết mùa bông cháy, chỉ còn vài đốm lửa trên cành. Gạo sót, đổ bột lên giữa nền đá xám, như cố giữ mùa đông dài hơn một chút.

Và rồi những cái bông cuối cùng cũng rụng.

Dâu Biển Ngang Qua Một Nét Mày

Đưa bạn
về xứ

kinh Xuôi, hỏi cô Ngò ai cũng ngờ ngợ, bèn tả cô đó mười bảy năm trước tóc dài chấm gót, mày rậm da ngăm đen, trước nhà có hai cây dương gió qua nghe như tiếng mưa xa. A, người ta kêu lên, vậy là vợ Bảy Chiêu. Sức nhớ, phụ nữ qua sông tên riêng cũng để lại bên bờ.

Bạn chẳng chút bất ngờ, dĩ nhiên là nàng phải lấy chồng sinh con. Đợi chi anh chàng thực tập sinh nông lâm tới nhà ở đậu không đầy một tháng, mới kịp quen mùi, đã quảy ba lô đi mất. Và bạn cũng lường được chuyện nàng đã già nua theo thời gian. Nhưng đứng trước người quen, bạn cứ nín mình, giọng hơi hoảng, “là cô, hay không phải cô?”.

Hơi đầy đà, như nhiều phụ nữ trung niên miền này, nhưng cô Ngò trắng nõn, da mỏng đến mức có thể thấy được những gân máu li ti, làm nổi lên đôi chân mày phun xăm ngả màu cốt trầu. Chẳng chút nét nhà quê nào trên người đàn bà đứng trước mặt bạn. Trong giây lát bạn khó khớp được mối nối Ngò xưa với Ngò nay, nên nói chuyện mà mắt lảng ra vườn, chỗ có chòm mộ. Hồi bạn tới đây, má cô Ngò vẫn còn sống, bữa nào bạn cũng được ăn món bánh quê nào đó do bà già tự tay xay bột làm.

Nghĩ bạn cần thêm thời gian, mình xui bạn đi thăm mộ. Cô Ngò tức chị Bảy Chiêu ngại nắng xế chiều nên sai thằng con dẫn bạn ra vườn. Chị nói, bảy ngày đầu sau khi tắm trắng xong, chị núp trong nhà suốt. Cực chẳng đã, buộc phải ra ngoài thì che kín người bằng mấy lớp, hờ chỗ nào da bắt nắng là khỏi ăn tết.

Mới hay, tắm trắng đang là trào lưu của xóm kinh, như câu chuyện thần tiên, chẳng cần niệm chú, ngủ một giấc thức dậy quạ đã thành thiên nga. Thì trước giờ, làn da trắng luôn là chuẩn mực hàng đầu của cái đẹp, là ao ước của đàn bà kinh Xuôi. Một khát vọng ngàn đời, không phải cô Cám của cái thời “ngày xưa ngày xưa” đã tìm cách trắng da đó sao. Nhưng phận

làm ruộng mỗi năm hai vụ, suốt ngày phơi thân ngoài nắng, muốn trắng cũng không xong. Chỉ khi cả vùng dần mặn nhập đồng nuôi tôm, đàn bà kinh Xuôi mới soi kiếng xem lại nhan sắc mình, bởi chẳng còn công lên thuyền xuống nào phải dọa thân dưới trời. Xách giỏ ra vuông đồ tôm lúc mặt trời chưa lên, thương lái đến tận nhà mua, xuồng hàng bông cũng đậu sẵn dưới bến. Giờ gặp nhau chỉ nói chuyện trộn kem cách nào bôi da mau trắng, cô thợ nào vẽ móng khéo, nhuộm tóc màu gì thì giấu đi chân tóc bạc, áo đầm mặc kiểu sao cho mỡ bụng đỡ khoa trương.

Một cuộc cách mạng, bạn kêu. Hàng trăm năm những người phụ nữ nông thôn giữ gìn vẻ đẹp tự nhiên trời sinh sao để vậy, nhưng chỉ vài năm là lịch sử đảo chiều. Bữa nhậu mừng bạn về thăm kinh Xuôi, người bên xóm kéo qua chơi, mười chị thì hết tám xăm chân mày vòng nguyệt, hai chị còn lại sợ đau nên chưa dám. Nhưng họ sẽ vượt qua nỗi sợ nhanh thôi, “đẹp mà, phải chịu khó chút”. Sự nhớ cũng có thời người xóm kinh rủ nhau bịt răng vàng, mỗi lần miệng xòe cười là thiên hạ chói mắt.

Nhưng hai hàng lông mày được dọn sạch trơn, thay vào đó một đường cong của mực, nó không chỉ kể chuyện chị em kinh Xuôi ứng xử với chuyện làm đẹp ra sao. Người ta còn nhìn thấy ở đó sự thay đổi của nét ở nét làm.

Dòng mồ hôi chảy xuống đuôi mày, mồ hôi bết tóc mai, mồ hôi dính áo vào da thịt người, những hình ảnh đó vẫn ám nhớ, khi nhớ lại những mùa lúa trên cánh đồng xóm mình hồi chưa thành khu dân cư, thành chợ. Nói tới nông dân là nói tới những con người lặn ngụp trong biển mồ hôi. Lao động làm cơ thể họ khác biệt với người thành thị, bàn chân to, nước da đen đúa, tóc cứng, vai bè, tay đầy sẹo vết cứng quèo. Chân mày, không phải cho đẹp, cho mỗi gương mặt là một khác biệt, còn là con đập ngăn mồ hôi xuống mắt.

Mà mồ hôi của nông dân, như mình vẫn nghĩ, mặn hơn, xót hơn người. Vì nỗi mất mùa mất giá tự bơi trong cái thế bị bỏ rơi, vì cái nhìn thương hại của kẻ chợ ngó mấy thím xách đôi thùng chuối xiêm nặng trĩch trên

đầu, vì cái bữu môi của cô bán quán khi bà già trầu quy giá đĩa cơm sườn bằng giá lúa.

Chị Bảy Chiêu kể, có lần đi bệnh viện huyện thăm nhỏ em, lỡ mang đôi dép dính sình mà bị hộ lý nạt như nạt tà, chùng về chị phải lột dép đi chân không ra cổng. Bước vô tiệm vàng là chủ tiệm hỏi ngay, “cô muốn bán gì”. Kể tới tết cũng không hết những câu chuyện tủi thân, ghé tiệm quần áo kêu cho coi bộ đồ, em gái bán hàng ái ngại, “mắc lắm đó chị”.

Tất cả là tại nhân dáng nhà quê mà ra hết, mấy chị gặt gù kết luận. Nên chung diện này là cho mấy đời đàn bà luốc lem dờn lại, cho tự ái dờn nén trong lòng. Nếu họ tính tới chuyện nâng mũi gọt cằm cũng chẳng ai ngạc nhiên. Giờ đàn bà kinh Xuân diện dờn đi siêu thị, không còn phân biệt nổi ai chợ ai quê. Cả mùi bùn đất cũng phai lâu rồi.

Bạn cũng bảo, phải gặp giữa đường chắc chắn không thể nhận ra người quen cũ. Chuyện chị em liêu lĩnh làm đẹp từ mấy cô thợ dạo cũng đáng lo, nhưng buổi gặp lại không làm bạn đau lòng. Như lần gặp ở chợ trưa từng xảy ra trong tưởng tượng, Ngò của bạn ngó tem hèm bán mớ rau dồng, cộng xương quai xanh bén ngót, móng tay dính phèn và mủ chuối, bạn gọi tên mà Ngò chối, không phải tôi.

Da trắng và mày cong màu mực, chúng hiện diện để nói rằng những cơn mưa mồ hôi đã ngừng rơi trên đất này, từ dạo con tôm lên ngôi. Nếu lông mày chỉ để ngăn mặn tuôn vào mắt, thì nó đã xong sứ mạng rồi. Giờ đứng đỉnh nằm chơi, cũng đủ ăn. Cỏ mọc quanh nhà thì có sao, còng lưng trông tưới chi khi rau củ rẻ mạt, bán không hết có khi còn đổ bỏ. Nhân hạ bao lâu thì chưa biết, khi mà đất mặn ngày càng bạc màu. Nhưng nhân lúc được ngẩng mặt lên, nhứt định phải đẹp.

Đỗ Dành Cũng Khác

Thằng em họ bán đất bỏ xứ đi sau bốn mùa tôm thất bát, không phải tự dưng bạn nghĩ cái kết cuộc cả nhà nó đùm gói lên xe đồ đi miền Đông làm mướn cũng có phần lỗi của mình. Mùa đầu nó trắng tay, bạn bảo không sao đâu. “Rồi xui rủi sẽ qua, ngày mai là ngày mới”, bạn nói vậy ở mùa hai. Mùa ba em trắng tóc với những món nợ như thông lọng treo trước mặt, bạn vẫn khăng khăng trời đâu phụ người ta hoài.

Bây giờ nhớ lại, cái gọi là động viên, lại giống như ru thẳng em ngủ quên trong ảo tưởng. Bởi lúc nói những lời hời hợt đó, cả hai ng ồi ngay dưới bến, ngó dòng sông vẫn cợn phù sa, nhưng sắc nước b ầm lại, xanh xám như con bệnh lâu ngày. Đ ồng tôm của thẳng em chỉ cách những ống xả thải của mấy nhà máy chế biến thủy sản chừng chục cây số, và khoảng cách chừng đó về phía Bắc, là chợ, nơi còn hàng ngàn căn nhà d ầm chân trên quãng sông nhuộm nước đen trong bao nhiêu tấm giặt, rác r ến.

Lạc quan cho mấy, cũng biết con sông mà chị em bạn từng tắm mát của ba mươi năm trước, nơi những người đàn bà xóm Lá giặt áo gọi đầu, dòng nước tinh sạch ấy không bao giờ trở lại. Giờ rửa chân còn ngại, nói gì đến lấy nước đó làm chỗ sống cho tôm, vốn là loại đồng đánh khó chi ều. Vậy mà bạn vẫn bỏ qua thực tại, đồ lấy được, giống hệt dân xóm Lá động viên nhau sau những rằm những ba mươi giờ lú chỉ thấy toàn rác và bọt nước, rằng không sao đâu, biết đâu mùa tôm đang chờ ở con nước tới.

Cũng những con người này, h ồi còn làm lúa vụ một vụ hai, có năm mưa d ầm nhấn chìm ruộng sạ, họ nói có sao đâu, còn chút lúa d ứt b ồ, nay mai nước rút ủ giống lại. Có quăng bắn nhau dữ quá, họ phải bỏ xóm ra chợ tản cư, tự nhủ không sao đâu, bom đạn rồi cũng tạnh (nghe nói bom mắc l ắm, t iền đâu mà mua d ội xuống hoài), chừng ngừng chiến lại về vườn lên liếp trồng rau. Còn đất còn sông là còn hy vọng.

Những lời khích lệ kiểu đó bắt rễ từ đáy lòng, nở trên môi, như một

cách đỡ nhau đứng dậy, khi căn nhà trong xóm bị bom vùi, khi người đồ xuống vì đạn lạc, khi cơn bão đi qua, mùa giáp hạt quá dài. Mấy chữ “không sao đâu”, “kệ nó, tính sau, sớm mai mặt trời lại mọc” mang tinh chất của hy vọng, cơ hội làm lại, tin vào sự từng trải trước bất trắc ở đời. Ông trời đâu có xéo xắt con người ta mãi được, ý nghĩ ấy như đức tin.

Coi lại, dân xứ mình dễ dãi. Mấy cuộc chiến qua, xương thịt mất đi được yên ủi bởi tấm bằng tổ quốc ghi công treo vách, một chút tiền cho người thân, buổi thăm chớp nhoáng nhân ngày lễ. Bên thất trận, vẫn những bó xương buồn hiu, được vỗ về bằng một vài đại lễ cầu siêu, rất lâu sau. Và người bị bắt, bị nhốt khỏi rừng ruộng, bị ru ngủ trong những khu tái định cư sức mùi vôi mới quét, để thức dậy thấy mắt cay chẳng biết sinh kế ra sao, kiếm ăn cách nào với cuộc đời phía trước.

Chỉ trẻ con mới khiến người lớn biến đổi dành thành nghệ thuật. Đứa trẻ tập xe đạp xước gối sẽ nhớ ba nó vừa thối vào vết thương vừa nói, “cái theo này chắc tự hào lắm, nhờ nó mà cu Tí biết chạy xe”, hay cậu học trò yếu đuối không quên điểm mười của ông thầy thể dục dù cậu về đích sau cùng, “bởi vì em đã không bỏ cuộc”. Cũng là một cách bảo con nín đi, mẹ lại nói có muốn uống chút sữa không, khóc nhiều thì phải bù nước.

Bạn từng nghĩ cuộc san sẻ khó khăn nhất là với ai đó vừa tiễn người thân về đất. Nói với bà mẹ vừa mất con rằng thôi cứ nghĩ duyên nợ với nhau chỉ chút này, hay “thằng nhỏ vẫn ở đâu đây, chỉ cần mình tin là có”, thực chất là sáo mồn. Rồi nhận ra, với một số nỗi đau, góp mặt đã là vỗ về, ngửi im lặng bên họ, nghe tổn thương lên tiếng, không nhất thiết phải nói gì, nhất là những lời vô nghĩa.

Từ biển bị bức tử, lại thấy dãi dầy những con người bị mất biển kia cũng khó kém gì. Tới với họ, ngửi nghe nỗi mặn, không xoa dịu là bao. Nói “đêm rồi sẽ qua”, có khi bị đánh chảy máu mũi, bị phỏng rát dưới bao ánh nhìn thù nghịch, “rốt cuộc thì mi chọn bên nào?”. Bởi những con người đó, kể cả đứa trẻ vừa mới chào đời kia, sẽ không chờ được ngày biển hồi sinh, trở lại như hồi chưa bị đầu độc.

Bảo “không sao đâu” là lừa gạt, “sẽ có cách” là trì hoãn (thực chất là chẳng có cách nào), nhưng nói “khổ gì cũng trải qua rồi, cố chịu thêm chút nữa” thì đã bước qua ranh ác. Họ còn phải cố tới chừng nào, trên mảnh đất nhàu nát bởi bão lũ. Nhưng cuộc biển bị bức tử, sông chết mòn này đâu phải bởi trời. Thật không biết an ủi gì cho phải với những người trước mặt là núi chắn, biển chết sau lưng, chỉ còn những đám mây trên đầu, lũ khủ nhưng không ăn được.

Đời sống dòi dối không ngừng, nên vỗ vế nhau cũng không thể xài cách cũ. Ngoài những ưu phiền tự nhiên như tuổi già, bệnh tật, quanh bạn ngó đâu cũng thấy người cần được đỡ, như thanh niên xóm Lá lộn lượt bỏ xứ đi làm mướn, thằng bạn bị lọt hố ga gãy mấy cọng xương sườn, bên nhà em chùng trận mưa nào cũng ngập vì nước ngoài đường tràn vào.

Tới lúc nào đó, mạnh ai nấy tự đỡ mình, chứ còn sức đâu mà ủi an nhau. Khi ấy người ta ru tổn thương bằng gì khi “không sao đâu” đã hoàn toàn vô dụng. Nhưng cách nào thì đỡ dành ai đó đang đau, tuyệt đối, không thể nào, bằng bạo lực.

Dưỡng Chất Vô Hình

"Gió chướng mang về cuộc tranh luận bỏ lửng từ năm

trước.

Chỉ gần như chạm tay vào chiến thắng, khi mấy đứa nhỏ chọn đứng về phe mình, tụi nó không còn nghi ngờ chuyện Tết giờ chán hết nói nổi. Những thứ chỉ Tết mới có, khiến người ta dài cổ đợi, chảy nước miếng khi sức nhớ, giờ hoặc lúc nào cũng sẵn (như dưa hấu, bánh mứt) hoặc như pháo, đã biết mùi. Hết một huyên thoại bỏ đi, từ hồi nào đã tan sạch cái màn sương thần bí mà Tết khoác lên, khiến đêm giao thừa sâu thẳm không giống với đêm nào còn lại, trẻ con rón rén đến nín thở vào ngày đầu năm mới, chỉ xấp bao lì xì mà đêm không biết chán từ tảng sáng tới nửa đêm. Giờ Tết chỉ là một tuần lễ nhui lăn vào chuỗi thời gian lún trong xỉn say chúc tụng. Cả nhu cầu sum họp gặp gỡ cũng không còn, bởi lên mạng xã hội là biết ai xước móng tay, ai đang ăn tối. Trò thiêng đã giải, bày ra đó những thứ tầm thường, nguội và tro.

“Mấy ngày đó đóng cửa, kéo nhau đi nước ngoài du lịch thích hơn”, ai đó kết luận luôn, át luôn tiếng đằng hắng của người đàn ông đang mắc kẹt trong đơn độc. Cả khi hắng giọng mấy lần, thao thao như mọi khi, vẫn chẳng xua được cảm giác yếu thế. Không hoàn toàn bởi anh chỉ có một mình, còn vì cái ý nghĩ rằng Tết là lễ hội khó có thể thiếu trong đời sống người Việt, giờ anh không chắc nữa. Sự tẻ nhạt của nó, anh cảm thấy được, khi ngẫm trong cuộc họp lớp Tết rồi, cảm thấy những câu nói này, cách bọt bìa chảy qua kẽ tay này, sao mà giống như năm trước, năm trước nữa. Mâm cúng, khói nhang ba mươi nào cũng như ba mươi nào. Mình còn chịu được sự nhàm chán này bao lâu, lúc đó anh tự hỏi.

Anh từng tin rằng người xứ mình cần khoảng thời gian đặc biệt ấy như một chặng dừng nghỉ để làm tươi mới mình, một nếp gấp xếp cất đi những vui buồn cũ, một cánh cổng cho người bên kia thế giới đi về Rừng giá trị

tinh thần của Tết không phải là thứ đong được, và tiếng gọi của nó phải vang động lắm nên con người ta có ở tận cùng trái đất cũng đáp lời. Những lý lẽ đanh chắc anh từng dùng đáp trả lại cái ý tưởng dẹp Tết cho xong của vợ, ai ngờ có lúc thở nhẹ cũng lay. Tháng Giêng năm r ồi anh vào viện bó bột cái chân trái, tai nạn xảy ra sau cuộc chúc Tết anh em cột chèo. Giờ ch ỗ theo đó nằm trên người anh, nhưng là bằng chứng thuyết phục nhất để chống lại anh.

Bất giác, anh đưa mắt tìm bà mẹ, lúc này đang quét trứng m ọt trên trang thờ. Từ l ăng tai, bà đứng ngoài những cuộc tranh luận của đám con. Ngó mấy đứa cãi hăng, bà đoán lại bàn chuyện làm giàu, mấy chuyện h ồi bà còn nghe rõ, cũng chẳng hiểu gì. Một đứa kêu má lại làm trọng tài cho tụi con, bà mẹ gật đầu, “ờ, năm nay cây xoài rụng bông quá mạng, có khi tới Tết không có trái nào bày lên đĩa cúng ba tụi bây”.

Cuộc tranh luận năm ngoái cũng ngưng giữa chừng theo cách g ần giống vậy, chưa ngã ngũ thì bị bà mẹ ngắt ngang, h ồi thằng con ch ờ đi lò ấp hốt hai chục vịt con. “Giờ nuôi ăn Tết là vừa”, bà nói, trong lúc xỏ thêm cái áo dài tay.

Bà mẹ chưa bao giờ thôi dành dụm cho cái Tết của nhà mình, dù buổi này những thứ cần thiết đầu ề h ề ngoài chợ, chỉ cần nửa ngày là sắm đủ. Nhưng kiểu bà là Tết này chưa dứt đã bứt rứt Tết sau, khi bảo năm tới nhớ nhắc má vớt bánh sớm một chút. Đứng trong Giêng, bà đã nhón chân ngó hướng Chạp, lúc này h ầy còn là chấm nhỏ mịt mù. R ồi cái điềm ấy lớn dần, bà mẹ có làm gì thì cũng không quên thăm chừng, lắng nghe tiếng gọi của nó. Có buồng chuối, quày dừa, bà luôn tính coi có kịp làm mứt Tết không. Củi khô mùa nắng, bà dành riêng những gộc lớn nhất cho n ồi bánh tét đêm giao thừa. Chắt m ọt từng ngày d ần hết vào đám giỗ ch ồng và mỗi lễ hội kia thôi. Như thế chỉ những dịp đó bà mẹ mới thật sự ăn, và thở.

Nó có ý nghĩa gì với má mình, mấy đứa con cũng vài lần hỏi. Bà mẹ xua tay nói “ai biết, tự nhiên vậy, qu ờn đâu mà ng ỡ nghĩ tào lao”. Như nước sông lúc chảy ngược khi xuôi, r ắn m ỏi có chân, ai thềm thắc mắc tại

sao. Sinh ra đã thấy, nghĩ trước giờ vẫn vậy, chỉ tội nhỏ đi học mới biết giải thích chúng theo khoa học. Hỏi có phải suốt thời trẻ sống trong chiến tranh, chỉ dịp Tết đôi bên ngừng bom đạn được vài ba ngày, người ta tạm quên chuyện loạn lạc nên mới quý Tết không, bà mẹ ờ, nói cũng dám vậy lắm. Hỏi hay bởi đất này quanh năm không hội đèn lễ chùa chi hết, nên bao vui d òn góp cho cái Tết không, bà mẹ nói nghĩ vậy cũng có lý. Nhận được câu trả lời, nhưng người ta vẫn mông lung.

Chỉ biết Tết được nuôi bằng thứ dưỡng chất mông lung đó. Những đứa con không bao giờ biết bà mẹ tưới tắm Tết bằng gì, mà bao nhiêu năm nó vẫn màu sắc ấy, hương vị ấy. Và bên phía đòi dẹp Tết, dù đã kéo vào đội mình những nhạc sĩ, giáo sư, chuyên gia, biến cuộc tranh luận vượt ra ngoài cổng nhà, đã đưa ra những lý lẽ khó mà bắt bẻ, cũng không sao làm hao hụt thứ dưỡng chất không hình khối, không thể phân chất trong lòng những bà già. Là tình yêu, thói quen, hay bản năng, chính họ cũng không rõ. Chỉ biết mẹ của họ mùa nào cũng dành một công đất cấy nếp, để dành tới Tết quết bánh ph ồng.

Tết tiếp tục hay dẹp bỏ, không bao giờ bà mẹ nảy ra câu hỏi đó. Có nghe thì cũng lơ đi, như thể nó không dành cho bà. Mấy đứa con nghĩ chừng nào má mình còn, thì Tết không bao giờ mất. Giả sử một ngày nào đó lệnh cấm Tết được ban ra, bà mẹ vẫn giấu mấy trái xoài sứt sẹo trong thùng gạo, chờ tới giao thừa bày lên bàn thờ gia tiên, thắp nén nhang rì r ãn nói chuyện với hư vô, và cong người che giấu đốm lửa nhỏ bé kia, sẵn sàng nuốt thứ khói bị người đời ru ồng bỏ vào lòng, mà không cảm thấy chút nào cay đắng.

Gió Bụi Lưng Đèo

Bởi vì chiều đã chan ngập thung lũng dưới kia và vẫn đang không ngừng dâng lên cho tới chừng nào núi với bóng tối là một, nên có chút ảo giác đám bụi mà những chiếc xe tải bỏ lại là sương...

... chỉ khác, chúng dày và thô bạo hơn, như có thể làm xước da một đứa trẻ.

Ngó bụi lợp lên tấm bạt che quán, và bồi mờ những đường nét cỏi cằn tựa nếp đá trên gương mặt của đôi người đàn bà ng ồi neo quán bên đường, tôi nổi quạu đã lên cổng trời rồi mà vẫn bụi.

Về mi ền biên l ần thứ ba trong bảy năm, đã lường trước dòi dối, nhưng cũng bị nhiều cơn chóng mặt. Ở chỗ tưởng như chỉ bước nữa là đến trời, cao ngàn thước so với mặt nước biển, thị trấn biên vẫn mịt khói thịt nướng, nhạc sần.

Mấy anh trai bản lên xuống dốc mở loa ngoài điện thoại oang oang: “h ần l ỡ sa vào đôi mắt em, tay trắng cùng nhau dệt mộng vàng, chúng ta không thuộc về nhau”. Một chị bán đặc sản mi ền biên đã biết xéo xắt với hàng xóm, “mặt ong chỗ mình là thật, bên kia toàn nước đường thôi”.

Thì mình đâu có muốn người ta nghèo, hi ền, tội tội hoài, nghĩ vậy nên dặn lòng hãy mừng đi hãy hài lòng. Nên lấy bụi trút bu ền, vì nhìn quanh chỉ mỗi nó là không có quy ền vô tội.

- Ôi ngày xưa không có đâu, từ lắm người xuôi lên, bụi mới nhiều.

Chị bán khoai nướng nói, giọng của người núi nói thứ tiếng mượn đỡ nghe lơ l ợ, nhẹ bằng gần như không trọng âm, san phẳng cái vực thẳm giữa bằng - trắc. Nhưng câu nói gây cơn dư chấn trong tôi, thấy không chối được, bụi ở đây có phần mình mang tới.

Xứ sở thời chưa bụi, chỉ có những đôi chân trần l ần l ỏi đi bộ từ núi này qua núi khác, nương n ọ rẫy kia, bấm ngón trên đá tai mèo. Cùng với con người, gõ móng đường mòn là ngựa và trâu bò, bày đàn cũng chẳng thể

dấy lên cơn bụi nào có thể làm đục gió, lem ố hoa cỏ bên đường. Con nít giỡn chơi ném vào nhau thứ đất đá mịn được tắm sương, tinh khiết vậy không đành gọi bụi.

Lần thứ ba trong bảy năm, thứ nhì lên ở miền biên không chỉ bụi, thứ bụi vô vị của những con đường đang làm đoạn này nhưng rách mặt ở đoạn kia, bụi của những chiếc xe chở vật liệu xây dựng rơi vãi, của hỗn hợp trào ngược từ dạ dày du khách.

Trẻ con nhì lên, la lũ bỏ nhà ra đường vẫy tay xin kẹo, có đứa còn táo tợn xông ra giật mấy ổ bánh mì khách treo bên xe máy khi họ giảm tốc qua một khúc quanh. Hàng quán nhì lên, nhì lên lưỡi dao lặn trong cơm canh đậm bạc.

Trong bản lổm đổm những ngôi nhà cất theo kiểu miền xuôi, mái lợp tole xám tường rào bê tông xám. Hết thấy chúng cũng là thứ bụi gây xốn mắt.

Ngày sắp cận r ễ nên chị chủ quán không thêm than vào bếp, gió bị nhiễm lạnh từ khe núi nào đó, xo ro thổi qua. Chỗ tôi ng ỡ là một cái quán nhỏ của một chị dựng lên che mưa nắng. Quán chỉ có nước đóng chai, và bếp lửa nướng ít củ khoai, trái bắp, mái lợp tạm bợ bằng tấm bạt nhựa, không che hết bóng bà già bán củi ng ỡ bên.

Từ tôi ghé vào, ừ à chỉ có chị này trở khoai trên bếp bằng đôi bàn tay cháy xém. Bà già bán củi suốt cả buổi không mở miệng, ng ỡ im như tạc từ đá núi, lại bị phủ thêm một lớp bụi đường, nhìn khó đoán người hay tượng.

Củi mà bà mang lên đỉnh đèo này ng ỡ bán cũng là thứ củi ti ều tụy, như bà. Ngó chừng đã mục bỏ, có đốt lên cũng chỉ cho ra thứ lửa không l ỡi, lom đom khói mù. Nghe kể ngày nào bà già cũng lên đây, cũng chừng ấy củi, không nhì ầu hơn hay ít hơn.

Đôi khi cứ ng ỡ vậy mà ngủ thiếp đi, chị chủ quán phải đưa tay vào mũi bà, coi còn thở hay ngưng từ đời thuở nào r ỡ.

Nhìn bó củi thấy có gì đó ngây thơ, bởi đỉnh đèo chỉ có những du khách hót hải ghé lại chụp hình với cái phong thung lũng gọn khói r ỡ đi, đôi khi

mua chai nước, củ khoai băm bụi cho vui, ai đâu mua củi.

Nhưng hàng mấy chục năm nay, bà già sáng nào cũng kiếm bằng được bó củi rồi công lên đèo, chi cầu tha về bản. Đáy gùi có vắt cơm qua bữa trưa.

- Ở chỗ này hễ bắn nhau A Lềnh của bà bị pháo rơi, cả người gom lại không được nửa gùi.

Chị chủ quán nói, tay cầm que khóa lớp tro lên những đốm than còn nhói. Vẫn cái giọng nhẹ không. Bà già như chẳng biết người ta đang nói về mình, giữ thế ngẩng bất động, cả mắt cũng chẳng chớp, nhìn vời vợi ra chỗ khúc quanh, nơi con đường biến mất và những chiếc xe hiện ra, theo cách vô cùng đột ngột.

Mớ bụi mù của chiếc xe khách vừa ngang qua giờ lẫn với sương khó mà phân biệt được. Một du khách thiếu thời gian và thừa hơi hợt, giây phút đó nghĩ trong bụi có hạt nào từ bao da thịt bị thất lạc năm xưa, mà bà già đi đến nhiên tưới tắm trong chúng.

Tự hỏi sao mình lại lấy bụi ra trút hờn, quên có lần giọng ông già Lê đặc lại, khi kể về một nữ dân quân đã bị đám người tràn sang từ bên kia biên giới chà xát dưới xích sắt xe tăng, cho tới khi chị tan ra, thấm hết vào sỏi đá.

Không biết bụi A Lềnh, chị dân quân vô danh và những người đã ngã xuống miền phen giậu này đã theo mưa trôi vào khe đá nuôi bắp ra trái và lúa trở bông, hay vẫn còn lang thang trên đường, như một cách chống lại sự lãng quên.

Ít nhất, bụi cũng làm người ta cay mắt.

Hành Lý Hư Vô

 ả khi xe chuyển bánh rồi bạn vẫn còn kinh ngạc, thì ra chỉ cần chừng này thứ mang theo. Chục ngoài bộ quần áo, mũm mềm, đôi gối, vài cái khăn choàng cổ. Mà cũng không chắc chúng cần thiết với mình.

Có quá nhiều thứ để nhìn nhận lại trước và trong những cuộc chia tay, như cái chị khóc mếu kia chưa chắc sẽ nhớ về bạn nhiều hơn người về như tỉnh bơ cà rớn (nuốt trọn nỗi buồn vào lòng vốn là chuyện chẳng dễ gì), hay đằng sau câu “sẽ gọi điện thường xuyên” là một rừng lừa phỉnh bởi mai đây hít thở thứ không khí khác, sẽ chẳng còn gì chung để chia sẻ cho nhau. Và xứ sở bạn tưởng như đậm đặc trong từng tế bào máu, không sống nổi nếu thiếu vắng, ngay khi rời đi đã có nơi chốn mới thay vào.

Hiểu cách những mối quan hệ biến dạng sau mỗi cuộc chuyển dời, nhất là giữa người với người, nhưng sau vài lần chuyển nhà, đồ đạc mới là thứ khiến bạn ngạc nhiên. Những thứ bạn phụ thuộc vào, như thể chúng là tai, là mắt, là oxy, hóa ra buông bỏ được. Và có thể buông nhẹ không.

Vẫn nhớ lần chuyển nhà đầu tiên, trước buổi rời đi căng đầu nghĩ coi bao nhiêu thứ cần kên này xe tải hạng nào, bao xe thì chở hết. Gì cũng muốn mang theo. Sao thiếu được cái tủ lạnh dành trữ đồ ăn, hay bộ bàn trà, vốn là kỷ vật của bà nội. Kệ sách, với tín đồ gặm chữ không thể không có. Mớ đồ sứ tinh tế nhất nhận được từ những phiên chợ cuối năm. Phải nhấc bổng căn nhà lên được bạn cũng không bỏ rơi nó. Trên tường vách vẫn còn những cây đinh xiêu vẹo được đóng bởi tay của ông chằng quá cố, chục ngoài cái vạch đánh dấu cuộc nhỡ giò của thằng con.

“Phải mua giấy dán tường che hết chỗ tem lem này mới được”, bà khách đầu tiên tới coi nhà ngay sau bữa bạn treo bảng rao bán, đã phán luôn khi nhìn thấy những vạch sơn vàng. Tự tin với mớ vòng vàng xúng xểng trên người, khách xông vào tận buồng trong, nói phá luôn cái cửa này cho thoáng gió, bếp kê cao thêm hai cục gạch là vừa, cây bàng ngoài sân

đồn luôn, khỏi mất công quét dọn mùa lá rụng. Như thế ngôi nhà đã thuộc về bà, ngay khi cuộc mua bán còn chưa bắt đầu, mặc cả chưa đến đâu. Trong giây lát bạn cảm giác mình là khách, đi đứng sẽ sàng, đến bà kia phải mời ngược lại kìa chị uống nước đi, ngại khi khờ gò. Khách về rồi mới dám tin nhà này là nhà mình, trường kỷ bạn đang ngỡ nín thở sợ nó đau đây chính mình đánh đổi từ những buổi dạy thêm khản giọng.

Mớ đồ này phải đánh đổi thanh xuân mới sắm được đó, bạn bảo vậy, khi cuộc chuyển nhà làm hao kiên nhẫn của mấy con bạn tới dọn phụ. Chúng cho bạn cảm giác sống, là nôn nao ngay khi gặp lần đầu, là khắc khoải chờ đón về, là mãn nguyện khi nhìn chúng chễm chệ giữa nhà. Cho nên cả cái ấm sứt vôi cũng được cuu mang tới cùng. Bạn chứng minh câu “một lần dọn nhà bằng ba lần cháy” là ứng vào ai đó, không liên quan gì mình. Sau cuộc chuyển dời bụi là bị bỏ rơi, cùng những góc trần nhà bị ngấm nước, những tờ nhật báo mục rã.

Hồi đó bạn đã qua bốn mươi, tự hào sống trong một căn nhà tiện nghi, và gặt hái vô số trăn trở từ những người khách lần đầu tới chơi, “một mình nuôi con đã giỏi, mà còn sắm sửa vậy thì không phải giỏi vừa”. Ở giữa những thứ đáng giá khiến cho mình đáng giá.

Mấy khuya mất ngủ đi lại trong nhà, phát hiện ra đồ đạc tưởng nhiều nhưng góc này, ngách nọ vẫn trống rỗng. Lại phải nghĩ coi sắm thứ gì làm đầy nó. Phải rất lâu sau đó mới nhận ra bao nhiêu đồ đạc cũng chẳng lấp nổi biển khơi trong lòng.

Đó là khi chuyển nhà cuộc nữa, tới một nơi chốn xa xôi nghĩ thôi đã ngại, muốn hay không cũng phải bỏ lại mấy món cồng kềnh. Bạn gọi người bán bớt tủ giường, lúc họ tới lấy đi, bạn chợt nhận ra những khoảng trống không còn đáng sợ. Dễ chịu nữa là khác. Giây phút hít hà khoảng không gian thoáng đãng trong nhà, bạn bỗng nghĩ về tự do. Mặc dù ý nghĩ đó dường như không đúng, mớ tủ giường kia cần từ bạn hồi nào đâu, mà giờ lại thấy thoải mái như chim sổ lồng.

Nhưng phải tới chuyển đi mà bạn tin là cuối cùng này (đêm qua có một

bà già bên xóm ng ỡ bên bạn thì th ăm, “giờ thì con nhỏ chịu nghỉ ngơi r ỡ”), bạn mới thật sự nhìn đ ồ đặc như một giấc mơ. Cái máy đi ầu hòa bạn không cách nào thiếu nó khi đi qua những mùa khô sôi n ắng, giờ không có bạn vẫn ngủ ngon lành. Và ngủ sâu đến mơ cũng nhẹ đến không thể chạm vào. Hay cái điện thoại kia, thứ kết nối bạn với thế giới, dính cứng bạn vào những mối quan hệ vô hình, giờ nằm một xó. Từ bạn đi phần lớn thời gian nó ngủ lơ mơ vậy, nhưng đôi lúc vẫn run lên, ngay thời khắc ấy bạn có thể nhìn thấy kẻ đã đánh thức nó đang tự vỗ vào trán mình kêu “mình mất trí thật r ỡ, người đã đi mất biệt có gọi cũng chẳng thể nghe”. Chị ta không tiết lộ thêm gọi bạn để nói chuyện gì. Nhưng chuyện gì thì cũng không ngoài cái sự chị ta nhớ bạn, và quên chị từng tiễn bạn đi.

Sáng đó trời mưa, người đưa tiễn không đông lắm. Bạn ngó coi mấy chiếc xe chạy sau mình có chất đ ầy những hư vô, thứ hành lý duy nhất bạn có thể mang theo, thứ khiến bạn cảm thấy cần thiết hơn cả những áo khăn được gói chặt bên mình, cả lúc mục r ỡ đi còn chưa xài tới.

Hồ Đi Tìm Voọc

Qua khỏi chốt gác của một doanh trại quân đội, là núi. Hồ thành một người khác, không còn là ông già hay lên mạng cãi nhau những tưởng tung tóe ra thứ gọi là chân lý. Vừa mới đây Hồ còn cầu nhàu chuyện họ cho người nước lạ xây hai tòa nhà ngất ngưởng ngay cạnh căn cứ hải quân, hay những chiếc xe tải chở vật liệu xây dựng vẫn ùn ùn vào khu bảo tồn thiên nhiên.

Giờ mọi muộn phiền như đã bỏ lại hết nơi anh lính canh ngẩng. Chỗ đó là một ngọn núi khác, vô hình, tối thẫm bởi chứa chất bao nhiêu thứ người ta bỏ lại.

“Chỗ bụi cây đó buổi sáng nào cũng có con chim đuôi đỏ đậu, hót thiệt hay”, Hồ nói.

“Cái cây cao cao kia trở bông vào tháng Tư, cả tán bông lợp trắng, đẹp thôi rồi”, Hồ nói.

Và Hồ nói con suốt kia mấy đứa thường ra uống nước cuối chiểu. Còn ở dốc này hay xuất hiện một nhà bầy đứa, tụi nó thuận thảo lắm, không bao giờ đánh nhau. Ờ mà giờ này không biết mấy đứa đi đâu, ta.

Mấy đứa mà Hồ nhắc suốt đường lên núi không phải là những đồng bạn hay tụ tập trên núi vai vác máy ảnh gắn ống kính tele nhỉnh, anh nói về bọn voọc chà vá chân nâu. Chứ anh dùng gọi “tụi nó” cũng không cần phải dùng dấu ngoặc kép khéps vào, bởi trong ngữ cảm khi kể chuyện lúc hỏi thăm một người đi xe máy ngược chiểu có thấy mấy đứa không, giọng như nói về đồng loại. Với anh, đi trên đất hay sống đọt cây, cũng như nhau.

“Mấy đứa có khác gì tụi mình đâu, ờ mà có, ít ác hơn”.

Hồ kể lúc trước anh chỉ đi núi vào cuối tuần, sau vụ họ cho xây khu nghỉ dưỡng trong vùng di sản, anh gần như lên đây mỗi ngày. Chẳng có lý do nào rõ ràng, ngoài chuyện được gặp mấy đứa. Nhưng tụi nó cũng vô

chừng, như chiều này, chẳng thấy bóng dáng đâu. Thò đầu ra khỏi xe, Hồ nghềh cổ nhìn lên đỉnh Sơn Trà ngập nắng, trên tầng cây có rất nhiều tầng cây.

“Chỗ này có con nhỏ nhất hít, rình hoài mà chưa có được tấm chân dung tử tế”, Hồ mở máy ảnh khoe một bức hình nhòe nét, cô mẫu giấu mặt sau một bụi lan rừng. Nhưng có thể nhận ra sau mắt lá một ánh nhìn bền lễn.

Hồ chụp hàng ngàn bức ảnh cho máy-đưa-của-mình, có những tấm ảnh giống nhau, chụp cùng một thẳng, nhưng anh có thể nhớ tấm này chụp vào vài hôm trước bão, tấm kia vào gần tết. Có bộ ảnh đẹp đem triển lãm cũng vui, nhưng vui hơn khi nhìn thấy qua ống kính một bầy voọc lạ, chưa từng xuất hiện trước đây. Chúng đã biến mất trước khi anh bấm máy, nên chỉ bắt được một ngọn cây hẫy còn đang lay động.

“Bữa đó tụi này không ai kịp chụp, nhưng kéo nhau đi nhậu ăn mừng, bởi một bầy mới nghĩa là trong rừng mấy đứa còn nhiều lắm”, Hồ nói, cua xe qua một khúc quanh có một nhóm săn ảnh ng ồi tán chuyện. Chào nhau chỉ mỗi câu “nay mấy đứa trốn kỹ dữ ta”, nhưng vẻ mặt chẳng tỏ ra thất vọng, chừng như đã quen chuyện cuối chiều xuống núi mà chẳng có tấm ảnh nào.

Kho ảnh voọc của Hồ, một nửa mất nét, thiếu sáng, vỡ hạt, đôi khi chỉ một tấm lưng, đôi vai của giống linh trưởng tên ghi trong sách đỏ. Anh không xóa đi, nói chụp mấy đứa không quan trọng chất lượng ảnh. “Đề nhớ tụi nó đã từng ở đó”, giọng Hồ bỗng buồn oặt. Khách dường như đã nhận ra mình sai. Hồ đâu có hết sạch r ầu đời khi lên núi. Anh biết cánh rừng của mấy đứa c ần c ự chẳng bao lâu.

Ngày nào xuống núi mà Hồ chẳng vòng xe qua bãi thi công khu nghỉ dưỡng đã tạm dừng dưới áp lực của truy ền thông, trơ n ền cốt. Chúng ở đó như chờ đợi họ quay trở lại, tiếp tục dựng lên những xa hoa. Những cuộc mặc cả bán mua vẫn đang diễn ra đâu đó. Rừng lại ngã rạp sau những cú bắt tay.

Và những bức ảnh của Hồ là nỗ lực cuối cùng, không thể nói là không

tuyệt vọng, để nhắc nhớ cháu con mình, rằng ngày xưa chúng ta từng có rừng. Ngày xưa ở ngay cạnh con người, những con voọc chân nâu vẫn ng ồi bắt rận cho nhau vào những ngày không giông bão.

Im Lặng Còn Vang

Khu dân cư cách lau sậy một con kinh đào nhỏ. Đó không phải là thứ khoảng cách có thể đo chính xác, khi những buổi chiều người ta ngó bên kia bờ nước, nghe trong âm thanh lau lách xô nhau độc một sự xa xôi, tự hỏi không biết xứ đó có cùng mùi giờ không, mà bông lau cứ sáng lên khi mặt trời dần tắt. Đứng sát mé kinh, ta có thể nhìn thấy vài ba con đường mòn hẹp đến mức cảm giác không để cho người đi. Một con bò, mình ên nó, chùng như vô chủ, thỉnh thoảng hiện ra rồi biến mất. Lau sậy với trẻ con xóm chỉ là một vương quốc đen tối tuyệt đối nên tránh xa, cả người lớn cũng không ưa cái thứ hoang dã kết thành bầy đàn ngay bên cạnh họ, như chưa bao giờ chuộng những gì có vẻ bí hiểm khó lường. Họ lờ nó đi, cố tránh bị tổn thương bởi sự im lặng không thể cắt nghĩa nổi, bởi lau sậy chẳng ra vẻ hứng thú với ánh đèn phố thị, nằm lim dim tận hưởng thứ bóng tối của riêng mình.

Cho đến đám cháy chiều nay. Dân khu phố buộc nhớ lau sậy đang ở trong thành phố, ngay bên cạnh họ. Cả khi nhắc nhớ sự hiện hữu của mình, lau sậy cũng chọn cách không thể ngạo mạn hơn, chúng cháy lên bất chấp việc trở thành tro than trong lửa. Một kiểu cháy giòn tan. Khu dân cư thất thủ bởi thứ khói chùng như bị niêm kín, và gió đang ở bên ngoài những tường vách vô hình. Cả gió cũng bỏ rơi họ. Người ta sập rèm, đóng kín cửa, rồi sớm nhận ra có làm gì thì khói, bằng vẻ im lặng dịu dàng, nhanh chóng chiếm đóng căn nhà, ngập lên tận nóc, cả khi gió mái ngói mà ngoi lên thì cũng vô phương chạy trốn.

Giờ thì hoa ngọc lan có mùi đám cháy. Món cà ri có mùi đám cháy. Mái tóc vừa gội có mùi đám cháy. Và điều thuốc người đàn ông đang hút dở cũng ngái mùi đám cháy.

Đó là đi đâu cuối, nhưng anh không thể tận hưởng trọn vẹn nó. Anh đi tới tiệm tạp hóa, rồi sức nghĩ có thể đã sai đường, khói và thứ ánh sáng chạng

vọng khiến tầm nhìn không thể xa hơn một vài mét. Vài chiếc xe máy đã bật đèn tìm đường thoát. Những người đi bộ không có thứ ánh sáng nào dẫn dắt, bị mất phương hướng trong cơn lũ khói, bất lực chờ đợi đồng kẻ chậm rãi lửa bãi lau sậy bên kia.

“Đám sậy đâu thể tự cháy, đúng không?”, một người cao giọng, nghe chừng đang nổi khùng. Ai đó đòi bật tất cả quạt trong nhà đuổi khói đi, nhưng điện đã cúp từ hồi xế, không thì họ đã sớm nhận ra mình ngây thơ đến độ nào: khói là thứ không cách nào đuổi xua. Giữa bốn bức tường ngột và tăm tối, người ta ụa hết ra đường, tìm kiếm đường mình dù chẳng để làm gì, ngoài than vãn và tức giận. Người ta không đoán được ai vừa nói, ai ho khan cũng như ai quen ai lạ. Mọi gương mặt đều nhòe lẫn cả. Chỉ đoán chắc có bà già sống bên kia đường bởi cái giọng hân hoan khó tả, “chèn, khói y như đốt đồng”.

Mỗi tháng bà chỉ xuất hiện vài ba ngày, rồi biến mất suốt thời gian còn lại. Một tay cầm chổi cùn, tay kia cây dao tà mui, bà già không phân biệt vỉa hè này là của nhà mình hay nhà người, cỏ mần trầu hay cỏ chỉ. Cuối ngày là một nghi lễ nhỏ với cuộc hóa tro cả cỏ cùng rác, dĩ nhiên không phân biệt. Suốt con đường tinh sạch như mới được lau. Bằng cách đó, bà già chứng minh mình không phải xuất hiện trong chiêm bao, dù luôn biến mất vào sáng sớm.

Bà già, không bao giờ lạc trong những khói, dù chỉ một đám hay trong cơn lũ chiều nay.

Người đàn ông quyết định đi theo cái bóng nhỏ bé ấy để về coi lại cái công, sự nhớ không biết đã đóng chưa. Dù không chắc bà già có ý về nhà, ở ngoài đường tắm gội, hít hà không sướng hơn sao, chẳng phải ăn khói ngủ khói là kiêu của bà sao. Nhưng anh cần di chuyển, để quên nỗi đắng cay mà tờ giấy bạc nằm trong túi áo lạng lẽ truyền vào ngực.

“Đã không làm ra đồng bạc nào còn mở miệng xin tiền”, vợ anh nói vậy, khi anh bảo không còn điều thuốc nào. Câu nói châm ngòi cho một cuộc cãi nhau, mà anh không thể nhớ nổi anh đã nói những lời gì, đã vung

tay đuổi chân kiêu gì trước khi chị vô buồng và sập cửa.

Có thể anh đã nói “cô lấy tiền làm chõng, nên đội nó lên đầu”. Cũng có thể anh không nói gì, hung hãn tiến lại giằng túi chị, rồi đá xô chậu bỏ đi. Từ lúc dọn qua chỗ ở mới, những cuộc cãi cọ thường xuyên tới mức nhậu lẫn cả chi tiết với nhau. Như lần anh đãi bạn bè một chầu nhậu bọn tiền, lần nào đó anh hứng chí mua thêm một đàn Akai nghĩa địa. Những thứ đã có thời anh chi xài không thêm nghĩ ngợi, và vợ nín nhịn cho qua.

Nhưng tiệm đồ lưới bên chợ Cầu Chùa, thứ giúp anh hể hả trong vai ông chủ, giờ là tro bụi. Một đám cháy đã dọn sạch khu nhà, vốn lì lợm tồn tại sau nhiều lần giải tỏa. Trong cách lửa cao ngọn người ta dựng ra một đồng thuyết âm mưu, nhưng thuyết gì thì lửa vẫn là lửa như từ thuở hồng hoang đến giờ. Dào dạt, dữ dằn, ngốn ngấu mọi thứ để lại bãi tro than. Những người từng ở đó dọn vào khu dân cư mới, mang theo những giấc mộng lưng chừng. Hai đứa nhỏ con anh đang tuổi sẵn chữ bắt tương lai khiến những khoản tiền dành dụm bốc hơi quá nhanh, trước khi cho chúng nghĩ ra nên làm chủ tiệm gì trong cái xóm thanh cảnh này.

“Làm gì thì cũng phải làm chủ”, anh nói vậy. Nhưng trong khu dân cư mà hàng loạt ngôi nhà được xây sẵn đầu chẵn chẵn, giống nhau đến hàng rào, màu sơn, ghế đá, nhân bản luôn cả cây ngọc lan trồng dọc vỉa hè, tuyệt không phải là nơi chốn để bán mua. Ở đó chỉ có thể tán gẫu, tập dưỡng sinh, xem truyền hình chờ cơm chín và nhấm nháp những khoản tích cóp được cho đến khi nhận ra ta đang găm vào da thịt mình.

Và một kẻ trong số đó, trong buổi chiều cúp điện, khói đám cháy vô sống tận nóc nhà, đúng lúc cảm thấy không thể hít thở nổi nữa rồi thì gã chõng đòi tiền đi mua khói. Chẳng để no, không nuốt được, miệng rít một hơi, rồi phà ra đằng mũi. Phù phiếm khỏi nói.

Lơ mơ nghĩ làm anh dụi đi tức giận, nhưng tự mình lạc mất bà già. Khói không thừa đi chút nào. Anh nhận ra mình vừa ngang qua nhà, và cổng thì không đóng. Nó vẫn mở toang vậy, như lúc anh trút giận lên nó, điên tiết bỏ đi. Để xác nhận bọn trộm cắp không nhân cơ hội lên vào, anh bước vô

trong, ngang qua cửa buồng, nghe có rấm rứt bên kia vách. Vợ khóc. Cô ta cũng khóc sao? Người đàn ông kinh ngạc. Anh chưa từng thấy chị khóc, kể cả vài lần anh nổi nóng hạ cẳng tay. Chị chỉ im lặng. Thử im lặng đỉnh tai nhưc óc như lau sậy bên kia kinh đào, khiến người ta đau đầu, bởi không hiểu thấu thứ ngôn ngữ ẩn náu đằng sau nó.

Con nít khóc thì anh có dỗ r ồi, nhưng người lớn thì thua, anh không biết làm chuyện đó. Ch ần chừ bên cửa, anh đằng hắng. Tức thì kẻ trong buồng nức lên. Cả thằng khùng nghe âm thanh đó cũng r ữ riệt hết biết làm gì. Thấy cả người cứ như thừa ra, anh quờ quạng kiếm cái ly uống nước.

Khoảnh khắc đó anh nhận ra mình đã vô nh ần nhà. Và người đang tức tưởi bên kia cánh cửa không phải vợ anh. Nhưng là ai trong những người đàn bà anh từng thoáng thấy, đã kịp làm quen hoặc chưa. Anh cố phân biệt đây là căn nào trong xóm, nhưng mắt anh cũng như phôi, đục ng ầu thứ khói lau sậy gửi qua.

Hóa ra dưới mỗi mái nhà đều có những rấm rứt riêng. Ý nghĩ đó làm anh nhẹ người, khi lần dò trở ra, cố không gây thêm tiếng động nào. Chẳng phải anh sợ bị bắt gặp quả tang đang xâm nhập bất hợp pháp, chỉ là không muốn khêu tiếng khóc kia thêm cao ngọn.

Đám cháy bắt đầu tàn, chùng như lau sậy chẳng còn gì để cháy nữa. Khói vẫn một cách chậm rãi, xám đục giảm sắc độ dần, trả lại những hình khối của cây, mái nhà, cửa sổ. Nhưng người ta biết không phải tất cả đã ch ấm hết, bên dưới lớp đất nóng rực tro than, mà những bộ rễ vẫn tươi nguyên, thử im lặng xa xôi vẫn khua vang sẵn sàng đâm ch ồi mới ngay khi cơn mưa đầu mùa tới.

Ngoài đường khói đang rút cạn dần, mang theo mới cay đắng mà mới khi nãy thôi còn nặng trong ngực anh. Đứng hít hà một hơi, anh nghĩ giờ trong nhà chắc đây những tàn đóm đã nguội như chưa từng đổ lửa. Và vợ anh có thể đang ng ồi khóc, dĩ nhiên không phải kiểu nức nở thường tình của hầu hết đàn bà. Chị khóc bằng cái vẻ lặng im vang động của mình.

Khách

Có vài cuộc gọi về nhà kết thúc sớm hơn, mẹ có khách. Tụi nhỏ không phiền vì ngưng chuyện giữa chừng, lại mừng. Nghĩ khách tới chơi nghĩa là đời sống của mẹ ở quê không đến nỗi quạnh hiu, vắng con nhưng mẹ vẫn có nhiều niềm vui khác. Ý nghĩ đó làm cho những đứa nhỏ xa nhà thấy nhẹ lòng, giờ này mình thì tiệt tưng vầy, còn mẹ chỉ mình ên.

Hồi tụi nó còn ở nhà, mẹ cũng nhiều khách tới thăm. Một mình gánh ba con, nhưng người đàn bà góa chững chảng cách nào làm cho duyên dáng sống sánh trong đi đứng, nói cười. Khí chất đã vậy, mặt nám tay chai cũng không ngăn nổi đàn ông theo đuổi. Có ông thầy giáo hay ghé nhà, nhẹ tựa mưa. Trông tránh ngẩng bên thềm ướt, nói chuyện ba khơi kiêu như Sáu ời, ngoài vườn măng chắt sắp mọc rẫy, mà không hiểu sao nước sông mấy bữa nay đục quá. Lại có ông thợ rèn, tóc tai bốc khói như đá trời vừa ngàn ngụt đi qua khí quyển trái đất. Không nói, chỉ nhìn, cái nhìn như hóa lỏng người đàn bà mà ông thần yêu. Một ông khác thì xộc vào tận bếp, thay bóng đèn, đóng lại bản lề cánh cửa. Ông này thẳng đuột, bảo Sáu ưng tôi đi, còn trẻ ở không chi cho phí. Lại có ông chống nạnh đứng ngoài sân, nói tụi mình bạn bè từ hồi ở trường tắm mưa, tánh nết đã thuộc lòng, Sáu mà đi thêm bước nữa thì lấy tui cho đỡ mất công tìm hiểu.

Mẹ được nhiều người mê, tụi nhỏ cũng hưởng lợi. Khách hay mang bánh kẹo, không thì cũng mấy trái mận, trái xoài. Ăn của người ta mà không giúp cũng kỳ, nhưng tụi nhỏ cứ khen ông nào hay thì mẹ cũng gạt đi, mùa này xơ ri chín rộ phải hái cho kịp, mương vườn cận phời đáy phải đào, đậu rặng đâm ngọn phải làm giàn cho chúng, nói chung là lu bu lắm, đầu rảnh. Lần hồi, cho đến bữa đứa con nhỏ nhất đón xe đò khăn gói xa nhà, mẹ vẫn một mình. Nhìn vào kiếng chiếu hậu, là mẹ đứng sau đám bụi, chấm áo tím trên nền xanh gòn gợn.

May mà mẹ vẫn có khách tới chơi, tụi nhỏ hài lòng. Những người sót

bớt nổi cô độc của mẹ, chắc là mấy thím bên xóm hay để lại dấu răng trên những câu chuyện dông dài ai đó chữa hoang ai đó bỏ vợ theo trai, ai đó vừa sinh bảy. Họ hàng từ xa xôi cũng đổ lại, ng ồi kiểm đếm coi chế ba chú bảy ai mất ai còn. Mà biết đâu, mẹ vẫn còn nhi ều ông mê lắm.

Một bữa tụi nhỏ về, chứng kiến mẹ đứng không ớ lên r ồi te te đi mở cổng. Khách của mẹ là ba con vịt xiêm, bộ điệu khệnh khạng xem chừng ghé chơi thường lắm. Ăn xong mớ đầu tép mẹ dành cho, bọn nó lại hể hả ngoáy đuôi ra về.

Khách của mẹ còn có con mèo mướp, thường xuất hiện bất ngờ với cái bụng chữa, r ồi một bữa biến mất chẳng rõ đi đâu. Lá khô thì táo bạo hơn, xộc vào đến tận góc buồng ngủ, chỗ mấy con dế thường đến gáy. Và mưa đêm, luôn để lại những dấu chân trong suốt ngoài thềm.

Những người bạn láng gi ềng của mẹ lớp bán nhà dời đi chỗ khác, lớp nằm đau. Xóm ngoại ô chóng mặt với những hàng quán mọc lên, những giọng nói vùng miền xa lạ khác. Người thì đông hơn, nhưng không hẳn vui hơn. Tiếng cổng đóng r ền rĩ vào mỗi sáng. Nhà mẹ vắng dần tiếng người và mặt cười.

Hỏi sao không thấy mấy ông mê mẹ, bà nhẩm đếm hao hụt hơn một nửa r ồi. Ông thì đột quy, ông thì ôm trong bụng khối u (phải ôm một khối tình, cũng đ ỡ). Còn mỗi ông thợ rèn mạnh giỏi, vừa r ồi có ghé nhà, vẫn bốc khói như rớt xuống từ trời. Gặp mẹ, ông hỏi cô Sáu có nhà không, nói một h ồi mới tin người muốn tìm đang ở trước mặt. Từ bữa tới giờ không thấy quay lại nữa, chắc đang tiếc đôi cánh đã cháy rụi trong lúc bay đi gặp người xưa. Cánh không còn để trở về trời, mà chỉ gặp mỗi một bà già teo héo.

Vừa kể mẹ vừa đi rửa mấy cái ly đầy bụi, rót nước râu bắp bùng cho tụi nhỏ. Ph ối của những đứa con như cứng lại, thấy khó thở với cái cách mẹ đặt ly xuống bàn, xua tụi nó uống đi nước mát lắm, cách mẹ vừa lau mặt bàn vừa phân tr ần như một thói quen, có một mình nên nhà cửa cứ tèm lem, bỏ qua ghen.

Tội nó, giờ làm khách của mẹ mình.

Khăn Trắng Cho Cây

Vào buổi sáng đưa bà nội ra nằm giữa đống khơi, ai đó sức nhớ đã quên đeo tang cho Hậu, Hớn, Đường, Khuyên.

Bốn dải khăn trắng được xé thêm, nhưng không dành cho lũ cháu chắt đi bằng hai chân như người ta tưởng, mà để buộc vào mấy cái cây ngoài vườn. Xóm giềng chung hững, hỏi sao lại đặt tên cây y như người vậy?

Những đứa trẻ trong nhà đã từng hỏi một câu giống hệt. Sao vú sữa thì tên Khuyên còn Đường là một cây cau già nằm lẻ trên liếp giữa, sao cây me Hớn lại phải gọi cây mù u Hậu đứng ở miệng đĩa bằng anh. Bà nội mơ màng ờ thì thằng Hậu sinh ra trước...

Đó là tên của những đứa trẻ yếu mệnh từng nằm khoanh trong lòng bà nội, từng đập méo cả vách bụng, làm bà ốm nghén thèm ăn cả lá dứa vách. Có trẻ đẻ non, có trẻ chỉ vài ba ngày, hoặc non tháng tuổi. Cuống rún chưa khô, thịt da còn oi mùi than củi, chúng ra đi khi bà nội còn chưa biết mất đứa nhỏ hai mí hay chỉ là mí lót, giống bà. Ở cái xóm nhỏ bên sông Bến Lá cách thị xã nửa ngày chèo xuồng, người ta qua đầu ốm chỉ bằng đánh gió, lá thuốc hái ngoài vườn, cao đơn hoàn tán của mấy gánh sơn đông, thầy chà ban hay nhà nào khá giả hơn thì kêu cửa thầy thuốc bắc, sinh mệnh những đứa trẻ gần như mặc cho trời định. Không khu vườn nào trong xóm Nhơn Thành lại chẳng có ít nhất một nắm đất gói trẻ sơ sinh.

Giống như những người đàn bà quê khác, bà nội sinh con đàn đống vì không biết sẽ hao hớt bao nhiêu đứa trong bầu. Cuộc chia tay thường báo hiệu bằng mụn rộp mọc đầy trong miệng trẻ, bằng làn da sơ sinh ửng dầy ban đỏ, bằng tiếng khóc ngằn ngặt không cách nào dỗ nín. Rồi một bữa bà mẹ tiễn đứa trẻ ra vườn, gói nó lại trong vòng tay cò.

Không biết buổi tối đó bà nội khóc nhiều không khi bầu sữa chảy tràn căng nhức, khi nằm một mình trên chiếc giường ấm sức lửa than, khi dạ con vẫn còn co thắt âm ỉ. Bà nội không kể nỗi đau đón mất con của mình,

tuồng như mùa màng, con cái và việc nấu nướng giặt giũ đã cuốn bà đi khỏi cái gò đất còn tươi. Nên bà không tỏ ra buồn rầu mỗi khi ai đó hỏi về năm đất sau vườn, “Ờ mà con nhỏ Khuyên đó có ngộ gái không?”.

“Con nhỏ trắng như bông bưởi, h ỏi căn b ầu nó tôi toàn uống nước dừa xiêm thay cơm”, bà nội nhoe cười, mặt mũi tươi giống hệt như người bên xóm khen thằng Lẽ con bà học giỏi nhất trường. “Tên con nhỏ cũng đẹp nữa, nguyên xóm này không ai có”.

Từng theo học giáo làng, quen biết một ít chữ, bà nội rất chăm chút tên cho con cái. Những cái tên không kêu vang như của đào kép cải lương, cũng không quá tầm thường. Lẽ, Hậu, Tím, Liếng, Khuyên, tên mát như nước sông và giống đất, rất hiền. Nên bà không tin vào tình thương của những bậc cha mẹ nào trong xóm tùy tiện gọi con là Tí Tèo, Mun, Mực, kể cả khi nhìn thấy họ d ần mưa bắt ếch b ể bỏ cho đám nhỏ còi xương.

Mỗi mùa mưa trút xuống xóm Nhơn Thành, mấy năm đất thấp d ần đến không còn dấu vết, chìm lìm dưới lá cây và cỏ, chan bằng với mặt vườn. Lòng người cũng không còn chút ký ức nào về những đứa trẻ từng đi phốt qua cuộc đời. Chẳng còn ai nhắc tới tụi Hậu Hớn, nên bà nội mấy khi được kể bàn chân thằng Đường rất dài, còn rún con Khuyên thì phải rắc tiêu vô mới chịu khô.

Đến ông nội còn không nhớ những đứa trẻ từng ngo ngoe trong căn buồng ở cũ tối om, nên có bữa định đào trùn làm m ồi cá ngay chỗ từng vui thằng Đường. May mà bà nội kịp kêu trời, tránh xa thằng nhỏ ra. Đứa trẻ sinh non ấy ông nội còn chưa được b ồng l ần nào. Nhưng bà nội thường nói Đường khôn nhưt đám con mình, h ỏi còn là bào thai nó luôn ngưng gò khi nghe kêu “đau m ả”.

Nghĩ, trước sau gì năm đất cũng bị người ta quên tuốt, bà nội đem tr ồng cây lên chúng, sau khi chắc chắn là tụi nhỏ đã tiêu hết thịt xương, thành bụi thành nước.

Chú Quý hay gân cổ cãi, “anh con không phải cây me”, khi bà nội sai ra anh Hớn hái ít trái vô nấu canh chua. Bà nội dứt thêm mấy cây củi vô lò,

nói “oằn nhánh thấp mà bẻ, đừng trèo lên anh mầy khéo té”. Chú vẫn cầm cấn, cây me sao làm anh con được. “Mà mùa này anh mầy coi bộ sai trái, mới đây thôi mà cao bộn rồ”, nội lại mớ màng, để mặc cái xoong nước sắp sôi nghiêng phè trên miệng bếp.

Có chút gì bất chấp, bà nội dấn khiến cho người nhà quen với chuyện gọi cây bằng cái tên của đứa trẻ yếu mệnh nào đó, dù không dấu vết nào cho thấy chúng từng tồn tại trên đời. Lần nào thấy cha tè vô gốc mù u, bà kêu “chắc anh Hậu này nín thở”. Cứ vài ba tháng bà nội lại quét vôi gốc vú sữa một lần, “cho con Khuyên khỏi bị sâu đục thân”. Có lần ông nội lấy gang tay đo cây mù u, nói cỡ này cửa làm thớt là hết sảy. “Ông tính bằm thịt trên mặt thằng con mình?”, bà nội hỏi, tỉnh bơ.

Một tuần sau cái buổi sáng nắm cỏ ngoài đồng chính thức mang tên của bà nội, “thằng Đường” gãy ngọn trong một cơn dông nhỏ, còn “con Khuyên” đổ lá sạch cành. Trên thân cây trắng một dải khăn.

Không Mùa

Tháng sáu, những bà mẹ đổi chỗ đợi con từ cổng trường sang nhà riêng giáo viên dạy hè. Trên đầu bông điệp tây đang nở rộ, như bầy bướm mê sáng từ đâu về đậu rợp. Biết là mùa của mình, bông tha hồ cháy.

Nhờ mưa và điệp tây thay áo, những bà mẹ bốn ba còn chút ý thức về thời gian. Bởi cuộc đón đưa con chẳng khác chi quăng túi nhỏ còn trong học kỳ, lịch trình dày mịt. Nghỉ hè, với học trò thành phố, là dời chỗ học. Chuyện đó bình thường đến nỗi chẳng còn ai bần chần hỏi kỳ nghỉ của túi nhỏ đã lạc đi đâu.

Và những bà mẹ vẫn ngày mấy lượt cấp con đi về, trong cái thời tiết khó đỡ, bên này còi đang nắng, qua sông mưa phủ đầu. Nhưng tới chừng đám nhỏ lớn khôn, mẹ khỏi phải đón đưa chắc gì đã sượng. Ngoài kia đầy bất trắc, nứu cổng nhà ngóng con có khi còn cực lòng hơn.

Nghe những bà mẹ này đưa chuyện, mới thấy sống là bươn bả không cách nào ngừng. Ngày này riu vào ngày kia, thành một chuỗi bất tận. Không bận tay chân thì bận tâm. Không mùa, đời người dằng dặc không rào vách. Thời gian của người được tính bằng những sự kiện kiểu như sinh con, cất nhà, chuyển cơ quan, nghỉ hưu.

Một bà mẹ sức nhớ mình từng có mùa, hời con nít. Mỗi năm được chơi đã đời ba tháng. Hết hè rồi vẫn còn ngây ngất, gặp chữ mà bụng vẫn còn để ở dế, diều, bắt ốc, tắm ao. Tụi bạn dân chợ sống bên kia cầu Phán Tề cũng mang theo mới vô khoe, độ coi ai đen hơn. Đứa đen nhất là đứa cực ngầu.

Đó là khoảng thời gian thật sự khác biệt, độc lập với những ngày còn lại trong năm. Giống như quăng gấu ngủ đông, bàng thay lá, chim di trú. Bây giờ ngó lại, thấy mùa như cuộc tái sinh. Sang mùa là mình lại mới tinh, hào hứng như sống lần đầu.

Nhưng cũng không kéo dài mãi, mùa của học trò vô lo nghĩ nhiều lắm

năm bảy năm, là hết. Ngủ, khoảng thời gian buông bỏ ấy lại quá sức ít ỏi, không thể tính là mùa. Tết, người ta hay lấy đó làm mốc tính thời gian, gọi mùa cũng không phải.

Bà mẹ nọ nhiều bận trốn nhà đi chơi, tự tìm mùa cho mình, nhưng trốn xa tận chỗ nào đến giờ vẫn gọi về nhắc con dậy học bài, cẩn thận ngó chừng cửa nẻo, đồ ăn trong tủ lạnh nhớ hâm nóng trước khi ăn.

Tưởng chỉ đa mang thì người ta sống mới không mùa, nhưng ngó thầy Tuệ ở đằng chùa Huệ Nghiêm, cũng kinh kệ xuyên mưa nắng. Mấy anh ham chơi hay nhậu, lấy gì phân biệt cuộc say này với cuộc say kia?

Nhìn các mẹ ngỗ đời con tan học, ảo giác như thời gian chẳng nhúc nhích đi đâu. Bất chấp mưa tháng bảy hay nắng tháng ba nực nùng, mẹ Tâm tranh thủ thuê tranh chữ thập, mẹ Trúc lật mớ rau, mẹ Thọ bán đặc sản qua mạng nên nín điện thoại nói lảng lú. Lại có người đọc sách, không góp nói, chỉ góp cười, bần chần nghe lóm.

Có nhiều ước mơ, vì lý do nào đó mà mấy bà mẹ bỏ dở, giờ muốn con làm thay. Không thể học lơ mơ mà đủ cho hai người, nên mẹ đưa con tới các lớp học hè, quyết liệt như đi vào cuộc chiến không được bại.

Đứng thứ ba trong lớp cũng chưa được, sang năm phải cần chắc hạng nhất. Có mẹ nhà giàu, chẳng thiếu gì ngoài tự tin, nên con thi chữ đẹp toàn thành cũng làm chị sướng quá chừng. Một dạng mẹ khác, ít thôi, mang con đi học hè để nó có cơ hội nhìn mặt người, thay vì nhìn tivi.

Bà mẹ kéo cô giáo ra một góc, dặn cô cứ để em nó học cho vui, không cần áp lực gì đâu. Cô nhìn mẹ như người mới rớt từ trời xuống.

Chỉ thẳng nhóc đó, lúc tan học còn chút sức mỉm cười. Đám nhỏ kia mặt héo, kiếng cận trễ xuống mũi không thềm đẩy lên, ngáp ời ời. Xe máy nổ giòn, những bà mẹ mang bầu đằng lưng, mang con đi đến trường nhà cô giáo khác, hi vọng ở đó đứa nhỏ nhận được chút dưỡng chất trăn gian. Vẫn còn một môn học nữa mới tới giờ cơm trưa.

Những giáo viên dạy thể dục, giáo dục công dân hay những cô mẫu giáo, nhận lấy mùa hè trong man mác, cảm thấy ít nhiều thua thiệt, bất công khi

nhìn bao đ ồng nghiệp mình sống không mùa.

Mây Tĩnh Lẻ

Tĩnh lẻ hôm bạn quay lại mây vẫn dềnh dàng như nhiều năm trước. Đưa thằng con cùng theo về, nó phát hiện ngay khi vừa xuống bến xe, “chỗ này mây đông hơn ở nhà mình”. Sài Gòn ấy mà, ngửa mặt trật ót mới thấy mây, một vài nhúm mây tẻ lạnh, không dày như ở cái thành phố eo óc này. Như thể trời tĩnh lẻ là một bầu trời khác.

Khi những cao ốc vẫn chưa kịp mọc cất vụn bãi chẵn thả, vòm trời tĩnh lẻ còn đủ rộng cho mây lang thang. Hẹp lớp trong quán bờ kè, nhìn sông cũng thấy mây trong nước. Thằng nhỏ hau háu kéo ghế coi ông già chèo đò thả câu xuống mộ đấm mây, để mẹ nó ở lại thế giới người lớn mà nó quá biết là chán ớn.

Ngồi với nhau vẫn là những gương mặt cũ ề của cái lớp C ngày trước. Mạnh ai nấy nói. Thằng nhà báo ngồi cạnh bạn tóc tai râu ria rậm rạp than muốn bỏ việc. Bài báo nó viết hơn tháng trước kể lại thời con nít một anh hùng có chi tiết ông suốt ngày đi dài xóm ăn cắp khoai guộn lưng quần. Cấp trên bảo không được, bắt giải trình kiểm điểm, thằng nhà báo kêu vừa mệt vừa tức, muốn bỏ về quê gác cu nuôi cá, bởi chuyện đó đâu có làm ông bắn tàu bót giỏi đi. Kiểm đếm lại vài vụ nữa, mới biết những rắc rối chữ nghĩa này tĩnh lẻ có hoài. Năm ngoái có bài báo viết về một anh hùng ra pháp trường vẫn ung dung hút thuốc, ăn bánh của kẻ thù, bị rầy “diễn tả vậy thì hóa ra ông ấy mất khí tiết”. Năm kia có truyện ngắn viết Lê Lợi chọc gái ngay trên đường đánh giặc, tác giả cũng phải phân trần mãi mới xong.

Sáng đi ngang chỗ quán cà phê mấy ông già lẩm cẩm nhưng mà chướng (gọi tắt là cầm chướng) ngồi đọc báo, trong bụng lo không biết chút nữa ông đi méc cấp trên gì đây, thằng nhà báo rên, rồi nói, “Thương ở Sài Gòn thể nào cũng dễ thở hơn tụi này”. Dù khói bụi, dù chật chội, dù kẹt xe, nước ngập, nhưng trong đầu đây ắp những khoảng trống để ý tưởng chạy

chơi mà không bị giam trong những cọc rào nhọn hoắc.

Tỉnh lẻ lành hiên, nhưng đi chung với hút hiu là cái nếp nghĩ nguyên thủy. Tuần trước có đám cưới của cô dâu tám mươi hai tuổi cùng chú rể vừa qua sáu mươi ba, cả thành phố nhốn nháo rủ nhau chạy tới coi chặt rạp. Những tấm ảnh, đoạn phim ngắn sau đó được chuyển đi cho bất cứ ai cũng được nhìn ngắm cảnh cặp đôi móm mém cười dưới cơn mưa kim tuyến. Những bình luận cứ rơi ào ào như mưa tháng bảy, hạt nặng hạt nhẹ, nhưng hạt nào cũng xiên xéo về chỗ cặp đôi “hút gió không kêu mà còn rình rang đám cưới”. Dù yêu và cưới cũng là một nhu cầu nhỏ mọn, bình thường. Đứng trước áo cưới, phụ nữ chín mươi hay mười chín thì cũng có quyên xúc động như nhau.

Mọi người lại quay về phía người từ Sài Gòn về, làm thêm một so sánh nhỏ, “Sài Gòn họ không hơi đâu mà ngó chòng chọc vào đời nhau vậy, đúng không?”. Bạn nghĩ vì Sài Gòn đông, Sài Gòn va chạm rất nhiều nên văn hóa khác nhau, chứng kiến đủ mọi thứ trái khoáy trên đời để nhận ra, chẳng chi là quan trọng. Riêng tỉnh lẻ cứ nằm bên rìa dòng chảy, những gì mới mẻ chắc chệch đường sá xa xôi, không thêm tới.

Nên nhỏ luật sư mới bỏ dở cuộc họp lớp để đưa con đi luyện viết chữ đẹp cho cuộc thi cấp thành phố. Cuộc thi mà nó kỳ vọng con mình phải ẵm giải nhất, để lấy suất đi thi cấp tỉnh. “Đẹp thì có cần chữ ra ăn được đâu”, một người bức bối vì nhỏ kia bỏ lại cái ghế trống trơn, “giờ ở thời nào rồi?”. Thằng nói câu đó hơn chục năm nay đóng vai công chức quèn, mãi không được đề bạt lên sếp, vì chú bác bên nội là người theo trào cũ vai áo gấn hoa mai.

Tỉnh lẻ vẫn còn nhiều mây như hôm bạn ra đi, với bào thai trong bụng. Cô phát thanh viên làm mẹ đơn thân phải làm nhiều cuộc giải trình, về lối sống không lành mạnh. Buổi dẫn chương trình ở lễ thành lập quân đội, giờ chót bạn bị thay, lý do cũng không cần úp mở, “Cái chữa hoang lùm lùm rồi, tư cách đâu mà đứng ở nơi long trọng”.

Vẫn khệnh khạng, nhớn nhơ những đám mây mà bạn cảm giác quen

thuộc như đây vẫn mây h ồi trước, như là chúng chưa từng tan chưa từng hợp lại. Nhìn thì tưởng như vô hại, nhưng đôi khi cũng làm nên giông bão, và che mất mặt trời.

Quà Không Đợi

Cả thời gian, khi đi qua căn buồng mười một mét vuông này, cũng bình.

Nó trì trệ đến có cảm giác không dịch chuyển. Ngày rất dài như đang đông cứng.

Buồng bệnh của những người già đêm ngắn đến thoảng qua. Hết bà già này sành soạn tư trang tới ông già kia lê dép. Hai giờ sáng, những rì rầm đã khơi một ngày dài quá dài lên. Cùng chịu cảnh bị xác thân phản bội, thần chết rượt đuổi, nên người trong buồng dễ chia sẻ đời nhau. Góc gác giạt trôi thuở nào, bõ bịch thời trẻ ra sao, có bao nhiêu sẹo vết trong người, mấy phen trốn nợ, hay giấu tiền ở đâu. Mã số kết sắt ở nhà phức tạp quá, phải dễ nhớ là vui miệng nói luôn.

Bà già chuyển từ phòng cấp cứu sang buổi tối, sáng ra gia cảnh bà người cùng phòng thuộc lâu. Khoe có tới mười một đứa con, thằng dở nhất làm bà lo rầu nhất làm công nhân xưởng may xuất khẩu. Nó ham chơi không chịu học, chớ anh chị nó không tiến sĩ thì cũng chuyên gia. Giữa hai lần trái tim lên cơn, bà già kể mãi tên từng đứa cháu chắt trong nhà, như một cách bà chống lại chứng mất trí nhớ bắt đầu giăng sương mù lên não.

Hôm qua bà đi siêu âm tim, lúc về lạc sang khoa khác tận tòa nhà bên kia, báo hại chị nuôi mượn chạy tìm vắt giò lên cổ. “Nuôi mấy cas lẫn này ngủ trưa cũng không yên”, chị càu nhàu khi kê ghế bố sát cửa ra vào, nói “bà mà đi lạc phải bước qua xác tui”. Chị này nuôi bệnh chuyên nghiệp, đến mức gần tới giờ thăm là chị bắc ghế rề lại xoa bóp, giặt khăn lau mặt mũi cho thân chủ mình, bảo đảm người nhà ngó thấy sẽ nghĩ món tiền công được dùng xứng đáng.

Giờ thăm bệnh, chẳng riêng chị nuôi mượn lột vỏ, mấy bà già cũng bừng tỉnh theo tiếng giày dép qua dãy hành lang, tiếng khua cửa cà mên com, tiếng nói cười thăm hỏi. Cửa buồng mở toang, bà già nằm ngó ra cửa, trông ai đó trong đám con đàn cháu đống của mình sẽ ghé qua thăm,

để hơn hở khoe với bạn giường bên, “đây con nhỏ này lên truyề hình hoải, tui kể r ồi đó, con nhỏ mới bốn tuổi đã biết đọc báo lâu lâu đó”.

Chị con gái đó chỉ tới một lần, thanh toán tiề cho người nuôi mướn. Tuần sau là một người khác, cũng ng ồi gá bên mép giường bà chừng mười phút đã ra về. Bạn cùng buồng sinh nghi bà đặt chuyện thôi, vì đếm tới lui chỉ vài ba người ghé lại. Nhưng gia cảnh bà, qua cái miệng đã tóp khô, sinh động như thật. Tính tình, dáng vóc của đám người kia ngày nào cũng được bà già tái hiện ra dưới ánh đèn bạc nhợt. Trong cái cách thao thao khoe lắ con nhi ều cháu, có gì đó ráo riết, chừng như bà muốn nhét dùm ký ức kia vào lòng bạn cùng buồng, hờ nay mai lú lẫn đến vong thân, thì vẫn có ai đó nhớ tới những đứa trẻ giỏi giang của bà.

Nhưng nỗ lực ấy chừng như vô vọng. Chị nuôi bệnh mướn mãi cảm đầu vô coi hài kịch trên điện thoại, bà già nhỏ nhắn giường bên hỏi không khí “mấy giờ r ồi ?” r ồi lại hỏi “ai ăn cắp chai nước biể ?”, và ông già nằm băng ca thì không buồng góp chuyện cho vui.

H ồi ông mới nhập buồng, ai cũng nghĩ ông đây chắc được cưng chi ều. Ai đời đi nằm viện mà gối ôm, gối nằm, mùng m ền lủ khủ. Cộng thêm hai túi trống căng chậ, không khép miệng được, thò chân cái ghế mủ ra ngoài. Đem theo bên mình còn là những tràng ho mà cứ năm ba phút chúng nắ c ồng cộc ra khỏi vòm họng. Lúc đầu có một anh nhả nhận giúp ông lau mặt xúc dầu, nhưng nhìn mãi cũng không giống ông già chỗ nào ngoài cái chỗ là đàn ông. Ai đó khen con rể thiệt là chu đáo. Nhưng anh chỉ là tình nguyện viên chùa Huệ Giác bên sông. Bữa trước nhà chùa mở cổng ra thì đã thấy ông già ng ồi đó, ướt ngoi bởi mưa đêm, hơi nước của cơn áp thấp ngấm vào tận phổi ông, làm nên cơn sưng viêm cấp.

Ông già không nhớ gì hết, không nhớ tên gì con cháu ở đâu, sao nửa đêm mưa gió lại tới đó, làm cách nào ông di chuyển trong khi xe lăn vẫn xếp càng nằm tuốt gốc cây vỉa hè. “Tui mất trí nhớ”, ông nói, có vẻ không thật lòng. Bởi lúc bác sỹ thăm khám, ông kể vanh vách từng viêm phổi bao nhiêu đợt, tháng chín năm hai ngàn lẻ mấy phải uống thuốc lao theo phác

đồ, thường phải ngủ ng ời vào những ngày gió Bắc. Ông nói một năm có tới mấy lần ph ởi mình như bị đồ xi măng. Nhưng ông không nhớ tên mình, kẻ đã chở mình tới cổng chùa rồi bỏ mặc thân xác già nua ấy chìm l ển dưới cơn mưa. Hoặc là nhiều cơn, bởi không ai biết ông già ở đó từ nửa đêm hay gần sáng, mà cả người tím dại đi.

Số phận xếp kẻ (tự nhận) không nhớ gì hết chung bu ồng với kẻ nhớ đủ thứ trên đời, cả tấm tã của đứa con đầu lòng vá lại cho đứa thứ hai, cả trận đ ẻ trong h ầm, và những cuống nhau chôn dưới cây khế nơi vườn cũ. Giữa người nhớ kẻ quên là một bà già lúc nào cũng hỏi, “mấy giờ rồi?”, nhỏ cháu bà đắm mình trong cuốn truyện ngôn tình. Chị nuôi mướn miệng nhai tóp tép món gì đó, vừa g ắt người bệnh uống nước chỉ cho cố rồi đòi đi tè, đã ngay lập tức đã cười ré lên với một trò hề trong điện thoại. Thời gian đi qua căn bu ồng cũng bình. M ớ lá trường xuân trên một chậu cây trang trí nơi g ờ cửa sổ đã xanh hàng nhiều năm nay, và chắc chục năm nữa lá kia mới rụng. Cả khi lìa cành, vẫn xanh. Chúng là cây nhựa.

Trong căn bu ồng mà mọi thứ đều tê cứng, mỗi m ột, bà già nhiều con vẫn kể mãi đứa trẻ bà đã cõng qua mấy công đất cày tới trạm xá lúc nó bị r ắn cắn, cặp sanh đôi ng ời hai đầu gánh b ận tản cư. “Tui sắp l ẫn tới nơi rồi, bác sỹ làm gì đi chứ, để vậy sao được”, bà luôn nói câu đó mỗi buổi thầy thuốc ghé thăm, như thể là mu ợn phi ền duy nhất, không phải là trái tim bị lỗi nhịp đập bất thường, cũng không phải là hai khớp gối đau nhức kinh niên. Thấy rõ là bà không m ặn mà gì với món quà ông trời ban: sự quên lãng.

Mùa Bạc Sau Lưng

“K hông còn đâu, mùa thu ấy mà, giờ làm gì có”, anh xin nói.

Chắc nịch, giọng không mấy may nghi ngờ nào, như thể chính anh đã ở bên mùa thu khi nó rùng mình trút hơi thở cuối cùng, đã vuốt mắt, tần liệm nó, và rải nắm đất cuối cùng vào huyết mộ ròng một màu vàng úa.

Những tháng Mười, buổi xế tối hay ng ỡ ở quán nước nhỏ nép sát vỉa hè, ngang với cái khách sạn mang bộ mặt ngái ngủ. Mười năm r ỡ nó vẫn một vẻ đó, chừng như chẳng rục rở nào có thể đánh thức. Lần nào ra Bắc săn mùa thu tôi cũng tới đây thuê một căn phòng, để ngủ mơ và thức chờ vàng óng tới. Tôi tin một khách sạn mang vẻ ngoài kiêu kỳ với kính bọc quanh, hay một tòa nhà có ban công ch ồm ra giữa đôi cửa sổ tối màu đầy thẳng thốt, ở những nơi như vậy, chiêm bao nếu không tẻ nhạt một màu thì cũng đầy những cuộc bỏ rơi.

Ở khách sạn này thì mười đêm như một, mơ mà không nhớ đã mơ gì. Tôi than với bà cụ quán nước, bà nói vậy cũng tốt, nhớ nhiều nặng thân. Không chắc câu đó bà dành cho tôi, vì mắt bà hướng về anh xin dài dài đang ng ỡ meo bên vỉa hè ngó mãi bên kia đườnG. Để xác định được điểm nhìn cuối của anh, một thẩm mỹ viện nằm ngay bên cạnh khách sạn bu ồm ngủ. Choán hết nửa tấm pa nô phủ từ t ầng bốn xuống là chân dung bán thân một phụ nữ sở hữu những đườnG nét tinh xảo nhưng ngó một h ỡi phát chán. Hoàn hảo nào mà không tẻ nhạt đâu. Chỉ anh xin có thể ng ỡi ngấm ngày qua ngày, mặt thời gian trườnG tóc râu lên khối da thịt mọng rượu. Chỉ nhìn vậy thôi, chưa từng thấy anh bước sang đườnG, như thể khoảng cách ấy dùng cả đời anh cũng không đủ để vượt qua. Như thế lòng đườnG chảy tràn dườnG nham, nên đến thò thử một chân xuống cũng cháy tan da thịt. Chỉ ng ỡi nhìn, bất chấp mùa, kệ nắng mưa. Và qua bữa với những gì bà già quán nước dúi cho.

Ở xứ sở này, một người chỉ uống say, cả ngày ng ỡi ngây ra chẳng làm

gì cũng làm nên huy ền thoại. Người ta kể anh xin bị tình phụ, hận đến phát khùng, chẳng thể làm gì ngoài việc đổ rượu vào lòng chuốc say nỗi buồn đi, rồi ra ng ỡ ngẩn hình bóng cũ. Lại có người gạt đi bảo không phải, bởi có lần chủ thẩm mỹ viện, cũng là người trong bức hình quảng cáo, cảm thấy phi ền quá sức trước ánh nhìn dai dẳng ấy, đã lượn bộ vây chấp chới của mình bởi qua đườnG hỏi chú xin muốn gì ở chị, nhưng chỉ nhận được cái quắc mắt dữ tợn, “có tránh ra cho người ta nhìn không thì bảo”. Lại một ông phẩy tay nói sai bét hết, chỗ viện làm đẹp xưa là biệt thự của thằng đó, vì thua bài bạc mà mất trắng khiến người nhà phải ra đường, uất quá nên giờ h ền phách lơ ngơ.

Mỗi khi ai đó hỏi người đàn ông kia sao không làm công chức hoặc mở quán bia, mua vòng tay tặng b ồ và gây gỗ vợ, đưa đón con đi học hoặc la mắng chúng, huy ền thoại lại phun trào. Nhưng bà già nhỏ người, kẻ biết chính xác cơn có của tượng-người, thì chẳng bảo phải chẳng bảo không, lại tỏ ra phật lòng, “Thằng bé vui là được. Nó vô Hại mà, có làm phi ền ai đâu. Ng ỡ đó thôi thì tội gì”.

Chỉ bà chẳng đổi ánh nhìn khi tôi bảo mình tới đây sớm mùa thu, không kêu lên như ông cự công nhân c ầu đườnG hay ngậm tăm uống nước, “Quãng này trong Nam gió chướng lắm đây, thứ gió sáng khoái trời ời, gặp một lần mà nhớ mãi. Gió hay vậy mà bỏ ra đây chi?”.

Cái giọng bàng hoàng của ông làm tôi nghĩ mình vừa phụ rẫy chướng rồi, con gió mà tôi đã chán chê. Chỉ mùa thu xứ tôi không có, nên mới bỏ công đi mấy ngàn cây số tìm nó. May sẽ gặp một ngày nắng mật, một heo may hanh hao, không thì được vàng theo cơn lá cũng vui rồi. Bởi mùa thu là thứ đồng đánh đến hẹn cũng không thể gặp. Có tháng Mười oi ả như muốn bứt áo người ta ra. Lại có tháng Mười tôi vác ba lô ngập mình trong giông mưa tối trời đất. Tới và đi bất chợt, người ta ngủ trưa thu bỗng sáng tới cùng với thứ nắng pha lê, lúc bật dậy thì nó đã đi rồi. Cuộc săn nào mà được tấm mình trọn một vài ngày thu d ầm, coi như số đỏ. Không coi tôi như một kẻ viễn vông, bà già chỉ nói ừ, “không phải cứ tìm là sẽ

gặp”. Mắt bà vẫn nhìn về tấm lưng dài thượt của anh say.

Sau lưng huyềnh THOẠI là một huyềnh thoại khác. Người ta nói bà từ bỏ việc làm ở một cơ quan cấp bộ, ra vỉa hè bán quán chỉ để trông chừng thằng con dại. Chẳng bà mẹ tử tế nào lại muốn rời mắt khỏi con mình. Ai đó lại kêu chỉ đúng một nửa thôi, bà bỏ việc ở bộ giao thông thật, cuơ mang anh xỉn thật nhưng gã dở người đó chẳng phải ruột thịt gì với bà.

Chuyện về bà cụ nở ra trong một ngày tháng Mười n ững nực như đang giữa hè. Chỉ thiếu tiếng ve kêu nữa thôi, là đủ cho ảo giác thời gian đang giạt lùi. Chỗ bà già từng ngồi giờ chỉ là một khoảng vỉa hè ố vàng bọt trà, và mảng tường rào bằng với lưng người sáng bóng, nơi bà già từng tựa lưng đến tận tận còn thấm mồ hôi. Bà không ra dọn quán đã một tuần chẵn, gieo một dự cảm không lành. Bỏ anh xỉn ngồi một mình, là chuyện chưa từng có. Anh gầy rộc đi vì ăn không đủ bữa, nhưng vẫn ngồi nhìn bên kia đường mê dại. Hỏi anh bà cụ đâu rồi, ảNH ngoái lại ngơ ngác, “Ờ, đâu rồi?”. Rồi găm cái nhìn quay lại nơi quen thuộc, anh xỉn nói thêm, giọng vô cùng nghiêm túc, với hư không, “Không còn đâu, mùa thu ấy mà, giờ làm gì có”.

Ngó nắng bạc, tôi nghĩ biết đâu mùa thu đã từng hiện diện rồi lặng lẽ tàn, anh xỉn không nhận ra bởi vì chưa từng quay mặt lại. Những viễn vông không bao giờ biết sau lưng mình, ngay cạnh mình có những thứ đáng giá chừng nào. Ngay khoảnh khắc ấy, tôi tự hỏi những ngày mình bỏ nhà đi gặp mùa thu, thứ mình không thuộc về, tôi đã bỏ lỡ từng nào thứ.

Người Giữ Hơi Người



Thằng Sáu nói ông trời bắt chị Ba ở vậy cũng có lý của ông.

Phải chị lập gia đình, vùi mình vào bếp núc, chăm chút ông chồng cùng vài ba đứa nhóc, sức mấy mà tới giữ nhà giùm nó mỗi bận hàng nửa tháng trời.

Ông anh yếu mệnh thôi không kể, bày em chị tới bốn đứa, ai cũng có tờ riêng. Trọn mùa điệp tây ra bông đỏ nhánh, chị lần lượt đi giữ bốn cái nhà, cho gia chủ kéo nhau đi du lịch. Thời buổi trộm đạo nhờn nhợt, cửa khóa trái, có bóng người ẩn hiện qua rèm cũng đỡ lo. Tàn hè, sự nghiệp giữ nhà của chị vẫn chưa kết thúc, bởi có cặp trùng ngày tập huấn, đám trẻ ở lại cần được chăn, cho ăn khi tới bữa, một thằng em khác công du nước ngoài để lại cô vợ đang mang bầu cũng nên có người làm bạn hồ khi bất trắc.

Một kẻ trời bắt lẻ, để lấp vào chỗ trống khi cần, chị Ba thuộc lâu từng khâu chìa khóa nhà mấy đứa. Chậu rửa mặt nào bị nghẽn, máng trần bê tông thấm nước, trong tủ bếp có ổ chuột, chị nhớ hết chờ lúc em về bảo nó kêu thợ sửa. Chỉ ngón tay giập trong lúc đóng lại bản lề cánh cửa sát đỉnh là không nói. Và giầu biêt luôn vụ vấp thềm bếp vừa mới được nâng lên, mà chị chưa kịp làm quen.

Tha thân trong mấy cái tổ của đám em mình, chị biết trong kho nhà thằng Sáu có mấy tấm tôn trong khi chái sau bên con Năm bị dột, thằng Tư mập ra xếp cất cả đồng quần áo mới tinh, tụi còn lại mặc cũng vừa. Qua chị, tụi nó biết mình đang dư ra thứ nào đó mà trong anh em còn thiếu. Từ không còn là những đứa trẻ chung một mái nhà, bao mối quan hệ mới mở ra khiến tình anh em cũng lạt. Cuối tuần nhậu với sếp ích lợi cho việc kiếm cơm hơn là cùng anh em trong nhà. Bên mỗi người có thêm một người dung, mà tính nết nhiều khi vừa mặt không vừa lòng, nên tặng cho nhau một tấm vật giường, cái khăn trải bàn cũng buộc chặt lại thâm tình có nguy cơ lơi lỏng.

Phải ba má còn sống, chắc tụi nhỏ không như cơm nguội, bời rời. Chị

Ba thường nói với khói, mỗi chạng vạng đốt nhang cho ông bà già trên nóc tủ. Thằng Út nghe được, không còn đòi đốn mấy cây ăn trái trước sân để mở quán nhậu. Chị với vợ chồng nó mấy bận cãi nhau, cây không cho trái là bao, nhưng chị kêu cứ giữ, chặt chi. “Cần gì trái, lấy bóng mát nằm chơi cũng bánh, thấy chưa?”, chị đắc ý nói, ngó thằng Sáu vừa tạt qua để nguyên giày treo mình ngủ queo lòng vòng. Vừa nãy nhỏ cháu cũng đạp xe qua, hái xoài xanh lắc muối ớt ăn chơi.

Đôi bận chị Ba đi giữ nhà cho mấy đứa khác, cô em dâu út không vừa lòng. Chị vắng, một mình nó chặn con nít nheo nhóc. Một quá đêm quạu, nó nói mát “riết rồi chỉ quên mình đang ở nhà nào”. Chị nghe trẻ con kể lại, lần đầu tiên nghĩ tới một nơi chốn của riêng mình, thứ mà chị nào giờ chưa từng có. Những căn nhà mà chị thuộc màu sắc cặp bờ nhấc nỉ, đều là chỗ của người. Nào giờ nghĩ nơi có bàn thờ ba má là nhà, nhưng giờ chị không chắc lắm sau lần đứa em dẫn đổi.

Lay lắt, năm chị sáu mươi ba tuổi, mới có nhà của riêng mình. Thật sự riêng chị, ghi tên mỗi chị. Nhà cất lùi sau chỗ ba má nằm, trong nhị tỷ thành phố. Bữa sửa soạn gói chị vào mấy tấm ván quan, túi nhỏ tìm thấy trong tủ một mớ túi xách, áo đầm, guốc, cây dù, khăn choàng. Những thứ đó túi nó mua tặng chị Ba sau mỗi chuyến đi du lịch, như để trả công cho kẻ giúp chúng yên lòng đi ta bà thế giới, biết có xa bao lâu thì nhà mình cũng ấm hơi người, không tí bụi. Mớ đồ còn nguyên nhãn mác, chị thường lén lút gạ ai đó để cho, “Nào giờ chị luẩn quẩn ở nhà, có đi đâu đâu mà ăn diện”. Chuyến đi xa nhất thi đại học ở Sài Gòn, nhưng chị không quay lại dù đậu điểm cao. Quãng đó ba má đi ghe bán đường mía, ba khía tận miệt sông Tiền, chị chọn bỏ học giữ đám em nheo nhóc. Lúc nào chị cũng bận giữ gì đó. Hoặc chính những thứ đó giữ rịt chị, không buông.

Cho tới khi nhắm mắt, chị vẫn tiếc hoài chuyện mình không thể xé làm tư, giữ cùng lúc bốn cái tổ cho hết thầy bầy em cùng nhau đi biển một lần. Những chuyến đi kiêu ầy sẽ làm chúng tìm về ký ức thâm tình hồi nhỏ, thứ nhiều nguy cơ bị buông bỏ, và vách nhà may ra có một tấm hình đại gia

đình rặng rỗ kề vai.

Quán Nhỏ Mùa Đi

Cũng chẳng cần đến lúc cô con gái ông chủ quán cà phê mời cưới, ta mới sức nhớ ra thời gian là thứ giỏi giả đò. Ngoài mặt thì mơ màng, tỏ ra chậm rãi, thậm chí còn gây ảo giác đứng yên, nhưng cuồn cuộn dưới đáy. Một bữa nào đó, khi chất cà phê trong phin ra ly, có một nhánh bàng khô rơi lên vai, ta ngược lên nhìn cái cây họ trôm hỡi quán mới mở. Lúc đó cô con gái mới mười hai, cái cây ngang đầu người, giờ nó cao gấp bảy. Nghĩa là chừng ấy thời gian cái quán nước này chứng kiến ta lặn dề.

Vốn biết đời ngắn, mới khóc oe oe đây, chưa kịp làm chuyện gì coi được thì mắt mờ tay run, nhưng vẫn không rút bớt thời gian ng ỏi quán. Tuổi nhỏ quán kem, lớn chút quán cà phê, quán nhậu, cứ vậy, tới lúc nằm bẹp mới thôi thềm. Không phải là chưa từng chứng kiến cảnh một ông méo miệng, chân đi tập tễnh do di chứng của cơn tai biến mạch máu não mùa hai, được thằng con chở đến quán nước ng ỏi, mặc dù vợ ông nói uống nước ở nhà cho đỡ tốn, nhưng ông ch ờng vẫn đòi đi quán cho được. Một phần đòi ông được lưu giữ ở đó, bệnh gì thì cũng ráng ra thăm chừng, h ỏi nhớ, gặp mấy con nhỏ bán vé số thường ỉ eo anh Năm à, anh Năm ơi. Ăn mặc đẹp khó ngờ, mấy cô không thềm năn nỉ chi cho sứt mẻ lòng tự trọng, chỉ cần để xấp vé số lên đầu gối anh Năm, d ề đặt lên giữa đùi, r ồi xích d ề lên tới chừng nào anh chịu rút ti ề ra mua vì xúc động.

Những bà vợ cổ điển không bao giờ hiểu nổi sao ch ờng con họ chấp nhận ra quán uống những thứ cà phê giả đò, làm từ chất tạo mùi và bắp rang, mà không chịu uống cà phê nhà thơm ngon thứ thiệt. Nhưng người có thú ng ỏi quán nghĩ khác, ra quán đâu phải để uống như trâu khát nước lung. Ấy là không gian tự b ả, kể cả ta có ng ỏi một mình một bàn, thì tiếng muống va vào thành ly thủy tinh, tiếng cười nói chung quanh, tiếng kéo ghế dịch bàn cũng làm ta không đơn độc. Đi quán, là về nhà. Vậy nên có quán cũ ề, long lở nước sơn một bữa bỗng dựng s ả sang sáng loáng,

đánh mất luôn khách cũ. Họ không còn tìm thấy ở đó sự thân thuộc, như thằng nhỏ mất ngủ vì lạ nôi.

Mỗi cái quán là một hăng tin, với những thông tấn viên vô cùng nhiệt tình. Muốn thông tỏ xóm thì ng ỡ ngay cái quán đầu hẻm, ai đánh ghen ai vừa trúng số đề ai đang chữa trâu đi xin gạo... Ng ỡ chưa nóng ghế, trà đá còn chưa bùng ra, ta đã biết được thông tin mới nhứt của vụ cướp tiệm vàng, một đám cháy vừa diễn ra đâu đó. Có chuyện kể rằng những vua quan tốt muốn hiểu lòng dân, hãy vi hành quán cóc vỉa hè. Loại chuyện đó được phân loại là cổ tích, nghĩa là ngày xưa ngày xưa.

Và những cái quán cà phê máy lạnh kín bùng, không khí u tịch, những người khách chia sẻ thế giới của họ đi êm đềm hơn. Ở đó, họ dịch những cuốn sách kinh điển, viết những trang tiểu thuyết ăn khách, họ ký kết những hợp đồng bạc tỉ, hoặc vả họ chẳng làm gì, ng ỡ sau những làn kính sáng bóng, chụp hình khoe phây - bức cho sang, “sáng nay ng ỡ Paradis ngấm lá vàng rơi, họ pha capuchino bằng nước hơi nguội nên không ngon như mọi bữa”.

Cũng ngộ, người đâu mà đông vậy, ti ền đâu mà nhi ều vậy, quán mở là có khách. Cứ như giới chủ quán chơi đùa mê. Nhìn hàng quán, khó tin n ền kinh tế long đong. Nhưng thằng cháu chứng minh, vì lấy bằng cao học ba năm r ỡ chưa có việc làm, nên buổi tối nó chạy xe ôm cho đỡ ê mặt với người quen, ngày thì tr ần quán, bởi ở nhà sẽ điếc tai với bà già hay ca cẩm nuôi ăn học chi giờ cà nhỏng chống xâm lăng. Vậy là mọc rễ ngoài quán, đến nghĩ cũng chẳng thiết nghĩ gì, chỉ dõi nhìn người đời qua lại, để tự lừa mình họ trôi chứ ta không trôi, ta còn nhi ều thời gian lắm. Thằng cháu khám phá hết quán này đến quán khác, “lênh đên qua hàng quán tàn phai”, nói theo chữ của nhà thơ Nguyễn Bình Phương. Lại có những người chỉ đến đúng một quán, ng ỡ đúng bàn chỗ ấy, bữa nào kẹt quá phải ng ỡ góc khác, thấy bất an. Giữa các kiểu khách, có nhi ều bậc ba mẹ lấy quán làm chỗ chờ con tan chỗ học thêm này, chở qua chỗ khác. Buổi tối đến lượt những quán nhậu mở lòng ôm cả ni ền vui nổi bu ền của cư dân thành phố

vào, an ủi.

Coi lại thì chỉ tiệm sách là vắng, lảng vảng vài ba đứa nhỏ. Một người bán chữ sáu năm trước có viết một bài, ý nói nếu một phần ba người ng ỡ quán c ần cuốn sách, đời chị ta sẽ ngon lành. Giờ nhắc lại, chị ta cười, h ỡ ấy còn nông nổi, ng ỡ quán mà cấm đ ầu vô sách ai mà coi. Ng ỡ quán là đ ể nhìn mặt người.

Về xứ quê Mút Cà Tha cũng thấy quán đông. Từ nước mặn vào đ ồng, dân thừa mứa thời gian đ ể chơi. Nghe vợ thằng Sáu mec buổi sáng muốn gặp ổng (tức ch ồng của nó), thì ra quán Mười Tím. Mở mắt ra là ổng dột mắt, nhìu bữa còn không chờ đ ể lú xách tôm ghé vừa bán giùm. Trưa vừa tà tà về tới nhà thì bạn nhậu đi ngang ới, lại ra quán bê thui. Hỏi thăm cái quán nước chiếu phim kiếm hiệp H ồng Kông mà ta chép miệng thèm th ồng đi qua h ỡ còn con nít, nghe bảo chuyển thành quán nhậu ca c ờ r ỡ.

H ỡ nhỏ, theo má đi chợ, ngang qua mấy tiệm nước thấy vài ông đội nón nỉ ng ỡ bắt tréo chân, đưa nhỏ nhà quê ngưỡng mộ vô cùng. Ng ỡ quán là một đi ều chi đó sang trọng và xa vời, bởi cả thúng rau má bung s ệ hông, chỉ đáng giá hai tô mì thịt heo. Chỉ là đứa trẻ, nên nghĩ ng ỡ quán tức là có nhìu ti ền. Sau này, phát hiện ra những người hay la cà quán xá, cũng nghèo, được cái rảnh tay rảnh chân.

Bữa nọ ai đó băng quơ nói, tại tội mình ng ỡ quán mà đất nước let đ ệt dưới đáy, ngó quanh thấy chẳng bằng ai, bị láng gi ềng ỉ lớn con ăn hiếp. Vậy là gây tranh cãi. Ráo riết kiếm ti ền quá, chết cũng đ ầu có mang theo. Có làm, có chơi mới là biết sống, họ ng ỡ thi ền, mình ng ỡ quán, tâm h ồn khỏe như nhau. Vài ông lưỡng lự, thấy bên nào nói cũng có lý. Thuyết phục nhau mãi, thì đã tới trưa. Hẹn sáng mai ra quán cãi tiếp.

Lúc về có đoàn xe tang ngang qua, ngó t ắm ảnh dựng trên xe đ ầu r ồng thấy quen, hình như là chị trong nhóm đá c ầu hay ng ỡ quán này, mới hôm kia thôi còn nói cười rộn ràng. Mười năm chung quán, chẳng biết tên nhau. Không rõ nhà chị ở ngay trên đường này, hay người thân rành chỗ chị hay tới mỗi ngày, nên vòng qua cho người nằm kia từ giã quán l ần cuối?

Sợ Của Nước

Cùng với nhục hình, thứ chưa bao giờ cũ, họ đã vẽ nên một đêm trắng non tháng sáu khác, với nhân vật phản diện tên Chơn, đã ra tay cướp những thứ không phải của mình. Thằng nhỏ nghèo thân đơn thế cô, chẳng người thân làm chỗ dựa, nhưng không phải vì vậy mà chỉ sau một tuần giằng co, nó nhận tội cho r ồi.

Cũng không cần phải gặp thằng Chơn, cứ ghé bất cứ nhà nào trong xóm Cầu Đôi, đưa con nít cũng có thể đưa bạn về một đêm tháng sáu năm trước.

Trăng mười hai không sáng đến mức có thể nhận mặt nhau, nhưng đủ để Chơn nhìn thấy một người nằm bất động bên đường khi chạy xe ngang qua vườn mía. Trốn xe trôi qua một đoạn, nhưng thằng nhỏ vòng lại, nghĩ khuya khoắt mà nằm đó chắc gặp chuyện không hay.

Dù là thằng cha xỉn say thì nằm phoir sưng vậy cũng phải lay dậy, biểu về nhà. Nhưng người phụ nữ đang nằm sấp, chết ngất kia không say, cô bị cướp.

Một bên phổi giập và mấy giẻ sườn gãy, mạch nháy yếu ớt, cô gái được Chơn xốc đưa vô bệnh viện mà không chút đắn đo nào.

- Bởi vậy mà thằng Chơn bị bắt.

Chỉ là một cái xuống dòng trên văn bản, một cái dừng nghỉ lấy hơi của người kể chuyện, nhưng bạn cảm thấy như đang dạo trong siêu thị thì bị sụp ổ gà. Chới với trong vô lý. Lấy cảm giác ấy nhân lên ngàn lần thì ra tâm trạng của Chơn, khoảng tối đen ngòm nó rơi vào không chỉ cái hố, mà là vực thẳm.

Mấy ông phá án quả quyết thằng Chơn là thủ phạm, trên người nạn nhân đầy những dấu tay nó, chẳng phải thì ai vô đây. Không thì nó đâu có biến mất sau khi đưa cô gái tới bệnh viện, r ồi lên xe đò bỏ trốn, không thì nghèo quắt queo như nó sao có nhiều tiền trong người lúc bị chặn bắt ở dọc đường.

Những án oan, kiểu này kiểu khác, nhưng luôn được làm lên bởi một

cách: người c ần quy ền tự b ể công lý theo ý mình.

Cùng với nhục hình, thứ chưa bao giờ cũ, họ đã vẽ nên một đêm trăng non tháng sáu khác, với nhân vật phản diện tên Chơn, đã ra tay cướp những thứ không phải của mình. Thằng nhỏ nghèo thân đơn thế cô, chẳng người thân làm chỗ dựa, nhưng không phải vì vậy mà chỉ sau một tuần giằng co, nó nhận tội cho r ồi.

- Bởi tui nghĩ ông trời đui. H ồi còn sống má tui nói mình sống sao trời thấy hết, là nói xạo thôi.

Lòng tốt bị ngược đãi không phải bởi còng tay, bị đánh, mà còn vì cô gái mà Chơn ra tay cứu giúp đã không thềm nhìn nó mà xác nhận luôn đây là kẻ tấn công mình. Chỉ dân C ầu Đồi là không tin.

Thím chủ quán nước ngay bên c ầu nói ai chớ thằng Chơn thì không bao giờ là lưu manh hết, có l ần mướn nó sửa chu ồng gà, ngang qua chỗ má thím ngủ quên nằm co ro trong gió lạnh, nó kéo cái m ền đắp cho bà già.

Một ông nói mấy l ần đang chở nước đá xe lăn ra chết máy, thằng Chơn gặp cảnh bèn ghé vai vác cây nước đá cuốc bộ giao cho khách giúp ông.

Chị làm cỏ mướn nói ti ền mà thằng Chơn lận trong người là của chị chớ đâu, là chị nhờ nó ng ồi xe đồ lên biên giới mua giùm cặp bò, bòn mót mấy năm mới được bao nhiêu ti ền đó, chị thuộc lòng từng tờ giấy bạc, không tin thì chị kê ra bao nhiêu tờ mệnh giá nào cho coi.

Hết thầy dân xóm đ ầu bồm bẻm vài ba chữ, mù luật văn bản, nhưng luật trời thì ai nấy đ ầu chắc chắn, chỉ những kẻ có tội mới bị trừng phạt.

Bà con tìm cách nhấn với thằng nhỏ đang bị tạm giam chờ kêu án rằng thằng nhỏ Chơn ở xóm C ầu Đồi không bao giờ là kẻ cướp, còn gió nam còn gió chướng họ còn tin vào đi ều đó. Họ nói đang trông Chơn về dọn nhánh cây si, thông cái máng xối bị nghẹn nước, xây hàng rào, lật vật thôi mà không biết kêu ai.

Thằng nhỏ vốn buông xuôi mặc kệ r ồi, nghĩ rằng không có trời, nếu có thì ổng cũng đui, nhưng nhận được những lời nhấn từ thím Bảy chú Ba, nó đứng dậy.

Cuộc đòi tự do cho Chơn thì dài, cực nhọc với bao nhiêu thủ tục giấy tờ bao nhiêu lạnh nhạt và hứa hẹn lằng lữa. Bạn đừng bị ảo giác rằng chuyện rất dễ dàng bởi cách kể nhảy rào của ai đó, hay bản tin in trên trang báo, khi họ nói gọn một câu “Vậy rồi thằng nhỏ được thả về”.

Làm sai mà chịu nhận sai, con nít thì làm cái rột, nhưng kẻ nắm quyền lực trong tay quên mất hành vi cơ bản ấy lâu rồi, họ cần có thời gian học lại, hoặc giả bộ sao cho lời xin lỗi họ xuất phát từ đáy lòng.

Chuyện của Chơn, cũng không cần gặp nhân vật chính, bất cứ cư dân xóm Cầu Đôi nào cũng có thể đưa bạn về tháng trước, trong cái buổi người ta tổ chức buổi họp dân xin lỗi thằng nhỏ. Một ông bước ra tặng hoa nhưng thằng Chơn từ chối nhận, bởi vẫn còn giận. Hoa đẹp mấy cũng không làm nó quên được cái lạnh rợn của chiếc còng khi họ tra vào tay.

Chơn nói đường xa lắm, không tiện mang hoa về, “nhưng tiền thì được”. Lúc đó có kẻ bĩu môi như một cách bày tỏ, kiêu như à hóa ra cũng là nằm vạ đòi tiền.

Nhưng anh ta thu dọn đôi môi mọng bọt bìa khi nghe Chơn nói, nó cần chín trăm mười bảy ngàn để gửi lại cho bà con Cầu Đôi đã chi xài khi đi kêu oan cho nó - một thằng nhỏ ai muốn gì làm đó, đổi công lấy chén cơm, người không phải bà con quyến thuộc gì của họ. Chơn không đòi thêm gì cho mình, bởi như nó nói, “lúc bị nhốt tui cũng được cho ăn cơm, coi như huề”.

Chơn trở lại những ngày bận rộn tay chân, dân Cầu Đôi nhẹ lòng, “trời có mắt”. Mọi thứ trông có vẻ bình thường, như trước cái đêm trăng non tháng sáu, khi lòng tốt chưa bị thương. Chỉ khi bạn hỏi, nếu một bữa gặp một người bị nạn bên đường, Chơn có ra tay cứu nữa không?

Sau giây lát chần chừ là cái gạt đầu nhẹ đến khó nhận ra. Không riêng gì Chơn, dân Cầu Đôi ai cũng nói phải nghĩ coi nên cứu hay không. Thứ mất đi không cách nào tìm, chính là khoảnh khắc dẫn đo chừng như vô tận. Người ta vẫn tưởng chém vào nước thì không để lại sẹo. Chẳng nhìn thấy bằng mắt thường, nhưng chúng vẫn ở đó, rách bươm, còn lâu mới lành.

Kinh Đơn Mùa Chạp

“C”um từ 'đi Bình Dương' nghe đã không còn lạ, hễ sửa nhà nghe mấy anh thợ hễ nói suốt, kiểu như 'con vợ ăn xài quá, chắc mai một trốn đi Bình Dương', 'mưa dầm kiểu này, không làm được đi Bình Dương sớm'. Nghe nhẹ tênh như nhà giàu xưa nói chút đi Cấp chơi, nhà giàu nay bảo xiu nữa bay qua Paris mua sắm. Nhưng đi Bình Dương với mấy anh thợ, có nghĩa là vỡ nợ, là hết đường kiếm sống, bỏ đi làm công nhân cho những công xưởng nào đó, xứ người.

Đám thanh niên kinh Đơn rủ nhau đi hễ tháng Tư, khi tôm mất mùa năm thứ hai liên tiếp, ngay vừa lúc mấy tờ giấy tuyển mộ công nhân được dán ngay đầu cầi, nội dung thơ mộng như lời thề của tụi đang yêu, 'việc nhàn lương cao, bao ăn ở'. Mỗi đợt lác đác vài ba đứa quảy giỏ đi, rồi một bữa giật mình ngó lại chỉ thấy xóm còn lại người già chần trẻ nhỏ, cho ba má chúng rảnh tay đi làm kiếm tiền gửi về Ghen một nửa dân xóm kinh Đơn giờ tản lạc trong những làng công nhân, vài cuộc điện thoại về kể rằng hên gặp bạn cùng xóm, nhưng chẳng kịp nói gì vì đưa này vào đưa nợ ra ca.

(...)

Bạn kể hễ xưa có lần tới xóm ở hai ngày, cũng ngay mùa Chạp. Xóm vui lắm, cảm giác như đang ở trong một lễ hội tung bừng. Đàn ông tính chuyện tát đìa kiếm cá se khô, làm mắm, rọng trong lu một mớ để mấy ngày Tết nướng trui nhậu chơi. Mấy chị đổi cho nhau thứ nếp ngon nhất gói bánh tét, quết bánh phồng. Trong những câu chuyện bên sân lúa đang phơi, lúc gặp nhau dưới bến, luôn xoay quanh chủ đề cái hội lớn sắp tới, xào nếp cho bánh dẻo hay ngâm với nước tro, miếng mứt gừng làm sao trong vắt mà vẫn cay, cách nào giữ mắm ong non không bị chua nhanh, sắm quần áo cho tụi nhỏ ở đâu thì rẻ đẹp. Không khí cái lễ hội mà dân Việt gọi là Tết đó, tràn ra cả cây cỏ ngoài vườn. Không biết tới cuối Chạp mai có kịp trở bông không, buổi đã kịp ngọt chưa, buồng chuối nào chín cây để

làm nhưn bánh.

Bạn vẫn nhớ mùi sinh tươi, nắng Chạp vừa hong ráo mặt sau đợt xáng mướt nạo vết lòng kinh. Lúc ấy một chị đã cười, nào giờ mới nghe có người nói sinh thơm, chứ dân ở đây toàn nghĩ, sinh hôi rình.

Không biết có phải tại câu nói đó mà đất giận, mấy mùa nay đồng nước mặn chỉ rỗng nước mặn, chẳng có tôm cá bao nhiêu. Chạp đã vào sâu mà không khí mùa hội chẳng thấy đâu.

Món Tết đang bày ngoài sân, chỉ người chưa về Hoi một ông già đang trở chuối khô, chắc con cháu đông nên món Tết đây giàn phoir. Ông nhìn theo khói thuốc phà ra từ mũi mình, nói tui nó mấy Tết nay không về đủ, nghe đâu làm mấy ngày đó sẽ được trả lương gấp đôi gấp ba. Nhưng đầu Chạp thì vợ chồng ông chuẩn bị món này món nọ, tui nhỏ không về thì đóng thùng gởi xe đồ đi. Cách nào thì Tết cũng đến với những người xa, những người vì mưu sinh đã không còn thiết gì đến Tết."

Không Gỏi Được Sông



ề giỗ má chùng, đón bạn
luôn là nước ròng, suốt từ

đầu thị trấn đến gần sông Cái Lớn.

Nước hiện diện ở đó, trong những xóm làng cách sông tận vài cây số, ngay trong nhà chùng bạn, hiển nhiên như những đòn bánh tét treo sào, nải thị kho hột vịt sồi trên cái lò lửa được kê cao, như tiếng dao đầu trên mặt thớt. Nước, như một phần của đám giỗ.

Má chùng mất ngay rằm tháng Mười, nghe kể phải mượn vài chục bộ ván về kê trong rạp, mới có chỗ khô cho khách ngồi. Giàu hay nghèo không phân biệt, người nào tới viếng má cũng phải lột giày dép cùm tay, quần xắn cao, vì đường nào tới nhà cũng gặp nước lóng lánh tới gối. Di nguyện "bữa trước tử, bữa sau táng" của má không được thực hiện, bởi muốn đào huyệt phải chờ nước rút. Nghe nói hôm đưa má đi, đất bùn nhão làm mấy ông đạo tì bấm ngón chân dò từng bước ra vườn, tới nơi phải đứng chờ đám nhỏ bắt mấy con cá bống sao bị nước bỏ rơi trong huyệt.

Những câu chuyện đó được hồi nhớ trong đám giỗ, bằng thứ chất giọng không phải là không bình thản. Có thể vì thời gian đã mài cho nỗi đau chẳng còn sắc cạnh, cũng có thể người miệt sông chấp nhận cái chết là thứ gì đó rất tự nhiên, như trái rụng, hoa tàn. Chuyện một người nằm lại trong đất bùn nhão nhoét cũng bình thường với bất cứ ai lìa đời vào hai tháng trước Chạp, khi đỉnh triều cao nhất trong năm. Người ta có thể chọn dịp để say, yêu, cưới, và sinh đứa trẻ khác, nhưng mấy ai chọn được ngày từ giữa đời sống này theo cách tự nhiên.

Nên bên nhà chùng bạn không vì người thân nằm trong đất ướt mà thù nghịch với con nước tháng Mười. Cũng như trẻ con lội nước tới trường với bầy cá lìm kìm bơi quanh, đôi khi vì sợ sênh mà cặp sách bị ướt, nhưng tội nhỏ chưa bao giờ kể tội triều cường làm tuổi thơ mình cơ cực. Chút bất tiện mà nước ròng mang tới, dân miệt sông coi như được đền bù

bởi mùa nước cũng là mùa cá tôm trữu lưới. Không ai ở miệt sông này coi triêu cường là thứ thiên tai thiên họa, dù đôi khi vào giữa đêm, nước lên nhà làm trôi mất mấy cái nễ nhôm, hư vài món đồ điện, nói cho cùng chẳng phải lỗi do con nước. Biết tháng Mười triêu lên, không treo cao đồ đạc trước, trách ai?

Cái câu mấy chi miệt sông hay bảo nhau, "Sắp vô nước lớn tháng Mười rỗi đó nghe", chẳng ngần ý đe dọa gì đâu, chỉ là nhắc nhở cho những người bận rộn về kê mấy cái cà ràng lên cao, như nhắc ổi đang chín ngoài cây mau đi hái không thì chim ăn hết, sắp mưa rỗi kia nhớ đây mớ củi phơi trên giàn. Bởi đứa con nít cũng biết, tháng Mười nước lên hơn tiếng đờng hò rỗi rút, mỗi ngày hai lượt, bùn sinh nhão rỗi sẽ được gió chướng thổi khô. Nhưng những người đi khai phá đất hời nào, vốn quen với những dòng sông miền Trung chảy dốc đầy hung hiểm, từng trải cảnh lụt lội triền miên, lần đầu tiên thấy nước rong tháng Mười chắc đã trào lên ngọn cây, và ngạc nhiên thấy nước lên quá đầu gối một chút rỗi thùng thẳng bỏ đi. Nếu không thể coi nó là bạn, thì cũng như một người quen cũ, mỗi năm mỗi về thăm xóm, mang theo sự nhiệt tình thái quá mà muốn hay không miền sông cũng phải nhận. Nó sẽ vào tận buồng trong, căn bếp, chẳng gì cản được cơn tò mò của nước.

Xứ này không đê ngăn nước, chẳng phải bởi kinh rạch dọc ngang vô số chẳng sức đâu mà chặn, mà có đê cũng chẳng cản nổi triêu lên. Tươi ra và dâng lên từ lòng đất, nước rong không cần mương dẫn, đột ngột ngập một sân trường, một con đường theo cách của quỷ thần: không đến không đi, bỗng dừng ở đó.

Ở cái thành phố cách miệt sông trăm rưởi cây số, nơi vợ chồng bạn ngập đầu trong công việc tiệc tùng và những mối quan hệ, nước ròng tháng Mười cũng đủ sức khóa ngập hàng chục con đường. "Nước cỡ này thì chắc chan tới nhà sau thằng Út", chồng nói, dù đã xa miệt sông từ mười tám tuổi, vẫn thông thạo mức triêu, như thuộc lòng vị của các loại bia. Người đàn ông đó đã thay đổi nhiều kể từ khi cưới, bụng phệ ra, tay cần ly bia thường

xuyên hơn cầ m sách, dành nhi ều thời gian ở quán xá hơn nằm nhà coi truyền hình với vợ con, lo ằng những mối quan hệ họ hàng, nhưng không đánh mất căn tính của người miệt sông, như thấy nước rong vào thành phố bao giờ cũng rút điện thoại ra gọi thẳng em, "Năm nay nước lớn, nhà cửa không sao chớ? Lùi hui lại tới giỗ má nữa r ồi ha! " .

Ba năm đầu về giỗ, bạn bị nước ăn lở mấy khốe chân, em ch ằng nói trúng tòm thêm chục ngoài con nước nữa sẽ cất nhà lại, coi n ền thiệt cao, "nước muốn rượt theo cũng khó" . Khéo dành dụm, em cũng giữ lời hứa. Năm ấy giỗ trong nhà mới, mặt sông giỏi lắm là lấp ló mép sâ n. Nhưng hôm r ồi nghe em ch ằng kêu mới con nước đầu tháng mà sóng vỗ ướt hàng ba. "Nước năm sau cao hơn năm trước, kiểu này trước sau gì em cũng sắm chiếc xu ồng cho chị Hai bơi tới lui trong nhà, bữa về giỗ má" , em cà r ớn, giọng tỉnh khô.

Em ch ằng không ý thức cái gọi là biến đổi khí hậu, băng đang tan, nước biển đ ầy lên, và đất dưới sức nặng của con người thì đang chìm xuống. Sẽ cao mãi những con nước ròng tháng Mười, cho đến khi người ta cảm thấy ngộp thở với ngọn tri ều. Tự hỏi lúc ấy người miệt sông còn ung dung, khi đến dòng sông cũng đ ầy thù nghịch?

Có Sông Trong Mắt



Ừ bà nội còn sống, quãng cuối tháng mười một bà kêu mở tất

cả cửa lùa của cái nhà sàn bỏ trống dưới mé sông, “nay mai gì ghe Ba Trầu xuống tới”. Căn nhà đó trước là vừa gạo, từ bà nội thôi buôn bán, trở thành chỗ treo võng ngủ trưa, mà khi mở toang ra, nó trở thành cánh cổng lồng gió đón ghe kiểng người quen từ An Bình xuống.

Lần đầu chiếc ghe kiểng neo trước nhà, trên mũi ghe quây cái mê b ồ, nhốt thằng nhỏ chừng sáu tuổi để nó khỏi té sông những lúc bà mẹ nấu cơm, giặt giũ. Hỏi ba nó đâu, cô chủ ghe nhổ cốt trầu, gạt m ồ hôi nói, nói tới ngã bầy ổng tập vô bờ hú hí với vợ bé r ồi. Giọng tỉnh rụi như chuyện xảy ra không chỉ một lần. Bà nội kêu trời bước xuống ghe bưng thằng nhỏ lên nhà cho nó đỡ tù chân, bảo, “từ giờ cứ neo ghe đây, lo buôn bán, con cái để thím lo”.

Sau này, muốn nhớ ra đã bao nhiêu năm cứ đến chạp là ghe kiểng buộc dây ở trước nhà nội, thì lấy tuổi anh Thà, tức thằng nhỏ ở tru ồng bị nhốt trong mê b ồ h ồi đó, cộng thêm sáu, ra một con số ít nhiều gây kinh hãi. Quỷ thần ơi, mấy chục năm mà như mới đây thôi, cảnh anh Thà ngã khoanh trong lòng bà già người dưng, mút đường mía dính tay, làm lơ má ruột của mình sau một ngày kéo xe kiểng đi bán dạo. Lúc đó thấy dong ghe ra bến chợ buôn bán không ăn thua, bà nội bày cô Ba thuê chiếc xe kéo chắt kiểng lên, đem bán ngách này ngõ nọ. Chịu cực một chút, mà mớ kiểng vơi nhanh.

Đó là lúc gió chướng thổi ráo tạnh những cơn mưa, hong khô những khoảng sân bùn nhão, những rêu mốc trên tường rào, người ta bắt đầu nghĩ tới chuyện dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa, chuẩn bị cho lễ hội lớn nhất năm: tết. Gì thì cũng có chậu cây, chậu bông đăng trước nhà. Diện cho nhà cũng quan trọng như diện cho người. Cũng là bông giấy, nở tháng năm nhìn không đẹp bằng bung cánh vào cuối Chạp, nhưng chờ hoài chưa thấy nụ

nào. Vừa may, những ghe kiềng miệt trên như ghe cô Ba Trầu, cũng xuôi ngược theo sông mà tới.

Đất này giàu tôm cá, nhưng không giỏi trồng cây đẹp bông thơm, phải nhờ miệt trên chở xuống. Cả những loại cây trồng cho trái sai, trái ngọt, cũng mua giống từ những vườn ươm của Chợ Lách, Cái Mơn, Sa Đéc. Cô Ba Trầu không chỉ chở theo mớ bông, kiềng mình trồng trong vườn nhà, mà còn thu gom dài xóm. Chượng thối là ngựa ngáy, muốn xuôi dòng. Nhỡ sào đi chưa biết thắng thua, nhưng cứ đi, như tới cơn ghiền thì phải ăn trầu cái đã, chuyện khác tính sau.

Lúc cô Ba chống mũi ghe ra khỏi bến bắt đầu chuyển đi buôn dài ngày, cách đó ba trăm cây số, bà nội nhìn ra sân, nói mấy cây kiềng còi này mà vô tay con Ba, chỉ một tuần là mướt lại. Chúng đã sống lay lắt từ sau Tết, dù cô Ba đã căn dặn, cây nào phải tưới ít nước, xài loại phân bón gì, cây nào chịu nắng, ưa gió, nhưng nhà nội chẳng ai nhớ nổi. Hết Tết là kiềng còi, bông héo, lại ngóng cô Ba, dù chiếc ghe vừa tháo dây đi khỏi mới được chừng nửa tháng, mang theo một đồng nước mắt của mấy đứa con nít, tụi trên bờ tiền kẻ dưới ghe. Mặt còn đầy lợn ỉ do đánh bài thua, anh Thà mếu máo xuống ghe về Sa Đéc, như hồi nào khóc thét khi cô Ba vác lên vai. Đám nhỏ trên bờ cũng hao hụt mất một người chơi, đứng ngó theo thẳng bạn lủi thủi mũi ghe, chung quanh chỉ là sông với nước, nghĩ nó lênh đênh gần chục tiếng đồng hồ mới tới nhà, mà thương.

Nhưng trở thành người lớn rồi, cũng đâu phải không ngậm ngùi, khi nhỡ sào đi khỏi cái nơi cả tháng trời neo ghe, cùng ăn cùng ở với dân bản xứ, mà coi nhau như ruột thịt trong nhà. Những chiếc ghe kiềng xứ xa đậu ở đâu cũng được đùm bọc. Rất dễ dàng xin nước ngọt tưới cây, xin dầm bào ở các trại xường vên nấu nướng, nhờ một vài chỗ đậu ở bến đò để tiện bán mua.

Những bữa cơm tạm bợ của má con cô Ba Trầu lúc nào cũng được bà nội sẻ thêm chút cá kho, rau luộc. Ngó cảnh đàn bà chèo chống một mình đã thương, mà nết ăn ở của cô Ba cũng được lòng người. Không biết có

phải do ăn trầu, mà miệng cô lúc nào cũng tươi. Những nhà từng mua kiềng của mình, năm nào cô cũng ghé qua “thăm coi tội nhỏ ra sao”, sẵn tiện sẵn sóc, cắt tỉa lại không công. Tối lại cô dạy mấy chị bên xóm cách gói bánh tét chữ, hay bánh tét cầu vòng nhân trứng muối, sao cho khoanh bánh cắt ra sắc sỡ tím lá cẩm, xanh lá dứa, vàng đậu xanh. Cũng từng ấy nguyên liệu, nhưng người xứ cô Ba gói cầu kỳ khiến đàn bà Cà Mau nề phục.

Bà nội nói con buôn có năm bảy loại, nhưng những người biết cúi xuống nâng niu một cái cây, một nhánh bông, không phải người chỉ biết có tiền. Ngó anh Thà càng lớn càng giống mẹ, thấy cây sứ trong sân bị úng nước ra sức cứu cho bằng được, bà nội nghĩ tới thằng con trai út của mình, suốt ngày ôm gà nòi đi cấp độ. Hai người trạc tuổi nhau, hồi nhỏ xúm chơi cùng, nhưng lớn lên mỗi người một kiểu sống. Chú Út Cưng suốt ngày bị so với anh Thà, bụng không vui.

Sau này, lúc bà nội mất rồi, lần nào gặp lại chú Út Cưng cũng hề hả nói, “hồi đó bà già mở miệng ra là khen thằng Thà, giờ coi ai ngon hơn. Mở quán ngửi không cũng có ăn, đâu phải dang nắng lợm bạc cắc”. Đó là lúc tháng Chạp quay trở lại, anh Thà kéo xe kiềng ngang qua, ghé lại đốt cây nhang cho bà nội. Áo bạc màu, da sạm nắng, chỉ cái cười nắng toả, nhẹ nhõm, không nhuốm muộn phiền. Kiểu người ngửi không sẽ nhăn rúm, nhưng chỉ cần chạm tay vào một nhánh cây, sức sống lại tràn đầy. Nên nhìn quán nhậu nhẽ nhại bột bia của chú Út Cưng, anh chẳng có vẻ gì thêm muốn.

Ghe anh cũng lâu rồi không đậu ở khúc sông này, vì con đường mới mở làm cả xóm riu rít quay mặt theo nó, để sông lại đằng lưng. Dưới sông nhìn lên chỉ thấy những tường vách cao, những cửa sau ít khi nào mở. Nhưng có neo ghe ở đâu, xa cỡ nào, anh Thà cũng kéo xe kiềng qua nhà, để lại cặp cúc đẹp nhất, nói “má gửi cúng nội”.

Giao ghe cho thằng con, cô Ba phải ở nhà nấu thuốc cho ông chùng cũ, đang nằm đau sau bao bận giang hồ. Hỏi sao còn đối xử tốt với con người

tệ bạc ấy chi, cô Ba cười, thấy cây kiềng còi mình còn sẵn sóc, ông nông
nổi vậy bỏ luôn sao đành.

Chắc vì nhà cô hướng ra sông, nên lòng người cũng rộng.